

SANGTAO

THÁNG BA 1958

KHẢO LẤN :

MAI THẢO Và một hiện tượng trường thành
của nghệ thuật
NGUYỄN SỸ TẾ . . . Sĩ phu Việt Nam trước cuộc xâm lăng
của người Pháp
LỮ HỒ Bài ca của một cường sĩ
THÁI TUẤN Đường nét và màu sắc

SÁNG TÁC :

VĨNH LỘC Giác ngộ buổi chiều
TẠ TỶ Những viên sỏi
LÝ HOÀNG PHONG . . . Những giờ cuối cùng của Thời
DOÀN QUỐC SỸ Dòng sông định mệnh

THƠ TỰ DO CỦA :

THANH TÂM TUYỀN — PHẠM NGUYỄN VŨ

QUA CÁC BỒ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN ĐĂNG : ĐỌC : *VŨ NỮ SAIGON* phỏng sự của **HOÀNG HẢI THÚY** — *NHẠC KHÚC MÀU XANH* thơ **TUẤN GIANG** — **MAI THẢO** :
ĐỌC : *TRÊN VĨA HÉ SAIGON* tuyển ngôn và bút ký của **TRIỆU DẬU** —
THẦN THÁP BỬA tuyển ngôn của **VŨ KHẮC KHOAN**.



CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP :

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÀ A 50A-1 VÀ TP. SỰ 133B KỶ CON — SAIGON

SỐ 18

80 trang : Giá **10\$00**

NỘI DUNG SỐ NÀY :

	Trang
MAI THẢO	VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TRƯỞNG
	THÀNH CỦA NGHỆ THUẬT 1
VĨNH LỘC	GIẤC NGỦ BUỔI CHIỀU 10
LÝ HOÀNG PHONG	NHỮNG GIỜ CUỐI CÙNG CỦA THOẠI . 17
NGUYỄN SỸ TẾ	SĨ PHU V.N. TRƯỚC CUỘC XÂM LĂNG
	CỦA NGƯỜI PHÁP 24
PHẠM NGUYỄN VŨ	HÀNH KHÚC 32
TẠ TỶ	NHỮNG VIÊN SỎI 33
THANH TÂM TUYỀN	NHỮNG BÀI THƠ
	CỦA THẠNG CHẠP ĐAU BUỒN. . . . 46
LỮ HỒ	BÀI CA CỦA MỘT CUỒNG SĨ 51
DOÃN QUỐC SỸ	DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH 61
THÁI TUẤN	ĐƯỜNG NÉT VÀ MÀU SẮC 73

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN ĐĂNG : ĐỌC : VŨ NỮ SAI GON CỦA HOÀNG HẢI THỦY (trang 78) —
NHẠC KHÚC MÀU XANH THƠ TUẤN GIANG (trang 79) — MAI THẢO : ĐỌC :
TRÊN VĨA HÈ SAI GON CỦA TRIỀU ĐẦU (trang 78) — THẦN THÁP RỪA TRUYỆN
NGẮN CỦA VŨ KHẮC KHOAN (trang 79)

ĐÃ PHÁT HÀNH SÁNG TẠO ĐÔNG THÀNH TẬP TẬP II : TỪ SỐ 7 ĐẾN SỐ 12

In trên bìa cứng, trình bày mỹ thuật, giấy trên 300 trang, giá độc biệt
30\$00. Các bạn chưa mua hoặc chưa có đủ bộ nên tìm mua ngay ở các
sạp báo và hiệu sách, vì số in chỉ có hạn.

Ngoài ra Tòa Soạn còn giữ lại từ số 1, mỗi số 100 cuốn đề rời. Bạn đọc
cần mua số nào xin ghi rõ trong thư, kèm theo số tiền (bằng bưu phiếu
hoặc bằng tem—mỗi số 8\$00—kể cả cước phí) Ty quản lý sẽ gửi thẳng
báo đến địa chỉ.

THƯ TỪ BÀI VỞ GỬI CHO : MAI THẢO
TIỀN BẠC VÀ NGÂN PHIẾU CHO : ĐẶNG LÊ KIM
TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO
133 B, đường Ký Con — SAIGON

Mai Thảo

Về một hiện tượng trường thành của nghệ thuật

QUA những lần họp mặt, trao đổi ý kiến với một số bạn hữu đứng trong các ngành nghệ thuật khác biệt, từ văn thơ đến họa nhạc, đến sân khấu, có một hiện tượng tôi cho là tốt đẹp nhất tự đó tôi đã nhìn thấy những tác phẩm lớn đánh dấu một sự trường thành rực rỡ sắp tới. Đó là : *một ý thức mới về nghệ thuật* càng ngày càng sáng tỏ, trong nội giới của từng người văn nghệ.

Khoán nói tới cái ý thức về trách nhiệm của tác phẩm đối với quần chúng yêu thích văn nghệ, đến ảnh hưởng và tác dụng của nghệ phẩm trong đời sống. Tôi chỉ muốn nói đến ngọn lửa ý thức đã cháy sáng trong chính bản thân, trong chính tâm hồn người sáng tác. Cái ý thức nội tại của nghệ thuật, về nghệ thuật, nó khiến cho chúng ta phải suy nghĩ « về mình » ngay trước khi cầm bút sáng tác. Một tâm trạng thỏa mãn cũ đã mất đưa tới những vấn đề mới. Những vấn đề ấy để ra những bản khoán thác mắc mới.

Xin đừng nhầm với những bản khoán thác mắc giả tạo theo dẹt chung quanh « cái phi lý » đã trở nên một căn bệnh trí thức khó chịu của thời đại. Hãy gạt ra những trường hợp tâm hồn yếu đuối, ùa theo bất cứ một tư trào nào. Không, còn có những bản khoán những thác mắc chân thành và lành mạnh của người sáng tác không bằng lòng về đất đứng hiện tại, về trình độ nghệ thuật của mình, bởi thấy mình đã lớn lên. Và trước không khí trường thành của toàn thể, đã thấy là cần thiết một sự nhận định lại con người, khả năng và giá trị sáng tác đã có. Sự bất động, sự đứng im trên những dấu chân cũ không thể kéo dài nữa.

Một vài người bạn tôi bỗng nghĩ viết nghĩ vẽ nghĩ làm thơ. Mới đầu tôi cho là vì mệt mỏi, tự mãn. Tìm hiểu nguyên nhân thấu đáo hơn, tôi mới thấy họ đang sửa soạn và tìm kiếm cho những đứa con tinh thần sắp tới một sinh khí trẻ mạnh và một bộ mặt rực rỡ hơn.

Những người ấy một lúc nào đó nhận thức sự thất bại, những sai hỏng, non kém của nghệ phẩm đã được tạo tác, không muốn đắm mình trong sai hỏng thất bại ấy, đã đứng lại. Giây phút đó thật buồn nản, đau đớn. Nhưng thái độ ấy chân thành và đẹp. Nó là một thái độ nghệ sĩ.

Đã khám phá được nguyên nhân, tôi liền thấy trạng thái tưởng như rất đáng lo ngại kia chính là một hiện tượng đầy hứa hẹn cho chúng ta lại có quyền tin tưởng vào tiền đồ văn nghệ đất nước. Những thành tích thu được chưa đáng kể. Những công trình đã thực hiện còn nghèo nàn. Vậy mà tôi yên tâm. Yên tâm vì ngọn lửa ý thức kia đã cháy lên, vì những người bạn đường đều chung một nhận định là nghệ thuật đã tới lúc phải được xây dựng trên một bình diện cao rộng hơn. Quan niệm đó biến thành trách nhiệm và tiêu chuẩn. Càng ngày nó càng tác động sâu xa trong tâm hồn người sáng tác. Bởi đó phát sinh ra những bản khoản thường trực. Vấn đề kiểm thảo lại tư tưởng nghệ thuật, xác định lại những công trình đã thực hiện có một ý nghĩa quyết liệt, căn bản. Nhưng chúng ta đã có can đảm đặt nó ra, tìm phương pháp giải quyết. Có người nói : đó là quá trình tất yếu của một giai đoạn khủng hoảng đưa tới trưởng thành. Con người tự soi ngắm thấy mình còn ấu trĩ. Tôi nghĩ khác. Tôi cho đó là một trạng thái tâm lý chỉ những người đã trưởng thành mới có. Chỉ những con người đã vững chín mới dám tự đặt cho mình những vấn đề mới dám tự nhận thức sự thất bại. Dám nói : « tôi đã làm hỏng và bây giờ tôi quyết định nếu cần sẽ khởi hành từ con số không » chỉ có thể là tiếng nói của người trưởng thành mà thôi.



Bài giới thiệu trong số mùa xuân S.T. tháng trước có câu : cuộc khởi hành của người văn nghệ Việt Nam trên con đường khám phá những chân trời những thế giới mới đã bắt đầu, đã ghi nhận một sự thực. Tôi muốn nói rộng thêm về nhận xét ấy là những người văn nghệ chân chính ở đây đã bắt đầu hướng trọng tâm sáng tác theo những trình độ, những tiêu chuẩn đến nay chưa thực hiện được. Sự xao động thật lớn lao. Tưởng chừng nỗi khát vọng đặt chân vào những khoảng đất, những chân trời xa rộng hơn chưa bao giờ sôi nổi đắm thắm và thúc đẩy dữ dội đến thế. Một ý thức chung về trưởng thành đi đôi với bản khoản thể hiện những công trình mới. Những công trình nếu không vượt được, ít nhất cũng phải tương xứng với sự trưởng thành chung.

Ý thức ấy càng đẹp thêm bởi ba điều này :

1. — Chúng ta tự xác định lại giá trị những công trình nghệ thuật không cần chờ đợi, không cần dựa theo thái độ của quần chúng yêu thích nghệ thuật. Có thể sự yên thích của quần chúng vẫn không hề

suy giảm, những tác phẩm chúng ta đem duyệt lại ấy vẫn được quần chúng đón nhận. Nhưng tác giả của nó thì đã không chịu công nhận nó nữa. Người sáng tác đã có được sự minh bạch trí thức. Không muốn tự đánh lừa mình, đâu có thể đánh lừa người. Không muốn ngoảnh mặt trước sự thực không tốt đẹp dù chỉ có riêng mình nhận thấy.

2.— Ý thức ấy hết sức độc lập và cũng hết sức cá nhân. Một lúc nào đó người sáng tác bỗng khám phá thấy rằng những công trình tạo tác của mình đau yếu nghèo nàn, không có lý do tồn tại. Phải thay đổi phải làm mới, phải hủy bỏ. Phải hy sinh hết nếu cần, kiến thiết lại sự nghiệp trên những đồ vỡ cũ. Tôi vui mừng và thâm tâm tôi lúc nào cũng tự hào về cái « hơn » của chúng ta (nếu đôi khi thoáng lên một ý muốn so sánh) đối với văn nghệ miền Bắc chẳng hạn, là chúng ta đã từng người tự ý nhận thức được sự thiếu sót sự non kém về một mặt nào đó của nghệ thuật mình. Tôi nói tự ý. Không cần một cuộc chỉnh huấn một phong trào sửa sai nào mới làm chúng ta giác ngộ. Tôi nghĩ đến những quyết định độc lập chỉ có ở người nghệ sĩ. Đến Rouault một mình trong xưởng vẽ phóng lửa đốt cháy bốn trăm bức họa của đời ông, vì thấy cần phải hủy bỏ chúng, vì không bằng lòng mình, mặc dầu những họa phẩm đó vẫn là những giá trị vô song đối với quần chúng. Đi trước, bỏ ngoài thái độ của người khác, người sáng tác tự biến thành người phê bình tác phẩm mình, định cho nó được sống hay phải chết. Thái độ ấy làm tôi liên tưởng tới thái độ bị điều động mới có, là thái độ của người văn nghệ cộng sản. Ý tự kiểm thảo chỉ vì một phong trào kiểm thảo chung đã được đề ra mà y phải tuân theo. Một đảng tự ý, độc lập. Một đảng trái ngược hẳn. Là người trước hết nhận thức sự thất bại của mình mặc dầu sự thành công của người khác, thái độ đốt tranh của Rouault cũng là thái độ của người văn nghệ tiến bộ ở đây.

3.— Ý thức ấy biểu dương một hành động can đảm. Nó chứng minh một lần nữa sự trưởng thành của chúng ta. Có những người bạn tôi đã không ngần ngại tuyên bố : « những sáng tác của tôi, tôi nhận là một sự thất bại » ngay khi lòng yêu mến tác phẩm của họ còn nguyên vẹn và sự nghiệp họ chưa có gì khác thay thế. Con đường mới chân trời mới chưa ngó thấy nhưng đã dám rời xa tức khắc con đường và chân trời cũ.

Chỉ có những người gửi gắm một lòng kính yêu tuyệt đối cho nghệ thuật, nhận thức nghệ thuật trong cái ý nghĩa thiêng liêng cao quý nhất của nó mới dám đi tới những quyết định như vậy. Chỉ những người duy trì được một niềm tin sắt đá vào con người, vào khả năng mình, mới dám sống cái thái độ quyết liệt đó. Thái độ tiến bộ ấy là

một thái độ tiên phong cách mạng. Nó là yếu tố cấu thành một nền văn nghệ tiên phong cách mạng.



Tôi nhớ có một nhà thơ danh tiếng ở đây đã tóm tắt tâm trạng đó lại, cho là một thảm kịch. Thảm kịch của những người mà *ý thức đã vượt tài năng*. Theo tôi, không đúng. Thực ra lúc nào và bao giờ mà ý thức không vượt tài năng? Tôi chỉ thấy đó là một tâm trạng chung rất dễ hiểu, cái tâm trạng phải có, những người làm nghệ thuật luôn luôn đặt vấn đề với tài năng mình, không bao giờ bằng lòng với những công trình đã được tạo tác. Người nghệ thuật không bằng lòng với hiện tại là thế, chứ không phải là không bằng lòng với đời sống hiện tại. Nó cất nghĩa tại sao Rouault đốt một lúc tất cả họa phẩm của ông, tại sao Bethoween phút hấp hối còn hoài nghi cái thiên tài thần thánh của mình, tại sao một nhà thơ này một nhà văn nọ lúc khép mắt trên một sự nghiệp vĩ đại còn hỏi: tôi đã làm được gì đáng kể chưa? Sự vô xé đó thường xuyên trong tâm hồn người sáng tác thù nghịch sự dễ dàng, những thành công thứ nhất, lúc nào cũng canh cánh vươn tới cái cao cái đẹp tuyệt đối. Vậy thì cái ý thức vượt tài năng đó không phải là một thảm kịch. Tôi cho là đúng, nhận xét này của một nhà thơ khác « đó chỉ là cái *vấn đạo đức văn nghệ* mà mỗi chúng ta vẫn giữ được ». Tự đó tất cả có thể bị phá hủy hết nhưng tất cả rồi cũng sẽ được dựng lại. Diêm ánh sáng đạo đức ấy sẽ hiện thành ý thức nghệ thuật trên. Nó đang cháy. Nó đã cháy cả đến những tâm hồn vốn tự tại tự mãn nhất, làm thành một sự *lay động* thường xuyên căn bản trong đời sống văn nghệ hôm nay. Chúng ta đang quần quai trong sự dầy vò sự lay động đó. Rồi chúng ta mới bay nhanh đi xa hơn trước. Có thể, mới có những công trình sáng tạo mới.



Nếu hôm nay có người hỏi tôi căn cứ vào những yếu tố nào để mình chứng nổi lòng tin của tôi trước hiện tình văn nghệ miền Nam? Tôi sẽ trả lời bằng ba điểm trên. Tôi sẽ trả lời rằng những triệu chứng còn tiềm ẩn ấy, cái ý thức mới ấy đã làm cho tôi tin tưởng.

Mỗi lần hoảng hồn tôi chạm mặt từng người

Có phải chúng ta đang sửa soạn?

Thái độ trầm tĩnh đầy ý nghĩa trước giờ phút nổ bùng cách mạng ấy là thái độ của người sáng tác cũng đang làm cuộc cách mạng với chính bản thân và sự nghiệp mình. Không, chúng ta chưa có những thành tích ghê gớm. Nhưng mà tôi không hoài nghi. Không,

chúng ta chưa làm được những biểu đồ vĩ đại, chưa có những con số lớn. Nhưng mà tôi vẫn tin tưởng. Sự nhận định về tình trạng văn nghệ hôm nay có thể sa vào những nhận thức sai lầm nếu chỉ căn cứ vào những con số, những thành tích. Mỗi người là một bản thảo. Chúng ta đang sửa soạn. Sửa soạn những cuộc khởi hành mới trên những nẻo đường đến những chân trời mới. Những bản thảo chưa thể hiện, ngày chưa dưng, chưa khởi hành, nhưng cái không khi sửa soạn đã rạo rực trong bóng tối. Kể trước người sau chúng ta đang làm cái công việc âm thầm nhưng thiết yếu là thu lượm tích lũy những vốn sống mới. Chúng ta đang hái những nhành hoa cắm vào cái bình thay thế cho những nhành hoa không còn đẹp nữa hôm qua.



Không, chúng ta không bất động, không gục ngã. Chúng ta không chết, không hết. Chỉ là ngừng lại, thở không khi đầy ngực đề đi tiếp mà thôi. Người bi quan lớn tiếng than thở về cái tâm trạng rữa nát, tan vỡ, hủy hoại như chưa từng rữa nát, tan vỡ, hủy hoại như thế bao giờ của văn nghệ Việt Nam hôm nay, chỉ nhìn thấy khía cạnh tĩnh tại một sự kiện, một trạng thái đã thuộc vào một quá trình tiến triển nào đó, mà không hề nhìn thấy « mỗi chúng ta là một bản thảo » « mỗi chúng ta đang âm thầm sửa soạn ».

Cũng phải nhận một điều này : có một số tác phẩm mới vẫn còn đến với quần chúng trong những dáng dấp buồn thảm mờ tối. Sự thực có một phần. Bởi những bản khoản thác mắc chính đáng như tôi đã nói. Nhưng một phần lớn là vì vẫn còn một số người đã thua trước làn giao tranh thứ nhất. Họ không chọn mà nhận ngay sự sống là những tiếng kêu khóc thảm thiết, một tâm trạng tuyệt vọng chum lấp sóng núi. Rồi đi đến đâu cũng chỉ biết có một việc phở trương những tiếng kêu khóc, lòng bất mãn, tâm trạng chán trường của họ, sự chối từ của họ đối với tất cả. Hoài nghi tuyệt vọng không còn là những trạng thái lạnh mạnh nữa. Đầy đi quá độ, những danh từ viết hoa được đóng lên những cái khung vàng sẫm, biến thành những cái vỏ những cái áo người ta đội lên đầu lên cổ, kêu la dấy dựa trong đó. Giữa niềm tin yếu, cuộc chiến đấu lẻ loi anh dũng của chúng ta đề gia nhập tiếp xúc trở lại với những khu vực những bình diện sinh động chan hòa nhất của cuộc đời, có một số người sáng tác đã tự giam mình trong những cái lưới. Mỗi mắt lưới là một mắc cãm, một thế giới màu xám. Người ta sàu thăm vĩnh viễn trong lưới, không có một cố gắng nhỏ nào để tìm hướng thoát ra. Tâm trạng những người nằm trong lưới trong những thế giới xám ngắt ấy, theo tôi không phải là một tâm

trạng của thời đại. Tôi còn muốn nói là của thời đại này. Vì tôi vẫn nghĩ rằng những người chưa sống chưa thể có được một tâm trạng thực và đúng của thời đại. Cuộc sống hôm nay vẫn còn nguyên vẹn một nơi nào cái khối giàu có huy hoàng của nó cho người, nhưng con người ít nhất cũng phải có một cố gắng tối thiểu để tìm kiếm tới. Nghệ thuật chúng ta hôm nay cũng vậy. Không, chúng ta không bất lực. Chúng ta chỉ gặp những trở lực. Hướng đi có những chướng ngại đứng chắn. Sao lại cho những chướng ngại ấy là hình ảnh ngã đường? Người sáng tác hôm nay đã cùng với thời đại trải qua những thời kỳ hoang mang đen tối, chính bởi đó mà họ tin tưởng và nhận trách nhiệm xây dựng nghệ thuật thời đại. Thơ văn chúng ta thể hiện sức mạnh con người vĩ đại thêm sau mỗi lần thử lửa.

Tôi đã đọc một số tác phẩm điển hình. Những tác phẩm được nói đến nhiều nhất, có những tiếng vang lớn. Tôi yên tâm vì cái ý thức sáng chói của người viết, về cái năng lực tiềm ẩn chứa dấu trong đó. Những giọng chữ những câu thơ buồn nhất cũng vẫn rung động một ý sống trầm trầm như mạch nước chảy ngầm dưới một mặt biển lặng sóng. Quá khứ cấu tạo sự trưởng thành của chúng ta làm bằng mưa giông bão táp và lửa thép. Con người đã từng bị quay cuồng xô đẩy tàn nhẫn trong cơn lốc khủng khiếp kia. Vậy mà họ vẫn sống và vẫn sáng tạo được. Người sáng tác phải nằm trong số những người đó. Tôi đã sống một cuộc đời. Anh đã sống một cuộc cách mạng. Chúng ta đã sống những ngày tháng chia cắt. Bao phen nghệ thuật, con người, đất nước tưởng mất lại còn, ngã xuống lại đứng đứng dậy. Rồi tới trưởng thành. Nghệ thuật hôm nay mang tiếng nói của những con người còn lại. Những con người không thể ngã xuống được nữa. Chúng ta thận trọng vì thế. Những người bạn tôi nghĩ viết nghĩ vẽ nghĩ làm thơ vì họ muốn đi những bước lớn hơn. Vì họ không thể tự cho phép được vấp ngã nữa. Và đó cũng là một trong muôn nghìn thái độ của con người trưởng thành. Theo tôi, không có vấn đề ý thức vượt tài năng mà chỉ có ý thức vượt đời sống. Tôi nghĩ đến cái tâm trạng của một người sáng chiều vui đầu trong rừng sách một thư viện, không biết thế nào là những cảnh sinh hoạt phường phố ở ngoài. Những sáng tác của chúng ta xem chừng như nghiêng nặng về sách vở. Hiểu biết về đời sống nhiều hơn là rung động với nó. Thể hiện vào sáng tác, kỹ thuật vượt khỏi nội dung. Cái bình đẹp hơn nhánh hoa. Sự trưởng thành của chúng ta hôm nay đòi hỏi một trạng thái hòa đối giữa nội dung và kỹ thuật, giữa tư tưởng và đời sống, giữa những giờ phút sống trong thư viện và những giờ phút ở ngoài.

Ý thức mới đã giúp chúng ta nhận thấy sự thiếu quân bình ấy.

Niềm tin trước một hiện tượng trường thành tuy vậy không phải là không có thấp thoáng những lo lắng về một số nhược điểm chúng ta chưa khắc phục được. Ở một buổi họp mặt tháng trước mà cuộc thảo luận chạy quanh tiêu đề « Tìm một hướng đi chung và một ngôn ngữ » tôi nhớ được ý kiến này của một tác giả bạn :

— Nếu có một hiện tượng khiến chúng ta phải suy nghĩ là những sáng tác của chúng ta hiện nay còn bị vây bọc trong một « cái tôi » thật lớn. Hồ nhất ở các sáng tác ngắn. Tác giả nếu không là nhân vật chủ động thì cũng là người phát hiện cảm nghĩ riêng tư nhiều nhất. Bóng dáng tác giả trùm lấp che khuất bóng dáng nhân vật. Cái lối xử dụng « nhân vật đại danh tự ngôi thứ nhất » ấy làm mờ yếu cốt truyện, đánh lạc cá tính nhân vật và sự linh động của sự việc. Đến nỗi nhiều khi người sáng tác chỉ mượn nhân vật cốt truyện làm bình phong nấp kín sau đó để nói về mình. Tôi viết về tôi đã đủ. Phải chuyển hướng. Tôi sẽ viết cho người khác về người khác ».

Nói nhiều về cái «tôi» dù cái «tôi» theo một nhân sinh quan mới, cũng là một nhược điểm. Nói về người khác tức là đặt thành vấn đề tham dự cuộc sống một cách tích cực và tha thiết hơn. Đó là một lẽ tất nhiên. Chúng ta không sống đời sống của toàn thể thì đừng bao giờ nói chuyện tôi thể hiện đời sống của toàn thể. Thiếu vốn sống là một sự non yếu chúng ta không phủ nhận. Đó là kẻ hồ lớn nhất trong vị trí hiện nay của người sáng tác. Chúng ta đang tìm cách lấp đầy kẻ ở ấy lại. Mỗi sự khắc phục là mỗi cuộc chiến đấu. Mỗi cuộc chiến đấu một đối tượng riêng. Người văn nghệ Việt Nam hôm nay theo ý chúng tôi thấy mấy đối tượng họ đang chiến đấu để khắc phục :

1.— Sự tồn tại của một số mặc cảm. Nói cách khác, ảnh hưởng tại hại của một số thành kiến, đã đứng đứng giữa con người và cuộc sống như những biên giới. Lòng tiếc thương một quá khứ lộng lẫy, cảm tưởng kinh hoàng ngỡ sợ trước sự chi phối tàn nhẫn của một thời kỳ lữ đạn, một quan niệm chống đối cực đoan v.v... kết tinh thành những mặc cảm đè nặng xuống tiềm thức. Chúng kéo đi lê thê qua tâm hồn như những giải mây đen. Con người mặc cảm sống không hồn nhiên, không tự do. Năng lực sáng tạo bị hủy hoại kìm giữ. Mặc cảm đưa tới tâm trạng xa lánh và khép kín. Sự sống trở nên nghẹn ngào, ỉn bưng, ngọt ngào.

Nói về thứ mới, tôi muốn nói tới sự chiến đấu phá bỏ những mặc cảm ấy của người văn nghệ Việt Nam.

2.— M. chấm đen thật đậm nét nữa cần phải nêu ra là cái chấm đen cũ lý trí. Bức tường, cái ngục tối lý trí. Những tác phẩm trước đây của chúng ta là những công trình thông thái nhưng thiếu

hắn xúc động. Tình cảm xuống thứ yếu. Tôi biết có rất nhiều bạn hữu như tôi còn đang vùng vẫy để thoát ra, thoát ra hẳn, sự chế ngự vô hình của lý trí, lìa bỏ những vùng đất đai cần cỗi diu tâm hồn tìm đến những vùng trời xanh trong những khoảng đất tươi mát hơn. Nếu có một nguyện vọng thầm kín thường xuyên nung nấu tâm tưởng con người sáng tác trong tôi thì là : phải sống phải viết thế nào để có được những tác phẩm mà hiệu lực truyền cảm bắt gặp và tác động được, không phải ở lý trí mà ở tình cảm, của người đọc tôi. Những nỗi vui những nỗi buồn tôi thể hiện ra cùng sẽ là những nỗi vui những nỗi buồn của người đọc tôi. Phải rồi, tác phẩm trước hết phải truyền cảm. Tôi vẫn nhủ thầm với tôi như vậy. Nhưng đến nay tôi biết niềm ước mong tha thiết ấy vẫn chưa được đạt tới. Nếu có, kết quả cũng chẳng bao nhiêu. Đó cũng là một hiện tượng chung. Tình cảm bị vây chưa phá vỡ được cửa ngục lý trí. Hiện tượng này tôi cho là một thảm kịch điển hình nhất của người sáng tác. Cái ý thức mới về nghệ thuật càng làm cho chúng ta cảm thấy cần thiết bao nhiêu sự khôi phục lại cái vốn tình cảm đã hao hụt. Bởi vì chúng ta cùng quan niệm rằng thép lửa mưa bão thời đại không thể tạo chúng ta thành những mẫu người cứng rắn cái cứng rắn của kim khí. Con người suy tưởng đang nhường chỗ cho con người rung động.

3.— Hiện tượng trưởng thành còn nằm trong một trạng thái bất bình thường đã trở lại hòa đối, bình thường. Chênh vênh siêu đồ trở lại rộng thẳng vững chãi. Những tác phẩm không hò hét nữa. Trầm lắng hơn cho nên cũng sâu cũng thực cũng chứa đựng hơn. Một tâm trạng sáng suốt thư thái đưa tới những cảm xúc đúng độ, không giả tạo. Sự trưởng thành đi dần vào lãnh vực của cái thực. Tôi thấy mất dần đi tất cả những cái gì được mệnh danh là siêu đồ là chơi vơi. Người sáng tác tìm hẳn vào những khoảng sống nhất của đời sống. Sự trưởng thành đánh mất tính chất phiến diện. Nó giúp chúng ta bình tĩnh hơn và bởi vậy cũng vững vàng cũng sâu sắc hơn. Không, trời đất không sập xuống. Con người trưởng thành không sợ trời sập.

Tự tâm trạng nạn nhân của những biến cố, đến tâm trạng chủ động của người đã nhìn thấy đã nắm vững tương lai, sáng tác mất dần tính chất giai đoạn cũ. Không, sớm mai trở dậy, chim vẫn hót, nắng vẫn đẹp, nhân loại vẫn còn, con người không hủy diệt. Những công trình sáng tác mới phải là những công trình trường cửu. Chúng ta không sống một ngày mà cả nghìn ngày. Vậy thì chẳng cần phải vội vã, phải hấp tấp. Trái chưa chín, đến mùa sẽ chín sẽ thơm. Không cần phải ngắt xanh, phải dấm nó. Không cần phải đốt cháy giai đoạn. Chỉ sợ thiếu hơi không đi hết đường dài. Không sợ không có đường dài để đi, để đến. Sự trưởng thành nhập dần vào một sắc điệu

thư thái, tuần tự. Lối sống chúng ta hết hoảng hốt, trở nên trầm lắng, tác phẩm cũng vậy. Trên một nền tảng vững vàng của một trạng thái tâm hồn đã bình thản lại, chúng ta khởi đầu thực hiện một công trình sáng tạo lâu dài. Sự trưởng thành mang tính chất lâu dài này.



Tôi chưa nhìn thấy nền văn nghệ trưởng thành của chúng ta trong ngày tới sẽ mang một sắc thái nào nhất định. Tôi vẫn suy nghĩ về chỗ đó. Nhưng thâm tâm tôi lại thích thú chính ở chỗ không lượng đoàn được cái khuynh hướng chung kia. Có thể không có một khuynh hướng chung. Sáng tạo thật đúng như cuộc sống. Nó nghệ thuật ở chỗ nó dành cho chính người sáng tạo những bất ngờ to lớn. Ý thức mới về nghệ thuật là một trạng thái của toàn thể nhưng mỗi người có thể ý thức một cách khác. Cũng như lượng sống mới cần yếu cho tất cả, mỗi người cũng đang tích lũy thu lượm, tìm kiếm một cách khác nhau. Sự thể hiện cũng khác biệt. Tôi nghĩ đến hình ảnh một đoàn người cùng lên đường—cùng đi một đường—nhưng người nào cũng có một dáng điệu, một lối đi riêng. Đây không là cuộc đi bị khuôn nhập của một đoàn lính. Hội vui cùng đến mà không đi chung một thuyền. Tinh thần độc lập thấm lắng, tác động trong mỗi chúng ta triệt để và mãnh liệt đến nỗi chúng ta không thể cho phép chịu đựng bất cứ một ảnh hưởng nào, dù xấu dù tốt, dù ở một người bạn. Không, giai đoạn trưởng thành còn là một giai đoạn quyết định. Nó sẽ làm cái việc đãi lọc. Đãi cát lấy vàng. Nó sẽ chấm dứt một tình trạng nhập nhằng, vàng thau lẫn lộn. Những sự kiện sẽ chói sáng hoặc sẽ chìm vào bóng tối. Không thể còn cái hiện tượng tranh tối tranh sáng cũ. Không thể còn sự vay mượn, sự nhặt nhạnh, lấy vốn người làm vốn mình, dù những cái đó đã được khéo léo chế biến. Sẽ ngã xuống sẽ ở lại những con người chỉ biết nép mình vào bóng dáng kẻ khác, thiếu hẳn những nguyên liệu cần thiết tối thiểu để sáng tác một công trình nghệ thuật thực sự. Trong trưởng thành, chúng ta phải bay lên bằng đôi cánh riêng của chúng ta. Có cứng mới đứng lại được ở đầu gió.

Bởi vậy cái ý thức mới về nghệ thuật mà tôi nói là đang cháy sáng trong nội giới của từng người văn nghệ hôm nay, ngoài ý nghĩa một dấu hiệu trưởng thành tốt đẹp còn có một ý nghĩa khác, rất quyết liệt. Nó bắt chúng ta phải tự đặt lại một số vấn đề. Và nó còn đòi hỏi ở mỗi chúng ta những nỗ lực nếu chúng ta không muốn là kẻ ở lại trong một chuyến đi, đứng ngoài một cuộc dựng xây mới, nếu chúng ta không muốn trưởng thành.

MAI THẢO

Vinh Lộc

Giấc ngủ buổi chiều

ĐỪ A bé giật mình trên tay Thủy. Nó khóc rề lên. Hai chân đạp xuống chiếu. Tay quờ quạng lên ngực mẹ. Thủy bừng mắt. Mồ hôi ướt đầm một bên vai áo. Nàng quờ tay lấy chiếc quạt phẩy phành phạch trên mình đứa bé. Người nó cũng xăm xấp mồ hôi. Mùi khai bốc lên nồng nặc từ manh chiếu ẩm. Gian nhà tối nóng hầm hập. Lâu lâu Thủy nghe có tiếng gõ cánh cạch ở bên cạnh. Ông lão láng giềng đương đóng thùng. Tiếng nước chảy ồ ồ và tiếng thùng sắt tây va vào nhau. Mấy cô ả gánh nước đương giành giật chỉ choé.

Đợi con thiú thiú ngủ, Thủy nhè nhẹ trở giấc. Nàng mở hé cánh cửa sổ. Bên ngoài ánh nắng đã nghiêng xuống thêm nhà trước cửa. Tiếng máy xe chạy xanh xạch gần nhà. Vợ chồng anh Thời đương sửa soạn đi chơi. Anh chồng làm thư ký hăng buồn, người nhỏ nhắn, hiền lành. Cô vợ béo lẳn, mặt chát bự phấn.

Buổi chiều chậm chậm về. Từ con đường ngò hiu hiu tại tại một đợt gió nóng âm ỷ. Thủy loay hoay lấy hộp gương lược để lên bàn. Mùi nước hoa lẫn mùi mồ hôi ủ trong mớ tóc rối. Nàng thoáng gấp net mặt phờ phạc của mình trong tấm gương nhỏ. Dầu Thủy hãy còn choang vàng, như tiếng kèn tiếng trống đập xoi vào thái dương. Thì ra là một giấc mơ. Thủy vẫn thường nằm mơ như vậy. Những hình ảnh trong giấc ngủ buổi chiều. Cuộc sống âm ỉ, thời thức mệt mỏi...

Thủy làm ở «ba» L.Q. đã gần ba tháng nay. Dọ lời giới thiệu của Ngân, nhân tình gã quồn lý tiệm nháy. Không bao giờ Thủy ngờ được rằng có một ngày kia nàng lại bước chân vào đó. Thủy đã đến xin việc, đứng chờ cho gã đàn ông đứng tuổi có bộ ria mép gian hùng, ngấm nhìn mình từ đầu xuống chân, hỏi mấy câu sách vở rồi mở đầu bằng một cử chỉ vuốt ve rất tục tĩu. Cuộc sống cứ bắt đầu vào khoảng gần khuya với ánh đèn màu, âm nhạc dịu dặt, khói thuốc, mùi phấn son, hơi rượu... và những net mặt đàn ông rưng rục.

Thủy đương sống cuộc đời của một cô thư kỹ, bình lặng, vô tư thì Hoàng đến. Đó là một người đàn ông chưa quá ba mươi lăm

tuổi. Vẻ hào hoa hiện trên khuôn mặt dần dần có đôi mắt phầng phất buồn. Hoàng làm gì, ở đâu Thủy cũng không được biết rõ lắm. Hình như chàng có mở chung một hãng xuất nhập cảng với mấy người bạn. Hoàng thường có việc giao dịch với sở làm của Thủy và vì thế hai người đã quen nhau. Hoàng đề ý đến Thủy vào hôm chàng đến ký giấy nhận lãnh hàng dưới tàu. Chàng đứng ngắm rất lâu khuôn mặt tròn tươi tắn của Thủy đương cúi xuống một cuốn sổ lớn. Tay Thủy như những búp măng trắng muốt. Khi Thủy ngược lên bắt gặp đôi mắt thoảng buồn của gã đàn ông đương ngó mình tự lúc nào, lạng lẽ. Nàng bối rối mỉm cười.

Mấy tuần sau, Hoàng đã mời được Thủy đi ăn cơm bên Chợ Lớn. Hoàng nói truyện rất có duyên. Những màu truyện không đâu được đậm đà thêm vì giọng nói ấm áp, chân thật của Hoàng. Hoàng kể rằng hiện chàng sống với mẹ và hai người em một trai, một gái còn đương đi học.

Tiếng cười của Hoàng, những cử chỉ hơi vụng về đôi khi lại thật duyên dáng, tất cả đã đem lại nơi Thủy một ấn tượng đẹp và đáng yêu. Nàng bảo với Hoàng, không dấu diếm, là lần thứ nhất nàng đi chơi một mình với một người đàn ông. Thủy ở với gia đình một bà cô vốn khuôn phép lắm. Nàng đã phải nói dối có đề đi chơi. Và hôm ấy Hoàng đưa Thủy về nhà sau khi đã đi quanh mấy phố.

Lần thứ hai Thủy đã nhận lời Hoàng mời đi xem chiếu bóng. Hoàng bảo sẽ rủ cả hai em cùng đi, nhưng đến phút chót chúng bạn học nên không đi được.

Bạn đọc hãy tưởng tượng một người con gái như Thủy và một gã đàn ông như Hoàng, hai người đã đưa nhau vào một rạp chiếu bóng thường trực mà không có lấy một cái nắm tay, một lời tỏ tình.

Bởi vậy Thủy bắt đầu « yêu » Hoàng từ đêm ở rạp chiếu bóng ra về.

Thủy đã hai mươi bốn tuổi. Đôi ba người con trai đã đi qua cuộc đời của nàng như những cái bóng nắng. Tình yêu đối với nàng vẫn còn là những giấc mộng đẹp. Nàng đã yêu Hoàng, tình yêu đến bất ngờ như một « tiếng sét đánh ». Họ gặp nhau nhiều lần nữa. Những buổi hẹn hò đi đến những chiều tình tự. Những ngày gặp gỡ dẫn đến những đêm trăng. Và chỉ cần một đêm trăng đủ để cho Thủy nhận ra bộ mặt thật của Hoàng.

Khi ấy thì đã muộn. Tất cả mọi việc xảy đến như một cơn bão. Vợ Hoàng tìm đến tận sở đánh ghen với Thủy. Xấu hổ với mọi người; Thủy bỏ việc. Sau đó Hoàng có lại tìm Thủy mấy lần. Nàng đều cự tuyệt tuy vẫn còn yêu chàng tha thiết. Đến khi nghe tin Thủy mang thai thì Hoàng không lại nữa. Cả cái khuôn mặt hào hoa, nụ

cười chán thật và đôi mắt buồn một cách lãng mạn ấy đã xóa hẳn trong lòng cô thiếu nữ vừa bị dối lừa một cách hèn hạ.

Thủy mất việc gần nửa năm trời. Nàng sống nhờ một người bạn cùng làm sở cũ, trong một căn nhà chật chội cuối ngõ hẹp. Có nhiều lần, Thủy đã nghĩ đến quyền sinh. Thường vào những đêm thao thức với cái thai làm một mối trong mình. Những chiều thức giấc chợt nhớ đến quãng ngày ân ái đau khổ vừa qua. Nhưng một sức mạnh gì đã ngăn giữ nàng lại. Có thể là Thủy còn ham sống. Hay là nàng đang nghĩ đến đứa con? Những ngày vượt cạn chầm chậm trôi qua và một buổi chiều tháng tám Thủy chuyển bụng...

— Này, con trai rồi mày ơi!

Giữa cơn đau mê man Thủy thoáng nghe thấy tiếng Xuyến, cô bạn cùng nhà, reo lên một cách vui sướng. Đó là một thằng bé bụ bẫm khuôn mặt phẳng phất giống Hoàng. « Một đứa con hoang! » Thủy đã chép miệng, đau buồn nói vậy. Nhưng nàng đã cười được ngay, bảo bạn:

— Thế là đi buôn lậu được lãi đấy!

Xuyến vỗ nhẹ vào bụng thằng bé. Câu nói của Thủy bỗng được một vẻ gì chua chát. Xuyến nghĩ đến Hoàng, đến chồng nàng; những gã đàn ông bạc tình.

— Thân phận đàn bà chúng mình chỉ có thiệt thòi như vậy!

Câu nói chấm dứt bằng tiếng thở dài. Thằng bé thức giấc khóc oe oe làm cả hai người vui trở lại. Thủy để được mấy tháng thì chồng Xuyến một hôm lại tìm Xuyến. Có lẽ y đã chán cuộc đời lộng bóng của mình. Y thấy cần có một người vợ ở bên cạnh. Xuyến thì vẫn thêm một mái gia đình đầm ấm. Họ đã trở về với nhau dễ dãi như lúc bỏ nhau. Hôm Xuyến đi còn bịn rịn với thằng nhỏ mãi. Thủy tươi cười bỗng con trao cho Xuyến mà bảo:

— Cho bác bế lấy khước đấy.

Hai vợ chồng Xuyến đi rồi Thủy ôm con vào lòng tủi thân, rơm rớm nước mắt. Số tiền dành dụm của Thủy đã gần cạn. Nàng lại sở cũ xin làm thì người ta trả lời công việc ít, hiện còn đương sa thải bớt đi. Đề an ủi Thủy, người « xếp » cũ bảo nàng làm một cái đơn đề sẵn, khi nào có dịp cần sẽ kêu lại. Thủy đi một vài nơi nữa, đâu cũng việc ít người nhiều. Thầy thợ thì lo méo mặt. Một hôm Thủy gặp Ngân, một cô bạn học cũ. Thủy đoán ra ngay nghề nghiệp của Ngân qua cử chỉ, ăn nói táo bạo với cách phục sức diêm dúa một cách kêu gọi. Ngân cũng nói thật, nàng làm ở một tiệm nháy.

— Này, đừng tưởng những đứa đi nháy cũng có khối con đứng đắn, dằng hoàng ra phết...

Ngân bảo thế để cho bạn biết rằng đó cũng là một nghề như trăm nghìn nghề khác.

Thủy thú thật, nàng vẫn có thành kiến không tốt đẹp lắm với những người con gái phấn son. Nhưng nàng lại kể hết tình cảnh nàng cho Ngân nghe.

Họ trò chuyện với nhau đến xế chiều. Ít lâu sau Thủy đi nhẩy. Cuộc sống đã xoay chiều và đưa Thủy sang một khúc quanh gai góc. Nhiều đêm Thủy về, ôm lấy con mà khóc. Thường vào khoảng một hai giờ sáng. Xóm giếng cũng chẳng lạ gì. Thủy tưởng như họ sẽ nhìn nàng bằng con mắt khác. Nhưng ở đây, trong lòng thành phố xa hoa, cuộc sống xô đẩy và con người phải luôn luôn vật lộn với hoàn cảnh đến nỗi không còn thì giờ để nghĩ đến người khác. Cảnh ngộ của Thủy đối với những người hàng xóm phần đông kiếm sống rất chật vật, đôi khi lại còn đáng xót thương. Thủy thường thức giấc vào những buổi xế chiều sau những giấc mơ dị thường. Những phút ấy nàng có cảm tưởng như mình đã chết hay cuộc đời đang quần quai trong hỏa ngục...

Một lần xảy ra câu chuyện mà Thủy còn nhớ mãi.

Có một đêm Liễu say rượu. Liễu là một thiếu nữ chưa đầy mười chín tuổi, mang cái tâm sự gần giống Thủy. Nàng có đôi mắt thơ ngây đến tội nghiệp. Và Liễu thường cười chua chát trước tất cả những trò vui ồ trọc ở xung quanh. Tiếng cười lạnh lạnh rợn người. Liễu thường cười vào những lúc say rượu. Nàng uống rượu như một gã làng chơi đã dày dạn cuộc đời. Có lẽ là để quên một hình ảnh đau xót cũ.

Một hôm Liễu đã gặp lại một con người của mối tình thứ nhất. Gã đi đến, bên tay là lơi một ả phấn son. Đến bên Liễu, gã nhìn vào tận mặt nàng, rồi thản nhiên như chưa bao giờ quen biết, tát yếu một cái lên má Liễu. Lúc bấy giờ Liễu hãy còn tỉnh táo. Nàng nghiêng răng giờ thẳng tay vả vào cái mặt nung núc những thịt của con người bội bạc. Bởi vì chính là Đạt, — tên gã — ngày nào đã bỏ Liễu giữa lúc nàng sinh đứa con đầu lòng thiếu tháng. Đứa trẻ đã chết trên tay mẹ. Gã đàn ông xấn lại giằng lấy cổ tay Liễu. Một cuộc loạn đã diễn ra. Cuối cùng gã làng chơi đắc thắng. Người ta kéo được Liễu ra thì quần áo nàng đã tơi tả.

Hôm sau không thấy Liễu lại tiệm nhẩy. Và hôm sau nữa, một người bạn đem đến cho Thủy tờ báo hàng ngày mới mua. Ở trang tư, trong một cột báo sắp gần cuối tờ, Thủy đã đọc được những dòng chữ này: « Một cô gái nhẩy uống dầu nóng quyền sinh trong một căn phòng của khách sạn... »

Từ đấy, Thủy thường mơ thấy những giấc chiêm bao kinh hãi nhiều buổi chiều.

Một đêm kia Thủy thẩn thờ lê bước trên những bậc thang lấp gương chói lòa ánh điện.

Thằng bé con nàng giở giời từ mấy ngày qua, đến chiều hôm đó bỗng lên cơn sốt hăm hập. Chân tay nó nóng như một cục than hồng. Nó khóc nhè nhè mỗi lần thức giấc. Thủy và u già cứ thay phiên nhau mà bồng và dỗ nó. Đầu Thủy đã vầng vất khi nàng nhảy đến bản thứ ba. Những điệu nhảy âm ỹ, quay cuồng làm chân nàng rời rã. Mắt Thủy đã hoa lên và bộp tai nàng phảng phất tiếng khóc dai dẳng của đứa con.

Đêm ấy Thủy lại gặp phải ông khách say bí tỉ cứ ép nàng uống rượu rồi ôm ghì lấy nàng lôi ra sàn nhảy. Gã nốc rượu mạnh như người ta uống nước lã... Rượu vào như đốt lửa trong người y. Y nhảy như một thằng điên. Thủy đã thấy khó chịu lắm. Hai bên thái dương dần dật và mắt nàng đã nhìn thấy những vật đèn múa lộn xung quanh. Âm nhạc phụ họa đập vào não của nàng như những nhát búa.

Sau mỗi lần nhảy, gã làng chơi lôi Thủy về chỗ ngồi để làm những trò rất khả ố. Đối với y thì những trò ve vuốt tục tĩu ấy cũng nằm trong khoản tiền rượu, âm nhạc và tiền giờ nhảy. Và Thủy chỉ là một món đồ chơi không hơn không kém.

Sau chót, y quên hẳn rằng mình đang ở giữa một tiệm khiêu vũ có bao nhiêu người lịch sự ở xung quanh. Y dẫn Thủy xuống ghế... Thủy vùng giẫy. Gã đàn ông bị mất thăng bằng ngã ngửa về đằng sau. Tay y quật lên mặt bàn bên cạnh. Tiếng ly rơi loảng xoảng trên nền gạch hoa.

Mấy cô vũ nữ nhân dịp ấy kêu rú lên như bị ma bắt. Một gã tay chơi lấy làm thú vị toét miệng ra cười hềnh hếch. Vài kẻ khác ra chiều phật ý. Chúng nhìn Thủy như một cái quái thai.

Gã say rượu loạn choạng đứng lên thì chị « cai gà » đã xông xộc lại. Ầ xun xoe xin lỗi ông khách quý. Rồi quay lại Thủy, mặt thì hăm hăm :

— Này, tôi bảo cho cô biết, cô đến đây để tiếp khách chứ không phải để làm loạn...

Thủy vuốt lại mái tóc rồi gượng bảo :

— Ông ấy say quá. Lại giở trò... khiếm nhã.

Mời mụ đàn bà dài ra :

— Ôi chào ! Lá ngọc cành vàng đấy ! Lại chẳng ngủ với chán

van thàng ra rồi...

Mặt Thủy bừng bừng.

— Chị không có quyền chửi tôi!

Mụ đàn bà chống hai tay vào mạng sườn, vươn cổ ra:

— Tao chẳng chửi đứa nào. Nói cho mà biết cái bọn phận cỏ đến đây là phải chiều chuộng người ta, để mà kiếm đồng tiền... Còn nếu cao giá ngọc thì... thì ở xó nhà! Đừng đi làm nữa.

— Chị không cần phải nói nhiều. Tôi xin trả lại cho chị cái nghề gui báu của chị. Tôi đã sống cực nhọc lắm rồi.

Giọng Thủy rít lên, như một gáo nước lạnh hắt vào mặt chị trùm « tắc xi ».

Nhiều đôi mắt nhìn Thủy lo lắng...

— Má ơi! Thằng bé cất giọng ngái ngủ gọi mẹ.

Bên ngoài nắng đã tắt hẳn. Thủy quay lại nhìn con và chợt nhớ ra là nàng bỏ tiệm khiêu vũ đã gần một tuần lễ nay. Sau giấc chiêm bao hãi hùng, nàng thức giầy và cứ tưởng hôm nay lại đi làm ban ngày, vì là buổi chiều chủ nhật. Thủy nhớ đến cái màu mây tai tai ngoài cửa sổ. Bên trong là bóng tối, bóng tối đến giữa ban ngày, như cuộc đời của những người con gái sống bằng nghề bán những nụ cười, khóc mắt, những cái vuốt ve và đôi khi cả đến thân mình.

— Ê, Quí ơi! Ra bác cho quà này.

Tiếng Xuyên léo nhéo ngoài thềm. Thằng Quí lóp ngóp bò giầy. Nó tụt xuống giường. Thủy gọi lại:

— Đi rửa mặt đã, con.

— Mặc quần áo vào rồi bác đưa ra Cầu tàu chơi. — quay lại Thủy — Đi đâu mà trang điểm thế?

Xuyên đến, đem tất cả cái không khí vô tư trong nụ cười dễ dãi của nàng. Thủy thường bảo số Xuyên không bao giờ khổ. Xuyên cười đầy lại khóc đầy. Không bao giờ biết tự lự. Kể cả hồi hai vợ chồng bỏ nhau. Xuyên đã về với chồng từ lâu. Nàng sẵn sàng tha thứ thói tật lòng bông, giãng gió của Cần — chồng nàng. Họ sống y hệt cảnh vợ chồng nhà hàng xóm của Thủy có cái « mô bi lét ».

Thủy rửa mặt cho con rồi bảo, câu nói đùa thường lệ:

— Ra với bác cho bác lấy khước đi con!

Xuyên bỗng thàng Quí mà nựng. Chợt nàng ghé tai Thủy thì thào, mặt Thủy rạng rỡ lên:

— Thế mà chồng dọa mãi: bỏ nhau thì bỏ...

Xuyên phát vào vai bạn, then thùng. Rồi chợt bảo:

— Này, có định đi làm không ?

— Ôi chào, mình đã đoạn tuyệt rồi...

Thủy tưởng bạn hỏi mình định đi nhảy nữa chẳng. Nhưng Xuyến đã tiếp :

— Sở của Cần đương kiếm một cô thư ký đánh máy. À mà cậu có biết « ăng lê » không ?

— Đại khái... Thế có sở làm thật đấy à ?

Xuyến gật đầu. Lòng Thủy bỗng nao lên. Một nỗi vui khó tả pha lẫn chút buồn bàng khuâng vô cớ. Bao nhiêu kỷ niệm đau buồn lần lượt diễn lại. Cái chết thê thảm của Liễu. Hình ảnh Hoàng, con người phụ bạc... Những lúc chợt tỉnh nửa đêm về sáng nước mắt ướt đầm bên gối. Những giấc chiêm bao quái đản về chiều...

— Mình không thể sống cuộc đời đó được... Mình cố nuôi thằng Qui... Xuyến thoáng nghe bạn lầm bầm một mình như vậy.

Nàng cúi xuống nhìn thằng Qui, đôi mắt to đen lay láy. Thằng bé nắm tay Xuyến và mẹ hí hửng bảo :

— Ra cầu tàu hử má ? Có « kiêu » tắc xi không ?

— Mẹ mày ! Chỉ thế là không ai bằng !

Xuyến ngó thằng Qui nhấp nháy đuôi con mắt. Thằng bé cũng nhại lại và toét miệng cười. Cả ba dắt nhau ra đầu ngõ. Buổi chiều gió mát hiu hiu.

VĨNH LỘC

Lý hoàng Phong

Những giờ cuối cùng của Thoại

Mọi người chỉ được biết tin Quách Thoại chết sau khi thi sĩ đã nằm yên dưới mộ. Cái chết âm thầm sắc động lý chỉ có một người được chứng kiến là Lý hoàng Phong, anh ruột của Quách Thoại. Ở đây Lý hoàng Phong kể lại « Những giờ cuối cùng của Thoại ».

TRỞI đã tới hẳn. Chiếc tắc-xi ngừng trước cửa bệnh-viện. Tôi cùng với Hiếu bước vội xuống, đi thẳng vào con đường đưa đến trại. Tôi nhảy lên mấy bậc tầng cấp, quay vào phòng đến nơi giường bệnh. Ánh đèn điện sáng chói. Thoại nằm sấp trên mặt chiếu, chân duỗi thẳng, hai tay co lên và chống xuống mặt giường, mặt nghiêng trên chiếc gối, thờ đốc hốt-hả, tròng mắt trắng bạch căng thẳng, đầu, tóc, mặt, cổ ướt đầm mồ-hôi.

Hai ba bệnh-nhân đến vây quanh nơi giường. Một người lớn tuổi nói với tôi :

— Anh vừa mới nhảy xuống đất hồi nãy. Chúng tôi phải khiêng anh lên. Chúng tôi phải nói với anh Hiếu tin cho ông biết.

Tôi hỏi :

— Thầy y-tá có tiêm thuốc gì không ?

— Có. Thầy vừa tiêm mũi thuốc. Thầy có cho uống mấy viên thuốc nữa. Thầy có cho thêm hai viên đạn một chốc nữa cho uống. Kia, anh đòi uống nước.

Thoại giơ tay chỉ nơi chai nước. Tôi cầm ly nước nơi cái bàn nhỏ bên cạnh giường, rót đầy một cốc, lấy cái muỗng, đổ nước đưa đến. Thoại hé môi hớp lấy nước. Tôi lấy cái khăn mặt thấm nước, lau lên trán, lên má, lên cổ cho nó. Một lúc, ánh mắt của nó như dịu lại. Bộ quần áo trắng nó mặc trong người ướt đầm mồ hôi. Tôi nói với Hiếu :

— Em nhờ ai hộ một tay thay dùm áo quần cho nó.

Nhưng đến khi người bệnh-nhân cùng phòng mới nằm lấy chân Thoại giơ lên để kéo cái quần, thì nó hất chân và la lên :

— Trời ơi ! Để tôi nằm yên, gần chết rồi, một tí nữa thì chết, còn thay làm gì nữa.

Thoại lại đập mấy ngón tay xuống mặt giường, tỏ ý đòi uống nước. Nó vẫn thờ đốc nhưng có vẻ tỉnh-táo hơn.

Một lát sau tôi hỏi Hiếu :

- Thầy y-tá đâu ?
- Thầy ở dưới quán.
- Em ở đây, anh đi tìm thầy.

Tôi bước ra phòng, đi xuống sân và tiến lại phía cái quán nước ở cuối sân. Nhiều bệnh-nhân ngồi quây-quần từng nhóm, lắng nghe những điệu vọng cổ phát ra nơi cái máy thâu-thanh ở trong quán.

Thầy y-tá mặt béo đỏ đang ngồi uống bia nơi một góc bàn. Tôi đến hỏi thầy :

- Nhờ thầy cho tôi biết bệnh tình em tôi hiện tại như thế nào?

Thầy y-tá tươi cười hỏi tôi :

- Ông nào ?
- Em Thoại tôi.
- Số 24 hả.
- Dạ vâng. Số 24.

— Bệnh thì nặng. Đau lâu rồi mà. Nhưng tôi không thể biết thế nào được. Ông chờ mai sáng bác-sĩ đến hỏi thì rõ chứ tôi thì tôi chỉ biết tiêm thuốc, cho thuốc, theo lời bác-sĩ, thế thôi.

Tôi gọi một chai bia nhỏ. Uống xong, tôi trở về phòng. Hiếu vẫn ngồi ở đấy. Tôi hỏi :

- Có gì không ?
- Không. Anh có vẻ khỏe hơn khi hỏi.

Bây giờ Thoại nằm nghiêng. Nó vẫn thở hồn hển, lâu lâu lại lấy tay bóp trán, bứt tóc, hoặc nắm tay đập lên trên ngực, trên cổ, mặt nhăn lại với vẻ đau-đớn, đôi mắt nhợt-nhạt, mệt-mỏi. Chốc chốc lại đòi uống nước và lâu lâu lại mửa ra đờm và nước dãi.

Tôi nói với Hiếu :

- Em đi về ăn cơm đi.
- Thế tối nay anh ở lại. Mai sáng em lên sớm. Tối hôm qua em thức suốt đêm mệt quá.

Tôi ngồi xuống nơi chiếc giường trống bên cạnh giường của Thoại. Lát lát tôi lại lau mồ hôi và rót nước vào muỗng cho nó uống.

Những bệnh-nhân lần lượt đi ngủ. Bệnh viện lặng-lẽ. Tôi nhìn ra ngoài khung cửa sổ. Bãi cỏ rộng xanh đậm. Những tán cây trong vườn đen sâu, u tối. Trên lầu một đường viền ở góc sân, ánh điện chói sáng nơi dãy hành-lang vắng-vẽ. Trên trời, nhiều đám mây trắng che lấp vành trăng.

Thoại lại cựa mình đập tay trên chiếu đòi uống nước. Nó vật-vã một lúc rồi nằm sấp lại, đầu nghiêng trên gối, đôi mắt long-lanh, tiếng thở khò-khè nơi cổ họng. Bỗng nhiên tôi nghe thoáng qua một hơi thở phào ra nơi cửa miệng nó : « Lạy Thượng-Đế ban ơn... », rồi

nó lật ngửa mình, hai tay nắm lấy thanh sắt ngang đầu giường, kéo mình ngồi nường dậy, há miệng ra... Tôi nghe từ trong ngực nó như có tiếng sôi sục. Thoại nghiêng đầu qua một bên và rồi đàm nước dãi trào ra... Nó lại duỗi mình nằm xuống và một lát sau lại đòi uống nước. Tôi lấy cái khăn, lau những giọt mồ-hôi trên trán nó.

Đêm đã khuya, hoàn-toàn vắng-lặng. Tôi thắp một cây nến và tắt điện. Ra tựa người nơi khung cửa sổ mở rộng, tôi nhìn lên bầu trời. Vành trăng tròn hiện ra giữa những đám mây trắng.

Tôi trở vào ngồi lại nơi giường. Thoại ra đầu gọi tôi đến và nói: « Anh lấy viên thuốc xỏ nơi bàn cho em uống ».

Nằm yên được một lát, Thoại lại vật-vã, có khi lại ngồi chồm dậy, khạc nhổ, rồi nằm xuống, ngực thoi-thóp thở, đôi mắt đục mịt-mỏi nhìn... Nó lại gõ ngón tay xuống giường đòi uống nước...

Thời giờ trôi qua. Tôi thấy quá mệt-mỏi. Nhìn đồng hồ thì đã ba giờ rưỡi. Tôi đánh thức anh bạn bệnh-nhân bên cạnh giẫy nhờ anh ta thức canh giùm Thoại, rồi tôi ngã mình xuống giường ngủ thiếp đi.

Khi tôi thức dậy thì trời tờ-mờ sáng. Thoại nằm nghiêng, mắt mở, mặt nhọc thở...

Một lát sau, Hiếu đến. Và hỏi tôi :

— Anh định thế nào ?

— Để chờ bác-sĩ đến hỏi xem thế nào ? Anh muốn đưa nó về nhà. Nhưng phải làm sao cho nó khỏe hơn chút nữa mới đi máy bay nổi.

Tôi ghé bên tai Thoại nói nhỏ :

— Bây giờ em muốn thế nào ? Em muốn gì em nói cho anh biết. Thoại vẫn không nói gì. Tôi lại nói :

— Anh sẽ đưa em về nhà. Nhưng phải gắng tiêm thuốc cho khỏe đã. Anh sẽ đưa em ra bệnh-viện riêng của bác-sĩ ít hôm cho mạnh rồi đưa em về Huế. Bây giờ em có muốn gì không ?

Thoại vẫn không nói gì nhưng nó có vẻ bằng lòng. Một lát sau, nó bỗng nói :

— Anh nói bác-sĩ tiêm máu cho em. Đờm nó chạy ra sau lưng, cứng cả cái lưng.

Một chốc sau, nó đòi lấy giấy bút và nó viết : « mua cho ở tiệm... thuốc tiêu đàm hiệu... cấp cứu ».

Hiếu nói với tôi :

— Thử thuốc ấy đang còn. Đề em cho anh uống.

Nắng đã lên ở ngoài. Tôi nói với Hiếu :

— Anh phải về xin phép nghỉ việc rồi anh lên ngay.

Một giờ sau, tôi trở lại. Thoại vẫn nằm thở nhưng ít vật-vã hơn hồi đêm. Tôi và Hiếu đi ra ngoài sân, ngồi dưới bóng cây. Tôi nói Hiếu:

— Khờ quá. Không hiểu tại sao nó đã về nhà rồi nó không lo chữa bệnh mà lại vào đây đi tu. Bây giờ đưa nó về không biết có được không ?

— Thế anh có nghe anh kể chuyện tại rằng anh đi tu ?

— Chuyện nó kể, ai mà hiểu nổi.

Một bệnh nhân đã già tuổi đi đến đứng cạnh chúng tôi, ông nói :

— Tội nghiệp anh Thoại. Từ hôm ông Dân biểu C. đưa anh đến đây...

— Độ 9 giờ thì bác sĩ đến. Sau khi ông đã xem mạch Thoại xong, tôi chờ ông ở ngoài cửa và tôi hỏi ông bệnh tình của Thoại. Ông nói :

— Bệnh nặng. Tôi đã cho những thứ thuốc hay nhất nhưng không biết sao ?

— Tôi muốn xin phép bác sĩ đưa em tôi về bệnh viện riêng của bác sĩ.

— Cũng vô ích, như ở đây thôi. Mà tôi cũng không còn phòng nào trống nữa.

— Tôi có thể đưa em tôi về Huế được không ?

— Tùy ý ông.

— Ông nghĩ em tôi có thể qua khỏi...

— Bệnh trầm trọng nhưng tôi không thể biết...

Bác sĩ đi rồi, tôi trở lại bên cạnh Thoại. Tôi nói với nó :

— Bệnh viện của bác sĩ không còn phòng nữa. Thôi em cứ ở đây gắng uống thuốc, khi nào khỏe được thì anh sẽ đưa em về nhà ngay. Bây giờ em có muốn gì không ?

Thoại vẫn không nói gì. Một lát sau nó lại đòi uống nước. Từ đấy mãi cho đến chiều, nó có vẻ khỏe hơn. Ít vật vã, không mửa ra đờm nữa và thở có phần nhẹ nhõm hơn.

Chiều đã xuống. Thoại nằm nghiêng trên giường lờ-đờ nhìn thẳng vào bức tường trắng trước mặt. Bỗng có tiếng khóc ai oán, từ phòng bên cạnh vẳng lại. Một người đàn bà vừa mới chết hồi xế trưa. Thân nhân được tin vừa lại được một lúc. Những tiếng khóc lại vẳng vẳng vọng lại, thê lương trong bóng chiều buồn bã. Từ nơi hai khóe mắt của Thoại, nước mắt loang loáng ứ đằm và chảy nhòe xuống má.

Đến tối, Thoại lại vật vã. Nó lại vươn ngồi dậy, nắm tay đập vào ngực, vào cuống cổ, nắm lấy đầu, bứt tóc. Nó cởi vạt tất cả áo quần và nằm trần truồng trên giường. Một lúc sau, nó lấy chai nước nóng để kê nơi ngực. Tôi lấy ve dầu Nhị Thiên Đường xoa cho nó, sau lưng và trước ngực. Nó có vẻ dịu lại.

Hiếu nói với tôi :

— Anh qua nói với thầy y tá tiêm cho anh Thoại một mũi thuốc. Tôi đi qua bên phòng thầy y tá gác đêm. Thầy ân cần mời tôi ngồi và nói với tôi :

— Vừa mới tiêm hồi chiều. Chờ lát nữa rồi tôi sẽ tiêm thêm. Thầy mở cuốn sổ trên bàn, lấy tập hồ sơ dưỡng bệnh của Thoại đưa cho tôi xem và nói :

— Bệnh nặng lắm rồi. Chữa toàn thuốc hay cả đấy. Nhưng khó lòng... Nhưng cũng không biết được khi nào. Có thể đêm nay, có thể một tuần nữa, có thể...

Tôi im lặng nhìn vào mấy tờ giấy ghi tên thuốc. Thầy y tá lại nói :

— Hai mươi bảy tuổi. Em ông còn trẻ quá nhỉ.

— Vâng.

— Chắc là ông ấy chơi bời lắm...

— Nó không phải chơi bời nhưng nó sống, nó sống...

Tôi không biết phải nói thế nào và tôi im lặng cúi đầu nhìn xuống mặt bàn.

Làm thế nào nói được, nói cái gì và ai hiểu được cái gì ! Làm thế nào nói được cuộc đời của nó là cái thứ gì, cuộc đời của nó mười hai năm qua, những mộng mị ảo tưởng, những phiêu bạt liêu lĩnh, những ước vọng và thất vọng, những ngày sa ngã đen tối, nghiền ngập bệnh tật và cái vòng nghiệp chướng tôi lới mỗi ngày mỗi chồng chất, thất rút lại, những vũng vầy của một tâm hồn và một thể xác không lối thoát, vô hy vọng.

Làm thế nào nói tất cả cái u-tối đau khổ của số kiếp nó, và những đau khổ của cha mẹ, anh em nó...

Tôi bỗng nghe thầy y tá nói :

— Tôi nghe anh ấy là thi sĩ...

Tôi khẽ gật đầu, mím môi, không nói gì.

Khi tôi trở lại phòng với thầy y tá thì Thoại nằm nghiêng trên giường, xây mặt vào trong vách. Thầy y tá chích mũi kim vào cánh tay nó. Thầy đưa tôi mấy viên thuốc dặn lát nữa cho uống rồi lật đật trở về. Tôi đứng tựa người nơi giường cạnh bên Hiếu. Tôi nhìn cái thân hình lòa lỏ, khẳng khiu, co quắp, lạnh lùng, phơi trần dưới ánh điện. Không thể nhìn lâu hơn nữa cái cảnh tượng ấy, tôi ra đứng nơi cửa sổ, nhìn ra ngoài. Vành trăng mười sáu vằng vặc trên nền trời xanh thẫm. Những câu thơ của Thoại lộn vờn trong trí óc tôi :

Lữ một ngày mai tôi chết trần truồng không cần áo.

Thì hồn tôi...

Tôi cảm thấy mặt môi và bứt rứt. Tôi quay lại nói với Hiếu :

— Tối nay em ở lại. Anh về nghỉ kéo mệt quá. Sáng anh xuống.

Tôi về đến nhà, lên gác nằm xuống ngủ một giấc mê man. Tôi tỉnh giấc khi nghe tiếng Hiếu đập cửa dưới nhà. Trời đang còn tối. Tôi chạy xuống. Hiếu bước vào nói :

— Anh Thoại mất rồi. Mất hồi 4 giờ mười lăm. Anh sửa soạn đi xuống nhận xác.

Tôi lên gác, choàng cái áo, và ngồi xuống giường mang giày. Qua bóng tối của căn gác, tôi nghĩ đến cái chết cô đơn, thiếu não, cuộc đời chưa chat, hư ảo của em tôi thế là hết và tôi nghẹn ngào, ảm ức khóc. Nhưng tôi cũng cảm thấy là một gánh nặng đã được tháo gỡ, một nỗi thống khổ đã được giải thoát.

Ngồi trên tắc-xi, trên đường đến bệnh viện, Hiếu kể với tôi :

— Hồi nửa đêm thì anh có vẻ khỏe. Anh chỉ uống nước chứ không vật vã gì. Gần sáng, lúc 4 giờ, anh bỗng vùng vằng rồi ngồi nhồm đậy. Anh trợn mắt, nhìn qua nhìn lại như tìm cái gì. Rồi anh bỗng nhảy xuống giường, nằm lăn dưới nền. Em thức ông B. dậy, nhờ ông mang anh lên giường và em chạy đi kêu thầy y-tá. Khi trở về thì thấy anh nằm co chân xây mặt vào trong vách. Thầy y-tá đâm mũi kim vào nơi cánh tay. Thuốc xuống một cách khó khăn. Không thấy anh cử động nữa. Anh mất ngay lúc đó. Em nhờ ông B. đặt anh nằm thẳng và vuốt mắt cho anh.

— Có nói gì không ?

— Không, không nói gì cả.

Khi tôi tới nơi trời vừa sáng. Trên giường, xác Thoại nằm thẳng, đầu hơi nghiêng trên gối, mắt nhắm, miệng khép kín. Một chiếc mền xám đắp ngang trên người.

Một lát sau, mấy người ở nhà xác đến đưa xác đi. Hiếu lục cái va-ly của Thoại để lấy áo quần mặc vào cho nó. Tôi thấy đặt trên giường tập thơ chép tay của Thoại, một cuốn sách « Vũ trụ và Nhân sinh », vài quyển kinh Phật, năm ba cuốn tiểu thuyết...

Người nhà xác lật cái mền đắp trên người Thoại. Tắm thân ồm ồm cứng đờ như một thân cây khô tàn úa. Khi đỡ lưng lên để luồn cái áo bà ba vào mình, tôi thấy đôi môi héo hon như mím lại một vẻ đau xót.

Hiếu đưa ra cái áo thầy tu với cái mũ « ni » vải trắng và nói :

— Bạn thêm cái áo tu này cho anh.

Một lát sau Thoại nằm ngay ngắn, sạch sẽ trong bộ áo tu trắng tinh. Tôi bỗng thấy nơi cổ tay trái đặt ngang trên ngực một sợi giây chuyền mang một tượng Đức Mẹ nhỏ. Tôi hỏi Hiếu và Hiếu nói :

— Hồi khuya, bà « xơ » đến hỏi anh có chịu nhận phép rửa

tội không. Anh gạt đầu tỏ ý ưng thuận. Bà « xơ » rửa tội và đeo nơi tay cho anh bức tượng Đức Mẹ.

Người nhà xác trèo lên trên mặt Thoại cái mũ « ni », đặt xác xuống « bâng ca », khiêng ra ngoài xe hơi đưa xuống nhà xác ở góc ngoài bệnh viện. Tôi đi với Hiếu đến nhà đám ở cạnh bệnh viện để sắp đặt việc chôn. Sau đó tôi tới sở xin phép nghỉ việc. Mười một giờ tôi trở lại nhà xác để liệm. Khi nắp hòm đã đóng xong và người nhà đám đã đi rồi, tôi đi đi lại lại trong gian phòng vắng vẻ. Một lúc, tôi đứng tựa người vào vách, tôi muốn khóc nhưng cũng không khóc được. Trước khi em tôi chết, tôi đã không có mặt bên cạnh nó. Tôi đã không nói với nó được một lời. Nó đã không nói với tôi được một lời. Bây giờ hồn phách nó ở đâu, nó còn có thể nghe tôi được nữa không. Tôi đi đến bàn cúng đặt trước quan tài, chắp tay, cúi đầu, lẩm bầm :

— « Em Thoại, anh cầu nguyện ơn trên độ rỗi cho em... »

Vừa lúc đó, Hiếu đẩy cửa bước vào.



4 giờ chiều, tôi và Hiếu trở lại nhà xác. Xe đám đậu sẵn ở trước đường. Những phu đám khiêng quan tài lên xe. Tôi và Hiếu ngồi ở phía trước. Hiếu cầm cái lư hương ở hai tay.

Chiếc xe hơi chạy nhanh trên đường nhựa, qua hết mấy dãy phố và tiến về đồng quê rẽ vào một con đường nhỏ đi vào giữa những thôn xóm. Qua một cái cồng cao, chiếc xe tiến theo một con đường hẹp quanh co và dừng lại trước một nghĩa địa nhỏ với những lùm tre bao quanh. Những nấm mồ sắp hàng nằm chi chít. Nhiều nơi cỏ dại phủ kín cả một vùng. Ở nơi đường đi vào, bên cạnh một nấm mồ mới đắp, một cái huyệt đã đào sẵn.

Những phu đám khuôn quan tài đặt xuống huyệt. Hiếu nhắc tôi :

— Anh ném xuống ba viên đất.

Hiếu đốt một nắm nhang lớn. Tôi đi lần thềm nhìn các nấm mồ chung quanh. Khi trở lại thì mồ đã lấp xong. Hiếu đưa tôi một nắm nhang tôi vãi lạy rồi cầm nhang xuống trước huyệt. Người giữ nghĩa địa đến nói chuyện với tôi về việc làm táng bia nơi mộ. Chiều xuống. Các phu đám gọi tôi lên xe. Mặt trời lặn, vàng ối sau những lùm tre hiu hắt. Trong bóng hoàng hôn, nghĩa địa trở lại trong cảnh vắng lặng, tiêu điều.

Nguyễn Sỹ Tế

Sĩ phu Việt Nam trước cuộc xâm lăng của người Pháp

HỒI hậu bán thế kỷ XIX, lịch sử Việt Nam đã trải qua những năm đen tối vô cùng mà kết quả là cuộc thống trị của ngoại bang kéo dài cho tới những ngày gần đây. Cuộc tiếp xúc giữa nước nhà với Tây phương đến độ gắt gay quyết liệt, viển vông những cơ này hay cơ khác, người Pháp dùng bạo lực để xâm chiếm Việt Nam. Đây là một biến cố lịch sử quan trọng vào bậc nhất, sáo trộn cả xã hội, văn hóa, kinh tế, chính trị nước ta, mở đầu cho một kỷ nguyên mới. Thực ra, lịch sử quốc gia Việt Nam, trong cái thế đặc biệt của nó, vốn đầy những biến động lớn lao, và kể từ ngày tự chủ, quốc dân Việt Nam vốn đã sống hơn một buổi giao thời u uất. So sánh các buổi giao thời ấy với nhau, người ta phải chú trọng đặc biệt tới buổi giao thời hồi cuối thế kỷ XIX, gọi là buổi giao thời Đông Tây, mới cũ. Thật thế, trong những buổi giao thời trước, mặc dầu giang san có đổi chủ, quốc gia vẫn giữ quyền độc lập, văn hóa, xã hội, kinh tế vẫn theo nền nếp cũ, kẻ sĩ phu vẫn đứng đầu thiên hạ. Ở buổi giao thời nói trên, chủ quyền quốc gia không còn nữa, mọi sự vật hầu đã đổi thay hệ thống. Tinh cách quan trọng của buổi giao thời này là ở chỗ đó.

Như vậy, lịch sử Việt Nam thời hiện đại là lịch sử cuộc thống trị của người Pháp. Người ta lại có thể phân chia khoảng thời gian này làm hai : 1-) *Giai đoạn chiếm đất và bình định* (1858 — 1913). 2-) *Giai đoạn khai thác* (1913 — 1945). Cuộc chiếm đất khởi từ tiếng súng tấn công Đà Nẵng năm 1858, cho đến hiệp ước Patenôtre năm 1884 đặt trọn vẹn lãnh thổ Việt Nam dưới quyền bảo hộ của người Pháp. Sau đó, kẻ xâm lăng còn phải vận dụng nhiều cố gắng quân sự khác để củng cố địa vị. Cho tới năm 1913 là năm Hoàng hoa Thám mất, ô kháng chiến đáng kể cuối cùng tan rã, giai đoạn bình định kể như chấm dứt, cuộc tranh đấu của dân bị trị chuyển sang một hướng mới, cuộc thống trị của ngoại bang bước vào giai đoạn khai thác.

Đứng ở cục diện chung mà phân chia cuộc thống trị của người Pháp ra làm hai giai đoạn như trên không có nghĩa là hạ thấp hay khinh thị cuộc chống đối của dân tộc sau năm 1913. Trái lại, sức chống đối của người Việt Nam là miên tục, vẫn mạnh mẽ trước như sau. Trong giai đoạn đầu, sức chống đối đó có vẻ sôi nổi hơn, nghiêng về võ lực. Trong giai đoạn thứ hai, cuộc tranh đấu trở nên trầm lặng nhưng thật là âm ỉ, khéo khôn và rộng rãi hơn, dưới mọi hình thức, nên chỉ cái quang cảnh chung lại là sự khai thác sàm uất của người Pháp.

Bài này không có tham vọng trình bày đầy đủ cuộc tranh đấu của dân tộc ta trong xiềng xích thống trị của người Pháp. Chỉ xin giới hạn thời gian đến hết giai đoạn đầu, và tổng hợp lịch sử với văn học đặt ra câu hỏi: *Trước cuộc xâm lăng của người Pháp, giới sĩ phu Việt Nam, rường cột từ muôn xưa của quốc gia, đã sử sự ra sao, đã có những phản ứng gì?* Theo rồi sự biến hóa của giai tầng nòng cốt này tức là góp một phần quan trọng vào việc nghiên cứu sự sáo trộn xã hội Việt Nam vào hồi cuối thế kỷ XIX — đầu thế kỷ XX vậy.

Kể ra những phản ứng của sĩ phu Việt Nam thời bấy giờ cũng có nhiều hình thức rất phức biệt, song có thể quy vào hai loại lớn: *những phản ứng tích cực và những phản ứng tiêu cực.*

1. — NHỮNG PHẢN ỨNG TÍCH CỰC

Trong cuộc chiếm đất rồi đặt nền đô hộ của người Pháp, một số kẻ sĩ Việt Nam, trước khi thấy lịch sử chấm dứt nhiệm vụ của giai tầng mình, nhượng sản khấu chính trị cho một lớp người mới, đã giẫy giụa mạnh hoặc đề mưu cấp thời cứu vãn tình thế, hoặc đề tìm lấy một lối thoát về lâu dài.

Đi sâu vào những phản ứng trong loại, chúng ta lại nhận thấy những màu sắc khác nhau với hậu quả biệt dị.

1.) **Những cuộc chống đối bằng võ lực.** — Phản ứng mạnh mẽ nhất là những cuộc cầm khí giới chống trả địch. Những cuộc chống đối bằng võ lực này một phần do triều đình chủ trương, một phần lớn do nhân dân tự động.

a) *Những cuộc chống đối do triều đình chủ trương* thường nhận thấy trong thời kỳ chiếm đất của người Pháp tùy theo cái chính trị đòi thay vô thường của vua tôi nhà Nguyễn. Đó là gương các vị trung thần nghĩa sĩ còn chép đầy trong lịch sử hiện đại, chỉ xin kể sơ qua: Nguyễn tri Phương (chống giữ nhiều thành từ Nam đến Bắc, nhậm đối chốt khi Hà nội thất thủ lần thứ nhất năm 1874), Võ duy Ninh (chống giữ Gia định thất cò chết năm 1859), Nguyễn trung Trực (đốt chiến

thuyền Pháp năm 1861), Phan thanh Giản (chống giữ Tây tam tỉnh, tuần tiết năm 1867), Hoàng Diệu (chống giữ Hà nội, tuần tiết năm 1882)... Ấy là chưa kể bao nhiêu vị quan khác giả miếng người Pháp không đợi lệnh triều đình và một vài vị vua khảng khái như Thành Thái, Duy Tân... Sau rốt trong khốn khổ những cuộc chống Pháp do triều đình chủ trương, phải kể tới gương kháng chiến của vua Hàm Nghi và Tôn thất Thuyết (1885 — 1888). Việc đánh úp người Pháp ở Huế năm 1885, việc rút ra Quảng Trị để mưu cuộc chống đối trắng kỳ của nhà vua là dấu hiệu phát động một phong trào kháng Pháp rộng lớn và lâu dài về sau.

Những sự việc kể trên đều có thuật lại trong văn thơ của thời đại như văn thơ của Phan thanh Giản, Nguyễn đình Chiểu, Huỳnh mẫn Đạt, Phan văn Trị... và nhất là trong hai pho truyện ký sử liệu quý giá: *Hà thành chinh khí ca* của Nguyễn văn Giai (?) nói về việc thất thủ Hà nội lần thứ hai, Hoàng Diệu tuần tiết, và *Hạnh thực ca* của Nguyễn nhực Thị (?) nói về chuyện vua Hàm Nghi và Tôn thất Thuyết đánh úp người Pháp rồi rút ra Quảng Trị. Cho nên nghiên cứu văn chương thế kỷ XIX không thể bỏ qua được loại văn chương này, những tác phẩm văn chương kể trên.

b) Những cuộc chống đối do nhân dân (cá nhân hay tập thể) chủ trương lại còn quan trọng hơn nữa. Ngay trong thời kỳ triều đình Huế còn nắm quyền chỉ huy tối cao, đã có nhiều vị quan bất chấp cả lệnh của triều đình mà ngang nhiên đánh Pháp. Chuyện Trương công Định (1) là một thí dụ: Định gửi một bản điều trần cho nhà vua xin tiếp tục đánh Pháp, và thực sự ông tiếp tục đánh Pháp mặc dầu triều đình chính thức cắt quân cơ Gia định của ông cho đến năm 1864. Nguyễn đình Chiểu có bài thơ khóc Trương công Định với hai câu kết:

*Hay dở phải chàng trời đất biết,
Một tay chống đỡ mấy năm dài.*

Nói về chuyện tự động đánh Pháp, người miền Bắc còn nhớ cử chỉ tượng trưng của một ông đại khoa: Hoàng Giáp làng Tam Đẳng, Phạm văn Nghị (thầy học của Nguyễn Khuyến). Khi người Pháp tiến quân từ Hà nội vào Ninh Bình qua Nam Định, ông Hoàng Tam Đẳng có dùng chức cấm kê của Ngô Quyền để đánh chiến thuyền Pháp, tất nhiên không xong nên rút về động Thiên Thai Ninh Bình ở ẩn mà tự vịnh rằng:

*Ta chẳng trêu ai chẳng ghẹo ai,
Ơn vua về ở động Thiên Thai.*

(1) Nhiều sách chép là Trương Định; đây theo cuốn *Sử Việt Nam* của Lê Thành Khôi, trang 362.

*Thiên Thai lưỡng có non cùng nước,
Non nước làm vui gác chuyện ngoài. (1)*

Kể đó, trong khuôn khổ của những người chủ chiến mặc dầu triều đình Huế, chúng ta phải kể tới phong trào Văn Thân ở Nghệ An năm 1874. Theo sử gia Trần trọng Kim « đất Nghệ An có hai người Tú tài là Trần Tấn và Đặng như Mai hội tập cả các văn thân trong hạt rồi làm một bài hịch gọi là *Bình Tây sát tả* đại lược nói rằng: « Triều đình dẫu hòa với Tây mặc lòng sĩ phu Việt Nam vẫn không chịu... »

Một phong trào do sĩ phu cùng với dân chúng phát động mạnh mẽ, rộng rãi và lâu dài hơn là phong trào Cần Vương (?), phát động sau chuyện vua Hàm Nghi và Tôn thất Thuyết đánh úp người Pháp ở Huế (1885) và nhất là sau việc vua Hàm Nghi bị bắt, bị đi đày ở Algérie (1888). Cũng trong phong trào này, chúng ta có thể kể những cuộc khởi nghĩa của Phan đình Phùng (1885), của Tân Thuật hay Bãi Sậy (1885 — 1889), của Hoàng hoa Thám (từ trước 1894 cho đến 1913).

2.) Những cuộc chống đối bằng chính trị. — Đây là những phản ứng tương đối ôn hòa. Trong khuôn khổ của loại phản ứng này, ta phải kể phong trào Đông du với Phan bội Châu, và phong trào Duy tân với Phan chu Trinh.

a) Phong trào Đông Du. — Phong trào này do Phan bội Châu chủ trương sau khi đã hội kiến nhiều lần cùng các đại biểu Cần Vương (Phan bội Châu có gặp cả Hoàng hoa Thám). Phong trào này nhằm đưa thanh niên trí thức Việt Nam sang Nhật bản, Trung hoa, mưu cầu sự giúp đỡ của những nước đó, lập đảng chính trị hoạt động từ ngoài vào. Một vài các vị khác có danh gắn liền với phong trào là : kỹ ngoại hầu Cường Để, Nguyễn thượng Hiền... Phong trào đã lần lượt lập nên nhiều hội đoàn chính trị : Việt Nam duy tân hội, Việt Nam thương đoàn công hội, Đông Á đồng minh, Việt Nam Quang phục hội... Phan bội Châu đã để lại cả một văn nghiệp phong phú về mối hoạt động này : *Lưu cầu huyết lệ tân thư, Việt Nam vong quốc sử, Hải ngoại huyết thư, Ngục trung thư*... Sau vì Nhật Bản và Trung Hoa thay đổi chính sách, phong trào của Phan bội Châu suy yếu rồi tan rã, và phong trào này kể như đã chấm dứt nhiều năm trước khi Phan bội Châu bị bắt năm 1925.

(1) Sau có người trên ông Hoàng Tam Đẳng mà họa lại như sau :

Nào dám trên ai dám ghẹo ai
Chống qua nước tiếng ở Thiên Thai
Thiên Thai chỉ có non cùng nước
Non nước sao bằng chuyện cõi ngoài

(?) Ông Nguyễn thiệu Lân trong Báo Mạnh số xuân Mậu Tuất, trang 33, còn gọi phong trào này là Văn thân. Ông muốn lòng quốc hòa văn dã chăng ?

b) *Phong trào Duy tân*. Phong trào này gắn liền với danh ông Phan chu Trinh. Sau khi gặp gỡ nhiều chính khách và xuất dương qua Nhật, Phan chu Trinh không chia sẻ chính kiến của Phan bội Châu, nên trở về nước hoạt động. Nghĩ rằng người Nhật chẳng thực tâm giúp Việt Nam và đế quốc đã vàng còn nguy hại hơn đế quốc da trắng. Ông chủ trương hợp tác với người Pháp, mưu cầu cảnh tỉnh dân chúng, canh cải chính sự tiến tới một chế độ dân chủ cho Việt Nam. Trong khuôn khổ phong trào này, chúng ta có thể kể trường *Đông Kinh nghĩa thực* lập tại Hà nội tháng 3 năm 1907, nhưng rồi bị người Pháp đóng cửa ngay tháng 12 năm ấy. Phong trào này cũng để lại một nền văn chương ái quốc rất phong phú. Ít lâu sau, Phan chu Trinh bị bắt, đưa ra đây ở Côn Lôn, thả và đưa sang Pháp. Phong trào kể như chấm dứt trước khi Phan chu Trinh lại trở về nước và chết vì đau buồn năm 1926.

Sau rốt, trước khi đề cập tới những phản ứng tiêu cực, trong khuôn khổ những phản ứng tích cực, đề cho được đầy đủ, chúng ta cũng nên kể tới một lớp người sớm đã ra giúp việc một cách đặc lực cho người Pháp để lập nền cai trị của ngoại bang trên đất nước ; Cao xuân Dục, Nguyễn Thân, Hoàng cao Khải, (Tài liệu Nguyễn thiệu Lâu, bài thượng dẫn, và bao người khác nữa...)

II.— NHỮNG PHẢN ỨNG TIÊU CỰC

Trên đây là phái sĩ phu đứng ra làm việc nước, sống với thời cuộc để nhằm ngấm điều này, mưu toan việc khác. Ngoài ra, số người giữ một thái độ tiêu cực trong cuộc xâm lăng của người Pháp cũng không phải là hiếm. Và đi sâu vào loại phản ứng tiêu cực này chúng ta cũng lại thấy những hình thức khác nhau.

1.) *Chủ trương ăn dật*. — Khuynh hướng hưởng nhân, sống mai danh một tích vốn quen thuộc trong lối sống của người Đông phương, lại hầu như thuộc vào cái thái độ chung của kẻ sĩ là « xuất xử ». Hồi hậu bán thế kỷ XIX, trong cái thế xâm lăng vũ bão của người Pháp, khuynh hướng sống đó lại càng được dịp thuận tiện để bành trướng. Cũng có một số người ghét đời, chán thời cuộc mà chủ trương sống ăn dật. Cũng có người chỉ thuận tình trở về vui thú ruộng vườn là sau khi phản ứng tích cực chẳng thành công. Cả hai lớp người này thật là đông đảo và khá nổi danh trong văn học : Nguyễn đình Chiểu, Phan văn Trị, Huỳnh mãn Đạt, Nguyễn hữu Huân, Bùi hữu Nghĩa, Nguyễn văn Lạc, Nguyễn Khuyến, Chu mạnh Trinh. Văn chương còn để lại của những vị này thật phức tạp và phong phú vô cùng.

Tuy nhiên, nếu trong phản ứng này có những người hoàn toàn gác bỏ chuyện ngoài, thì cũng có người, không hẳn lấy văn chương làm lợi khí đấu tranh chính trị như lớp người trong phản ứng tích cực kể trên, đã lấy văn chương ra đề mà than thở, ngậm ngùi, chờ đợi, hy vọng, trào mình hay trào đời. Có người nói tới lòng « ái quốc tiêu cực » của những tác giả này. Đây cũng là sự kiện để cất nghĩa sự hiện diện của khuynh hướng thiên nhiên, đồng ruộng ở Nguyễn Khuyến, khuynh hướng lãng mạn ở Chu Mạnh Trinh, khuynh hướng hưởng nhân và khuynh hướng trào phúng ở bao tác giả khác. Lại một thời, tỉ như buổi giao thời đầu thế kỷ XIX, văn chương trữ tình và văn chương trào phúng được dịp thịnh đạt.

Khuynh hướng trào phúng xâm chiếm cả ông đồ già trang nghiêm nhất, Nguyễn Đình Chiểu :

*Tan chợ vừa nghe tiếng sùng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim nháo nhác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây.
Hỡi trang đẹp loạn rầy đâu vắng ?
Nữ đề dân gian mắc nạn này ?*

Và khuynh hướng sầu thời bất gặp cả con người trào phúng chuyên nhất hơn cả Trần Tế Xương :

*Một mình đứng giữa quăng cờ vợ,
Có gặp ai không đề đợi chờ ?
Nước biếc non xanh, coi vắng vẻ,
Kẻ đi người lại dăng bơ vợ !*

2. — **Chủ trương hưởng lạc.** — Từ chủ trương hưởng nhân đi xuống chủ trương hưởng lạc con đường không xa. Đối với một số người cảnh sống ruộng vườn vẫn chưa đủ để nguôi quên hận vong quốc, họ chủ trương dìm đuối sâu trong chén rượu, câu ca trong khoái lạc. Phong trào hành lạc vốn đã khởi từ đầu thế kỷ lại được dịp thuận tiện để phát triển mạnh mẽ bội phần vào hồi cuối thế kỷ. Chúng ta kể tên mấy người quen thuộc trong văn chương : Chu Mạnh Trinh, Dương Khuê, Trần Tế Xương... Chữ nhân thường đi đôi với chữ lạc, cho nên nếu có người đeo đuổi hành lạc triệt để như Trần Tế Xương, thì cũng có người chia sẻ cuộc sống giữa thú mơ màng trong cảnh nhàn và khoái cảm vật chất như Chu Mạnh Trinh.

Thật thế, Chu Mạnh Trinh khi thi tìm về những nơi am thanh cảnh vắng để dệt những giấc mộng không tưởng (Hương sơn, Thanh

tâm tài nhân thi tập, Cổ Loa) khi thi lần lộc chốn yêu hoa như Dương Khuê, Trần tế Xương.

Đây Dương Khuê, mê mãi thú ả đào con hát :

*Hồng Hồng, Tuyết Tuyết
Mỗi ngày nào chưa biết cái chi chi
Mười lăm năm thắm thoát có ra gì
Ngoảnh mặt lại đã tới kỳ tơ liễu.*

Trần tế Xương nghèo khó không có phương tiện ăn chơi, cũng bán sách lao bảnh cớ hiệu, « toan bán cả trời » và làm càn đề lao đầu vào hành lạc một cách ồn ào :

*Cao lầu thường ăn quýt,
Nhà thờ lại chơi lương.*

Trên kia chúng ta có nói tới khuynh hướng văn chương trào phúng trong chủ trương sống ăn dật. Thật ra khuynh hướng văn chương đó còn thấy và cốt yếu thấy trong bọn người hành lạc mà Trần tế Xương là đại biểu tối cao vậy.

Sau rốt, trong loại phản ứng tiêu cực này, chúng ta cũng nên kể tới cảnh sống của một lớp kẻ sĩ, đông đảo hơn cả, hầu như không có, phản ứng nữa. Giai tầng sĩ phu tan rã, phần lớn yên hàn sống cuộc đời của họ, kéo lê cảnh sống vận nghèo nàn của họ ở khắp nơi từ thành thị tới thôn quê, lẫn trong dân chúng, với những kẻ sinh nhai coi như dư huệ của giai tầng : xem bói, đề đất, bốc thuốc, dạy học, may thuê, viết mướn.

Và cho đến khoảng năm 1913 thì mọi sự hầu như đã đi vào khuôn nếp mới. Cuộc chống đối người Pháp bằng vũ lực tiêu tan với cái chết của Hoàng hoa Thám. Cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam chuyển sang một hướng mới trầm lặng hơn. Những phong trào lớn lao (xem trên : Đông Du, Duy Tân, Cần Vương) hầu như đã tắt. Các tác giả cuối cùng của thế hệ văn học cũ vừa qua đời (Chu Mạnh Trinh 1905, Trần tế Xương 1907, Nguyễn Khuyến 1909). Cơ quan văn học mới đầu tiên xuất hiện : Đông dương tạp chí, năm 1913 và hai năm sau năm 1916, thì nền giáo dục trong nước vốn đã lai căng từ sớm, thay đổi hẳn : người ta bãi bỏ các kỳ thi hương ở Bắc Phần, nền học mới chính thức thay thế cho nền nho học vì lẽ đó tôi muốn chọn những năm 1913 1915 làm dấu mốc phân đoạn cuộc thống trị của người Pháp, mà không lấy năm 1925 (Phan bội Châu bị bắt) hay năm 1926 (Phan chu Trinh mất) như một vài người chủ trương.

Trên kia chúng ta đã theo dõi sự biến hóa của giai tầng sĩ phu Việt Nam trong cuộc xâm lăng của người Pháp. Làm như thế không có nghĩa là chúng ta phủ nhận sức chống đối của các tầng lớp nhân dân khác. Đó lại là một vấn đề khác.

Xét như thế thì vào hồi cuối thế kỷ XIX đã có một sự sáo trộn trong các tầng lớp xã hội Việt Nam. Cũng trên mặt tờ báo này (bài ý thức siêu nhân trong thơ văn Nguyễn công Trứ Sáng Tạo số 3, tháng 12-1956) tôi đã có dịp đề cập tới sự kiện xã hội này. Khi ấy tôi đã nghĩ rằng không nên đồng hóa sự kiện xã hội đó với sáo trộn giai tầng xã hội Pháp nhân cuộc cách mạng 1789. Ở Pháp sự kiện có nguyên nhân nội tại, có thể là giai cấp đấu tranh. Ở nhà, nguyên nhân từ ngoài vào (người Pháp chiếm đất). Giả như người Pháp có lợi dụng được giai cấp nho sĩ cũ để cai trị xứ ta thì họ đã làm rồi. Khốn nỗi kẻ sĩ vốn rường cột quốc gia, nay bất lực trong công cuộc cứu nước, nên đã thấy nhiệm vụ lịch sử của họ chấm dứt mà tan rã ra dưới những hình thức phản ứng phức tạp phân tích trên kia.

Lại cũng nên lưu ý rằng : Ở Pháp giai cấp tan rã đi là Quý Phái và Tăng lữ, giai cấp đi lên thay thế là giai cấp trưởng giả ; ở nước nhà giai cấp tan rã thuần nhiên là sĩ, nhưng lớp người mới đi lên lại có cả sĩ phu xu thời và không phải chỉ có nông dân theo cái thứ tự sĩ-nông-công-thương thời trước.

NGUYỄN SỸ TẾ

Phạm Nguyên Vũ

Hành khúc

Đường đi qua thôn chon von
Lũng non lam xa lấp
Khi anh giơ tay ngược mắt
Anh chẳng còn nhớ sao ?
Mùa thu thung lũng sâu
Hoa mua tím đầu núi
Đường đi qua xiết bao nhớ thương
Người đi không trở lại
Chẳng bao giờ chẳng bao giờ
Mọi người đều hiền từ yên phận
Anh nhớ một dòng sông
Khói ban trưa quanh làng thôn ả yếm
Những thi trấn chuyển xe dò trở lại
Bây giờ mùa hạ anh lên đường
Chúng tôi thân yêu xiết chặt bàn tay
Thương khóc nói lời từ giả
Chẳng bao giờ chẳng bao giờ
Chúng nó chặt vào tay bưng lấy mặt
Lệ thì chan chứa đêm ngày
Ngủ dưới bàn chân anh biết không
Có mặt ai đây khóc người đã chết
Đời khi anh ngoảnh lại
Chẳng thể tin chẳng thể nghe
Vì lệ còn trong là nước trên sông
Vì lệ còn trong là suối thủy tinh
Đường đã san bằng tàn phá
Đêm rã rượi ngọn đèn dầu
Đêm vầy quanh linh hồn chúng tôi
Khi anh đi qua làng héo hon
Rừng biếc hoa không đỏ
Anh chẳng còn nhớ sao ?

PHẠM NGUYỄN VŨ

Tạ Ty

Những viên sỏi

*Hết những tâm hồn yếu đuối,
tôi gửi nơi đây, lời cầu cứu.*

TÔI đến thăm Bệnh-viện do lời mời của Kiều Thu — một nữ y-tá. Chính thật, tôi không tra « mùi bệnh-viện » cho lắm. Sau bao nhiêu lần từ chối, lần này tôi nhất định lại thăm Kiều-Thu tại bệnh viện vào một buổi chiều chủ nhật, trời rất đẹp. Theo như lời Kiều Thu nói với tôi mấy bữa trước, thì hôm nay Nàng phải gác từ chiều cho tới nửa đêm. Giờ gác đó rất buồn, theo ý Nàng, là một hình phạt, vì còn gì khổ hơn phải ngồi giữa những đau thương của cuộc đời để nghe những bước chân đuổi nhau bất mộng trên khắp nẻo đường đô-thị, giữa một hoàng hôn đồ dài trên mái bệnh-viện.

Thật thật, tôi rất ân hận, và cảm thấy tại sao có thể hứa với Kiều Thu chiều nay, mà đáng lẽ, mình phải được tự do đi lang thang nhìn chiều phai màu, hoặc trầm ngâm trước ly cà-phê đắng. Trong lúc ngồi xe tới bệnh viện, tôi muốn cho xe chạy thật chậm mong kéo dài thời gian lành mạnh thêm chút nữa. Tôi luôn luôn tự chế ngự bằng mọi lời an ủi và cho rằng mình đến để gặp Kiều-Thu, một cô gái khả ái, có đôi mắt đẹp như bóng đêm, có làn da mịn hồng như phấn bướm chứ mục đích đâu có phải để thăm bệnh-viện ?

Tôi loanh quanh, trốn tránh những tư tưởng không đẹp, xe đỗ trước Bệnh-viện lúc nào không hay. Nhìn chiếc đồng hồ ghi giá, tôi lặng lẽ trả tiền. Bước ra khỏi lòng xe, tôi tiến về phía cửa ngách, lối dành riêng cho những người đi chân. Lão gác cổng đang ngả đầu xuống ngực ngủ gật, chợt choàng giầy khi nghe thấy tiếng giầy. Lão đứng lên xua tay và chỉ lên tấm bảng sơn trắng có ghi giờ vào thăm bệnh nhân. Không cần phải nói, tôi cũng đã hiểu rằng giờ này không phải là giờ mở cửa vào thăm bệnh viện, trừ có giấy phép đặc biệt. Tôi định quay đi, nhưng muốn tắc trách, tôi hỏi vội lão già gác cửa một câu với ý định mong lão chối từ :

— Tôi muốn vào thăm cô Kiều-Thu, nữ y tá.

Lão già nhìn tôi qua cặp kính trắng nhỏ xiu đặt ghềch lên hai quả mũi to gồ, làm cho người ta có cảm tưởng rằng lão đeo kính để rờn

chứ không phải để nhìn cho rõ. Lão nhếch mép cười, một cái cười méo xệch để lộ chiếc lợi thâm xỉ, vì hàm răng cửa gãy gần hết. Lão nói phều phào :

— « À, cô Kiều-Thu hả ? Hồi nãy cô ta dẫn tôi khi nào có ông đến thì cho vào. À, mà ông là anh cô Kiều-Thu đó sao ? » Nói xong, lão nhìn tôi như cố nhận xem khuôn mặt tôi có chút nào giống Kiều-Thu chẳng ? hay là Kiều Thu có nhiều anh quá làm cho lão nhầm ?

Tôi « phải » liếc một tiếng cho êm chuyện, trong khi ấy lão gác lồng chìa khóa vào ổ xoay tròn. Tiếng cánh cửa sát rít lên theo chiều quay. Tôi lách mình đi vào chưa quá hai bước chân thì cánh cửa đã đóng rầm ngay lại như sợ hãi.

— « Này ông ơi ! » Tiếng lão gác gọi tôi. Tôi giật mình, quay phắt người tưởng có chuyện gì, nhưng lão chỉ hỏi tôi đã biết số « san » làm việc của Kiều Thu chưa, và không kịp để tôi trả lời, lão nói ngay rằng : « Có Kiều Thu ở san 6 E » — Tôi cảm ơn lão, rồi lững thững đi thẳng vào lòng bệnh viện. Những bước chân của tôi dẫm xuống sỏi kêu lạo xạo. Tôi đi hờ hững, với một cảm giác là lạ xâm chiếm tâm hồn. Mùi bệnh viện, cái mùi quái gở đó đã làm cho tôi khó chịu.

Chiều tắt màu trên ngọn những cây phượng-vỹ trồng rải rác ở hai bên lối đi chính. Những bãi cỏ xanh mượt như nhung cắt xén gọn gàng làm cho dịu mắt, và gây niềm yêu đời. Ở bên trong có những lối đi nhỏ, một vài bệnh nhân, quần áo trắng toát, đang đi bách bộ để nhìn trời và có lẽ để quên mình đang nằm trong bệnh-viện. Họ đi đi lại lại thật thong thả như những nhà hiền triết đang đi tìm cái thực của tư tưởng. Tự nhiên, tôi thấy mình lạc lõng ở giữa một thế giới kỳ lạ. Tất cả những bộ điệu của tôi đều khác thường, vì ở đây tôi không tìm thấy cái gì là huyền ảo, là « động », tuy rằng nó nằm ngay giữa trung tâm của một thành phố âm ỉ nhất. Tôi đang bàng khuâng với ý nghĩ mơ hồ, bỗng có tiếng gọi :

— « Anh Mạnh ơi ! Anh Mạnh ! ... » Tôi quay mình nhìn sang bên trái, thì Kiều Thu đang chạy về phía tôi. Vạt áo « blouse » của Nàng bay tung lên trong gió chiều như cánh bướm. Nhất là màu trắng ấy được nền xanh của bãi cỏ làm cho trắng thêm. Tôi thấy đẹp quá, và tôi tưởng tôi đang viễn du trong tiểu thuyết. Mà thực thế, chưa bao giờ tôi được nhìn Kiều-Thu đẹp như chiều nay, kể cả những buổi Nàng đi dự dạ hội với sự diễm trang lộng lẫy. Tôi được quen Kiều Thu trong một đêm lễ Giáng-Sinh tại nhà người bạn. Rồi từ buổi đó không một cuộc vui nào mà chúng tôi không gặp nhau. Gặp mãi thành quen, quen lâu thành thân, nhưng sự thân đây, chưa phải là chúng tôi yêu nhau, vì mỗi tình ấy chưa một ai dám nói. Hơn nữa, tôi cảm thấy, không nên

đi quá giới hạn đó, vì tâm tính của Kiều Thu có một vài chỗ không hợp với tôi cho nên tôi ngần ngại. Kiều Thu là một cô gái mới hoàn toàn cả tâm hồn lẫn thể xác. Kiều Thu thích vui chơi, thích mặc đẹp và có một điều tối kỵ cho tôi là Kiều Thu có rất nhiều bạn trai. Tôi cũng chẳng hiểu rằng Kiều Thu đã yêu ai chưa? Có điều chắc chắn, Kiều Thu đối với ai cũng có một thái độ hết sức lả-lơi và thân mật — Theo ý tôi có lẽ, ảnh hưởng của nghề nữ y tá đã làm cho Kiều Thu mất đi sự riêng biệt của tâm hồn. Một điều kiện tối cần cho một cô gái muốn đi tìm hạnh phúc.

— «Ồ, anh Mạnh, em cứ tưởng rằng anh quên, em chờ mãi sốt cả ruột, em phải sang tán chuyện với mấy chị ở «san B». Kiều Thu nói riu rít như chim hót. Tiếng Nàng rơi ấm cả buổi chiều, làm ngạc nhiên mấy bệnh nhân đang ngồi ở chiếc ghế xi-măng gần đấy. Sự ngạc nhiên đó không lâu, chỉ trong giây phút là họ lại điềm nhiên nhìn bóng lá rung rinh in lên nền trời tím đỏ.

— «Nhà thương yên tĩnh quá nhỉ?» Tôi đáp bằng quơ mà không trả lời câu nói của Kiều Thu.

— «Ở đây yên tĩnh là một điều cần thiết, nếu cứ ồn ào như các buổi dạ hội thì tất cả bệnh nhân phát điên lên mà chết hết».

Nói xong Kiều Thu ngược mắt nhìn tôi, bất chợt Nàng gặp đôi mắt của tôi nhìn Nàng khác với mọi khi. Tự nhiên Kiều Thu đưa năm đầu ngón tay vuốt nhọn, thoa màu hồng nhợt, lên vuốt nhẹ mái tóc gió làm sã xuống má, như để tránh ngượng ngập.

— «Kiều Thu làm việc ở đâu?» Tôi nói để phá tan nghi ngờ.

— «Ở cuối giầy kia anh ạ! Mà hình như anh chưa vào bệnh viện này lần nào đấy nhỉ?».

— «Chưa! vì anh có ốm đau bao giờ đâu, vả lại, cũng chẳng có ai quen thuộc phải vào nằm đây cả. Ấu cũng là một chuyện may, phải không Kiều-Thu?»

— «Ồ, anh nhầm đấy, cứ gì phải ốm đau và quen thuộc với bệnh nhân mới phải đến đây? Thế chiều nay, anh đến đây vì gì thế nhỉ?» Kiều Thu nói xong, phá lên cười. Tiếng cười hồn nhiên làm tan im lặng, và chìm lắng của dãy hành lang tưởng như muôn đời câm nín dưới những bước chân mang dép cao-su, hoặc những vòng quay của xe thuốc êm ái nhẹ nhàng.

Kiều-Thu dẫn tôi đi qua một cái sân hẹp, rồi bước lên mấy bậc thềm, quặt sang tay phải mười bước là tới căn phòng thường

trực của Nàng. Tất cả mọi thứ trong căn phòng này toàn màu trắng, trông lạnh cả người. Kiều Thu mời tôi ngồi xuống chiếc ghế độc nhất để gần chiếc bàn con, trên mặt bàn có một quyển sổ ghi những điều cần thiết, một chiếc máy điện thoại, mấy chai nước lọc, một hộp ống tiêm, vài cuốn bông gòn và cuộn băng còn nguyên chưa mở. Kiều Thu cho tay đầy mạnh cánh cửa sổ, làn ánh sáng yếu đuối của hoàng hôn chết muồn lan nhẹ nhẹ vào phòng. Nàng với chiếc ly đề trên mặt chiếc tủ kính đựng thuốc, rót nước mời tôi uống. Kiều Thu ngồi xuống chiếc giường sắt trải nệm trắng tinh kê gần cửa sổ, Nàng ngả người dựa vào thành cửa. Một làn gió nhẹ thổi tạt vào làm cho chiếc khăn trắng của Kiều Thu rung rung như hơi thở. Hoàng hôn xuống trên những mái bệnh-viện quả thật là buồn. Tôi nhìn Kiều Thu không nói. Để phá tan sự cảm nín, Kiều Thu lên tiếng :

— « Đấy anh xem, anh Mạnh, anh có thấy không ? Còn gì khổ hơn là phải gác ngày chủ nhật. Em cho là một hình phạt cũng không có gì quá đáng phải không anh ? »

Tôi mỉm cười : « Ở đời mỗi người một bổn phận chứ. Nếu người nào cũng nghĩ như em cho rằng gác ngày chủ nhật là một hình phạt thì hỏng cả. Cái nghĩa sống của em hiện nay là làm dịu bớt nguồn đau thương của nhân loại. Ôi ! cao cả biết bao nhiêu. Giá anh là đàn bà thì..... »

— « Thi anh cũng làm nữ y-tá chứ gì ? » Kiều Thu tiếp lời tôi với nét mặt không vui như khi nãy. Tôi không đoán được ý nghĩ của Nàng lúc này ra sao cả. Kiều Thu không nhìn thẳng vào tôi nữa, đôi mắt đẹp như bóng đêm hướng vào chiếc tủ thuốc. Nàng nói tiếng thấp xuống và hàng cây phượng-vỹ đã ngả sẫm bóng chiều.

— « Anh ở ngoài, anh tưởng thế đấy chứ. Vả lại, anh có tâm hồn nghệ sĩ, cho nên anh nhìn đời cái gì cũng thành thơ cả, chứ còn em suốt ngày này sang ngày khác lúc nào tai cũng chỉ nghe thấy những tiếng rên la, mắt phải nhìn thấy máu mủ, tay luôn phải băng bó những vết thương, thấy mà rợn cả người, hơn nữa, ngày nào cũng phải nhìn thấy cái chết, nó làm cho tâm hồn khô cứng lại, hai chữ Yêu, Thương chỉ còn lại có một chữ Thương mà thôi. Ô, anh Mạnh, em xin lỗi anh nhé, mời anh đến chơi với em hôm nay để mà vui, mà sao em lại nói chuyện buồn ». Kiều Thu cố lấy vẻ cười tự nhiên nhưng tôi đã nhìn thấy rõ sự giả dối ấy.

Tôi vội an ủi : « Kiều Thu, không nên có những ý nghĩ như vậy. Em thử tưởng tượng nếu những kẻ ốm đau bệnh tật, bất đắc dĩ phải vào đến đây, nếu không được săn sóc bởi những bàn tay dịu hiền của bao cô nữ y tá như em thì anh chắc sự đau đớn khổ sở còn

đau đớn khổ sở đến bao nhiêu? Thượng-Đế sinh ra loài người đã biết rằng họ sẽ làm khổ lẫn nhau, cho nên Thượng-Đế lại sinh ra những người như em để xoa dịu nỗi đau ấy, có phải thế không em?

— « Anh lại làm thơ rồi! » Kiều Thu nheo mắt lại. Một nửa mặt Nàng bị bóng tối làm cho mờ đi. Tôi nhìn Kiều Thu như nhìn thấy một tác phẩm hội họa thời Trung-Cổ.

— « Sắp tối rồi, em đưa anh đi thăm nhà thương nhé; Em sẽ dẫn anh đi thăm mọi « san » và để anh thấy những trạng thái của những thứ bệnh khác nhau, rồi em sẽ đưa anh xuống nhà xác! » Nói đến chữ nhà xác, nàng nhìn thẳng vào mắt tôi như dò xét. Tôi cười hiểu ý Kiều Thu — « Anh uống nốt nước rồi chúng ta đi nào ».

Tôi cầm ly nước uống một hơi cạn, rồi tôi cứ ngồi lý trên ghế — Trong khi ấy Kiều Thu đã nhanh nhẹn đứng dậy chờ tôi.

— « Thôi, tối rồi để khi khác, anh sẽ đi thăm bệnh viện. Anh ở đây độ mười phút nữa rồi phải đi, vì đã trót hẹn với mấy người bạn ».

Kiều Thu ngật đầu ra mà cười, ý hân nàng cho tôi là dốt. Nhưng sự thực, không bao giờ tôi muốn đầu độc tâm hồn tôi bằng sự đại dốt ấy. Có những tiếng còi rú lên từ ngoài xa trong lúc sự đi thăm bệnh viện của tôi chưa rõ ràng. Kiều Thu nín bật, hai mắt mở to như lo âu, nàng thét lên bất ngờ:

— « Thôi chết rồi ».

Tiếng còi rú gần nữa, có lẽ Kiều Thu quen với tiếng còi ấy cho nên nàng háp tấp sửa soạn mấy thứ cần dùng. Tiếng còi ngừng rú, tiếng chuông điện thoại réo lên. Kiều Thu vội lấy ống nghe đặt vào tai.

— « Phải.... ờ... vâng, tôi lên ngay— Thưa bác sĩ phòng mổ phải không ạ? Vâng ».

Kiều Thu đặt mạnh ống điện thoại xuống, nàng lầm bầm nói một mình: « lại tai nạn, cái số mình thật không may, hôm nào phiền bác y như có chuyện ».

— « Tai nạn gì thế Kiều Thu? » Tôi hỏi nàng cho có chuyện, có lẽ để thỏa trí tò mò thì đúng hơn.

Kiều Thu trả lời: « Không biết anh ạ, nhưng chắc cũng nặng lắm mới phải đem lên phòng mổ ».

Tôi định đứng lên xin lỗi đi về, vì tôi cảm thấy cuộc đến thăm nhau như thế đã coi như tạm đủ, nhưng Kiều Thu vừa thu dọn vội vàng vừa mời tôi ở lại vì nàng có câu chuyện muốn nói với tôi mà chưa nói được. Kiều Thu lúc này hơi mất bình tĩnh, nàng mở tủ thuốc lấy cái này rồi lại bỏ cái kia xuống, và sau cùng nàng chẳng lấy gì cả. Không kịp để cho tôi từ chối hay nhận lời, nàng chạy vụt ra cửa.

Tà áo trắng bay ngang qua người tôi thoáng như một chiếc bóng. Nhưng, không hiểu sao Kiều Thu lại quay trở lại đến chiếc giường ngủ, lật nệm lên và đưa cho tôi một cuốn sách nhỏ.

— « Trong lúc chờ đợi em ; anh hãy đọc quyền sách này cho đỡ sốt ruột. Đây là quyền sách kỷ niệm của một người đã chết hồi 3 giờ chiều nay. Trước khi chết, họ có nhờ em giữ hộ và trao cho một người thân, nếu em muốn, theo ý họ, em được quyền xem trước khi trao gửi. Em chưa kịp đọc, chả hiểu họ nói gì ở trong đó. Thật tội nghiệp ! » Kiều Thu nói nhanh quá, đến nỗi tôi tưởng rằng nàng phải nín thở để nói. Chẳng để cho tôi suy nghĩ. Kiều Thu chạy biến qua khung cửa. Một vệt sáng vút qua như làn chớp. Tôi choài mình ra phía cửa sờ gọi Kiều Thu. Nhưng nàng không quay lại. Chiếc bóng trắng đã khuất sau giấy hành lang và hoàng hôn thoi thóp chết dần theo bóng tối.

Tôi ngồi vào chỗ cũ, trí óc vẫn bị ám ảnh bởi tiếng còi rú ban nãy. Tôi tưởng tượng ra cảnh phòng mờ với dao kéo sáng loáng, với mùi thuốc mê và sự đau đớn của nạn nhân. Tôi rùng mình. Căn phòng tự nhiên rộng ra và màu trắng hình như trắng hơn cả khi nãy, tôi thấy mình đã đại đột.

Sau cùng, không biết làm gì hơn để quên những ám ảnh và chờ đợi, tôi đành giở cuốn sách nhỏ để xem. Đây là một tập nhật ký, cũng không đúng hẳn, vì không có ghi ngày tháng gì hết, chỉ thấy ghi bằng những con số, có lẽ tác giả chỉ viết ra bằng những ý nghĩ thì đúng hơn. Nét chữ rất già dặn, tỏ ra người viết có học vấn. Tôi ngậm ngùi khi nhìn thấy ảnh một đứa nhỏ dán ở đầu trang sách có ghi dòng chữ : « Con của mẹ, con của mẹ, hãy tha thứ cho mẹ, một người mẹ tội lỗi đã làm nhóp nhúa cả đời con ». Chính vì những dòng chữ trên mà tôi tò mò muốn biết những u uẩn chứa đựng trong lòng tập sách, hơn nữa, mối u uẩn của một tâm hồn giờ đây vắng mặt. Sự vắng mặt đó, mới cách đây vài tiếng đồng hồ.

Tôi cũng biết rằng, đọc những dòng chữ không phải gửi cho mình là một cái lỗi, mà càng lỗi hơn khi mình lại đọc tâm tình của một người đã chết. Tôi bần khoản, mở ra, gấp vào quyền sách đến mười bận và để trấn tĩnh tinh thần tôi lấy thuốc ra hút. Làn khói đục vật vờ bay tản mát trong căn phòng hẹp. Ngọn đèn nhỏ cháy đỏ lờm tự lúc nào tôi không để ý. Nhìn qua khung cửa sổ, những vệt tối sẫm chảy tràn trên hình cây, bóng cỏ. Những ánh đèn đêm tỏa màu sáng vàng vọt qua từng ô hành lang chạy giải vào vắng lặng. Thỉnh thoảng một hai chiếc bóng trắng thoáng hiện rồi thoáng mất như những bóng ma chơi.

Điều thuốc cháy đã quá nửa rồi mà Kiều Thu vẫn chưa trở lại. Hơn bao giờ hết, tôi mong có mặt nàng tại căn phòng này để tránh cho tôi một tội lỗi. Nhưng thời gian đi rất chậm và sự kích thích quá độ của trí não làm cho tôi khổ sở. Sau những giây phút chống đỡ với chính mình không được, tôi đành mượn cớ rằng, Kiều Thu đã đưa cho tôi đọc, tất nhiên tôi có đọc cũng không ngoài ý muốn của Kiều Thu.

Trang sách nhỏ mở dần theo hơi thở...

Đêm 25

Có lẽ tôi chết mất. Mà thế nào tôi cũng phải chết. Tôi chết trong cảm nín, trong nghẹn ngào. Tôi sẽ chết trong cô đơn, trong đau khổ. Tôi không sợ chết, nhưng tôi muốn trước khi tôi chết, tôi phải nói lên, nói lên nỗi chua xót của đời tôi, mà oan trái chưa? Chính tôi là thủ phạm. Thời gian mà tôi còn được nhìn thấy ánh sáng của mặt trời chắc không còn lâu nữa. Tôi rùng mình, ghê tởm chính thân tôi, và sự trừng phạt của Thượng đế dành cho tôi lúc này quả là xứng đáng. Trời ơi, tôi sẽ chết và phải chết trong bệnh viện, ở chỗ nằm lam phúc và thẻ xác của tôi sẽ được biên vào sổ tử với hàng chữ: vô thừa nhận. Tôi không lo sợ sự đó lắm, nếu tôi nói lên được tiếng nói của tình thương, đến với một người và đưa con yêu quý của tôi.

Tối 27

Có ai tắt đèn hộ tôi những ngọn đèn kia đi. Tôi sợ ánh sáng quá. Tôi muốn trở về bóng tối, cái bóng tối của quá khứ mà tôi quay cuồng, ngụp lặn ở trong đó để kết cấu thành tội ác. Ở kia, sao không ai trả lời tôi cả thế này? Các người ác lắm, gần chết cả mà còn tàn nhẫn. Nội trong bệnh viện này có mỗi có Kiều Thu là tử tế mà thôi, thế mà sao lúc này cô ấy không có mặt ở đây để tắt hộ những đốm lửa kinh hoàng? Có Kiều Thu, có Kiều Thu, tôi mong đời cô sẽ gặp hạnh phúc, và nên bằng lòng với những cái gì mình đã nắm trong tay. Còn tất cả đều là hư ảnh, hư ảnh tất, kể cả tình yêu lý tưởng.

Người ta có thể chịu đựng sự khổ sở về vật chất đến một độ nào, chứ hình phạt về linh hồn quả thật là bi thảm, nó làm cho ta chết dần, chết mòn, chết mà không hay rằng mình đã chết giữa một cõi sống đang lên theo nhịp đời lành mạnh.

— Anh, anh và con hãy tha thứ cho em, tha thứ cho một linh hồn dọ lạc, nằm kề bên miệng huyết mới nhìn rõ cuộc đời là thế nào?...

Đêm 29

Tính đến đêm nay, là đúng 29 đêm em nằm ở đây rồi đấy. 29 đêm

không ngủ. 29 đêm quần quai trong vực thẳm của tâm hồn. Chắc chẳng bao giờ anh lại có thể ngờ rằng, người vợ yêu quý của anh giờ này đang nằm trong căn buồng làm phúc của bệnh viện đấy nhỉ? Thời gian mà chúng ta xa nhau (nói đúng ra, là em xa anh mới đúng) nào có lâu gì đâu, mà sự thay đổi của đời em quá nhanh chóng. Em nằm đây, có một đôi lúc em cầu mong nó là một giấc mộng, với sự yên trí rằng, ngày mai khi tỉnh dậy thì nhịp sống của chúng ta vẫn quay theo chiếc vòng bánh xe đạp của anh bốn buổi đi về. Em nghĩ đến con, em cho tay quơ sang bên cạnh, (nhưng sự thật phũ phàng đã bắt em phải nhớ rằng em đang tỉnh) tay em chạm phải khung giường sắt lạnh buốt. Thế là em ôm mặt khóc. Phải rồi em khóc, em khóc luôn luôn, có lẽ cho tới khi nào em không cảm thấy khóc là một phương pháp làm nhẹ bớt đau khổ. Anh cũng chẳng cần phải si và em nhiều, nếu anh đọc đến những giống này, vì em đã nguyện rửa số kiếp của em nhiều rồi anh ạ.

Chao ôi — số kiếp quái ác đã cho chúng ta gặp nhau, yêu nhau, rồi phụ nhau. Thật đáng phỉ nhổ vào hai chữ đó.

Anh có nhớ không anh? khi chúng ta yêu nhau tuổi em vừa 16, anh đôi mươi. Chúng ta tưởng vũ trụ này dẹt bằng thơ và mộng. Chiều nào cũng vậy, ở góc ngã tư lối em đi học về, anh đã đứng đó chờ em rồi. Ngã tư ấy vắng người, rất tiện cho sự gặp gỡ thắm lén của đôi ta. Chúng ta nắm tay nhau mà tình tự. Đại lộ chạy dài hun hút theo hai bờ cây sao cao ngất. Chúng ta đều muốn quên giờ về, và ước ao đại lộ không bao giờ hết lối. Em nhớ lắm, anh thường nhắc với em rằng, anh nghèo lắm, và nếu muốn xây dựng hạnh phúc chung, em phải chịu được cực khổ. Em cười ngất lỏ ra khinh thường sự nghèo khổ. Muốn cho anh hiểu rõ lòng em yêu anh, em nói cho anh nghe rằng em là một cô gái ít ước vọng, không thèm khát về vật chất sa hoa, miễn rằng chúng ta yêu nhau là đủ. Lúc ấy, em thấy anh sung sướng lắm. Và anh có ngờ đâu, em có ngờ đâu, những thay đổi bất ngờ của tâm hồn em sau này...

Có tiếng chân người đi vào buồng, có lẽ tiếng chân của cô y tá, vì một bệnh nhân đau đớn rên la quá to. Em vội giấu tập sách và rúi xuống gối (vì luật bệnh viện cấm bệnh nhân không được thức đêm làm việc hay chuyện trò). Em nhắm mắt giả vờ ngủ. Lúc ấy độ 4 giờ sáng.

Đêm 31

Định viết thật nhiều đêm nay. Nhưng mệt quá. Tay run cầm không vững cán bút. Khóc mãi cũng hết nước mắt mà không khóc được khổ biết bao nhiêu? Em muốn viết cho nhẹ tâm hồn, nhưng càng viết càng thấm thía và tủi cực. Biết nói sao bây giờ anh nhỉ? Nhớ con quá cần rằng mà chịu. Hình ảnh của nó và của anh cứ theo đuổi ám ảnh em hoài và xó nhau tàn phá những giờ tàn của đời em.

Phải rồi, giá em cứ an phận và giữ đúng lời hứa với anh khi trước thì đâu đến nỗi này.

Nhưng em đã lấy anh vì yêu anh, một người thư kỹ nghèo, chỉ có một chiếc xe đạp cũ mèm, nặng cũng như mưa, đi về bốn buổi. Đời sống vật chất đã thiếu thốn mà tinh thần lại thiếu thốn hơn. Sau ngày lấy nhau được ít lâu, anh trở thành nghiêm nghị, có lẽ do sự lo âu của anh đối với gánh nặng gia đình, vì anh còn có mẹ già em thơ phải nuôi. Trái lại, em bắt đầu cảm thấy đời mình mất tự do dần dần và sự cảm dỗ của vật chất đã len lỏi vào tâm hồn em. Sự cảm dỗ này là do mấy chàng trai và mấy cô gái bảnh bao ở căn phố trước mặt căn nhà bé nhỏ của chúng ta. Em thấy đời họ thần tiên quá, chàng đánh đàn, nàng hát; ca hát chán rồi họ ôm nhau khiêu vũ. Họ sống như các ông Hoàng bà Chúa, nhìn họ, em thấy chán cái cảnh sống của em, nhất là sau ít tháng em sinh thằng Tuấn. Số lương anh kiếm được chẳng đủ tiêu, mà thằng Tuấn thì quật quẹo luôn, càng làm cho em hối hận và so bì với hoàn cảnh của căn phố trước mặt.

Viết đến đây, em thấy mệt lắm, và hồ thẹn quá chừng. Ý nghĩ phụ anh đã nảy nở ở trong óc em, in hằn như một vết mực loang trên giấy thấm, không thể nào gạt bỏ được. Em ôm mặt khóc nức lên. Nước mắt không còn để rơi trên đôi gò má trơ xương, chỉ có ẩm ỉn làm em đau nhói nơi ngực...

Chiều 5

Hoàng hôn xuống đẹp quá. Những tia nắng quá chiều nhầy nhụa trên ngọn cây phượng vĩ. Sau mấy ngày đêm nằm miên man không ăn uống gì được, em cứ tưởng em được giải thoát rồi, nhưng khi tỉnh lại, em nhìn thấy cô Kiều Thu, nữ y tá của bệnh viện đang đứng bên cạnh giường. Cô Kiều Thu đặt nhẹ bàn tay nuột nà lên trán em xem độ nóng. Thấy em mở mắt cô mỉm cười như an ủi. Cô Kiều Thu là cô nữ y tá đáng mến nhất ở căn buồng làm phúc này, lúc nào cô cũng tươi cười và săn sóc bệnh nhân chu đáo. Em không ngồi dậy được, cô đồ sữa cho em. Em cầu mong Thượng Đế ban phước lành cho cô ấy. Đừng có như em mà tội nghiệp...

Đêm 8

Nhờ anh và con quá, đêm nay em nhất định trốn khỏi bệnh viện : Em đã mượn bộ quần áo của chị gác san và em năn nỉ cùng chị ta đừng nói cho ai biết ý định của em cả. Em lại nhờ chị ta mượn cho em cái giấy phép ra vào. Chị ta cũng tốt và thương hại em, cho nên chị ta hết sức giúp đỡ. Với ý định thăm anh và con cho nên em quên cả ốm đau mệt nhọc. Em quên hết, trong đầu em chỉ lượn lờ có một ý nghĩ, ấy thôi.

Ý định đó, em đã thực hành được và sau những giờ phút em đứng núp trong bóng tối nhìn vào căn nhà bé nhỏ của chúng ta sau bữa cơm chiều. Em nhìn thấy anh đang ôm thằng Tuấn vào lòng mà nựng. Ô, thằng Tuấn đã nhớn quá rồi nhỉ, mà anh, anh ơi — anh đã già đi nhiều. Gương mặt anh trước đã khắc khổ bây giờ càng khắc khổ hơn. Những ưu phiền làm cho anh đau đớn hiện rõ trong gương điệu. Đồ đạc vẫn như xưa. Cái bàn vẫn kê ở giữa nhà, vừa làm bàn ăn vừa tiếp khách, cả làm việc nữa. Chiếc tủ đựng cũ kỹ vẫn ở bên góc, cái giường vẫn kê gần cửa sổ. Mấy tấm ảnh em chụp chung với anh còn treo ở trên tường nguyên chỗ, chiếc gương em chải đầu vẫn cài lên trên cuốn lịch. Chiếc ghế xích đu mà ngày trước em hay nằm để đọc tiểu thuyết vẫn đặt bên bực vách sát lối đi. Chao ôi — em muốn nhẩy vào để quỳ dưới chân anh mà cầu xin tha thứ. Nhưng, chân tay em run hết muốn ngã quỵ, em phải ngồi xuống, ngã người vào lùm cây dâm bụt, trong khi ấy, tiếng đàn ca lại nổi lên ở căn phố trước mặt, những chàng trai, cô gái lại ôm nhau khiêu vũ.

Thật quái gở và khủng khiếp biết bao khi người ta nhìn thấy sự thật — Chẳng bao giờ em chối cãi rằng, em là con đàn bà bỉ ổi, đã phụ chồng con để theo trai, và em càng đáng khinh hơn nữa, để cho trai phụ tình.

Tiếng nhạc nhấn mạnh, làm em khờ sở, em muốn đi khỏi nơi này ngay lập tức, nhưng em còn cố ở lại chút nữa để nhìn anh, nhìn con cho đỡ nhớ, vì chỉ một lần mà thôi, không bao giờ em quay về nữa. Lúc này anh đang ôm thằng Tuấn vào lòng mà nựng. Nó cười khanh khách, anh cũng cười, nhưng nụ cười của anh méo sệch dưới ánh đèn. Em xót xa quá. Ở trong khung cảnh ấy đáng lẽ, phải có em ngồi bên để chung hưởng. Trời ơi! sao lại có thể oan trái đến thế này được? Em phải mua kính nghiệm của cuộc đời bằng một giá quá đắt.

Không thể chịu nổi với sự đau đớn é chề ở giữa hai trạng thái trái ngược nhau, em lao đảo đứng dậy. Cánh cửa ra vào anh chưa đóng lại, em nhìn anh, em nhìn anh, một lần cuối, một lần cuối — Thằng Tuấn đã ngã đầu vào vai anh mà ngủ. Anh cất tiếng ru se se. Chao ôi, buồn đến bao nhiêu là giọng đàn ông ru con. Tiếng ru trầm trầm như muốn trào ra huyết lệ. Em vùng chạy trốn. Chỉ được mấy bước thôi, em đã thở mạnh tưởng đứt hơi vì không còn sức.

Em lướt dần vào bóng tối của kinh thành. Tiếng nhạc dậm dật không buông tha, nó bay theo gió vọng đến tai em những điệp khúc hung cuồng. Em đi lao đảo như con mụ điên. Em đi với sự mất thăng bằng của tri não. Gió thổi lạnh lạnh, những chiếc lá vàng bay xao xác trên mặt đại lộ. Ánh sáng vàng đục của những ngọn đèn đêm nhấp nháy qua bóng cây run rẩy.

Đại lộ đêm nay buồn như một phiến đá.

Em đi trong oán hận, tiếc thương. Em đi nhặt lại tuổi thơ giữa lòng đại lộ. Em đi đến nơi chúng ta hò hẹn thuở xưa. Em đi để nghe tiếng chân mình lê trên mặt sỏi cát như tiếng thời gian nhấm dần kiếp sống.

Em đã đứng ở ngã tư hò hẹn. Cái ngã tư ấy thật vắng vẻ. Sự vắng vẻ ấy trong đêm nay làm em ghê sợ. Một mình em sống lại một mối tình đã chết. Em cố tưởng tượng có anh ở bên cạnh, em nói cười huyền thuyên nhưng, những tiếng nói cười của em được trả lại hồn em qua tiếng vọng của bờ tường, bóng lá.

Em mệt quá ngất đi...

Đêm 12

Theo lời cô Kiều Thu nói lại với em, sau khi em trốn bệnh viện về thăm anh thì, em ngã ngất ở giữa đại lộ và đã được Cảnh binh đưa trả em về bệnh viện. Giả mà họ cứ để em chết luôn trên đại lộ ngay đêm hôm đó có lẽ lại hay. Vì tình đồng loại, họ mong cứu sống em, nhưng chính thực họ lại làm em khổ hơn nữa. Ấu cũng là định mệnh.

Không hiểu vì sao mà cô Kiều Thu luôn luôn săn sóc em với sự đặc biệt. Nào em có nói gì cho cô ấy biết hoàn cảnh của em đâu? Ngày nay em thân tàn ma dại, sống nhờ bệnh viện và chết vô thừa nhận thì có bao giờ em dám ước mong những điều quá đáng.

Từ tối trốn về thăm anh cho tới đêm nay đã là 7 đêm rồi đấy. Thời gian qua như vó ngựa, nhưng đối với em thì 7 đêm đó, là 7 đêm em nằm ở Địa ngục. Trong cơn mê sảng em gọi to tên anh và con đề cầu xin tha thứ, và nguyên rửa kẻ khốn nạn đã phá đời em. Cô Kiều Thu phải tiêm cho em một mũi Morphine để em ngủ được. Chắc cô ta cũng nhìn thấy sự gần gũi xa trời của em cho nên cô ta không tiếc em gì cả. Cô ta hãy còn trẻ và đẹp nữa, em lo cho đời cô ấy sau này — Nhưng cũng may ở trên cõi đời có mấy kẻ dại như em?...

Trong quãng thời gian xa anh và con, em ăn chơi đã thỏa thích cũng như em đã khổ cực đến thế này đây, để còn lại cái gì, nếu không phải là oán thù và hối hận? Em đã khiêu vũ suốt đêm này qua đêm khác, em đã uống rượu đến chảy máu, em đã hút một đêm hai bao thuốc Mỹ — nghĩa là em xấu xa và đáng tội lương tri. Em cũng cần phải thú thật với anh rằng, những giờ phút đó, hình ảnh anh phai hắt trong trí nhớ của em...

Anh cứ nguyên rửa đi, vì dù sao thì em đã là kẻ có tội. Em không ngoan cố mà đổ lỗi cho hoàn cảnh của chúng ta không thuận tiện. Em biết lắm rồi, em biết con vợ như nhuốc của anh đã nằm trong tay bao gã đàn ông khác, và tận hưởng bao nhiêu thú vui về vật chất!

Có những tiếng nói xi xào ở cuối phòng.

Em quay người lại nhìn, thì ra có một bệnh nhân vừa mới chết !

Trưa 15

Hôm nay mưa từ sáng. Có lẽ bão mất. Gió mạnh quá làm đổ mấy hàng cây mới trồng dọc theo lối đi đến phòng khám bệnh. Từng trận mưa liên tiếp như trút nước xuống. Những làn chớp chạy loang loang trên màu trời xám xịt. Em định viết cho anh, nhưng có Kiều Thu đã vào, và cô ta bắt em nằm xuống. Em phải nghe theo lời cô ta mà lòng chẳng vui lý nào. Có Kiều Thu kéo tấm mền gai đắp lên ngực em, xong cô đi từng giường thăm nom những bệnh nhân khác.

Mưa buồn quá, những cánh cửa sổ được đóng kín lại, những ngọn đèn đồ cách cháy lặc lợ ở bốn góc. Tiếng gió hú lên ở bên ngoài.

Em thêm thiếp, chợp chợp trong một giấc ngủ nửa vờ....

Tôi dần mạnh tập sách xuống mặt bàn — Đầu óc tôi quay cuồng xúc động. Tôi lấy thuốc hút. Làn khói phả vào những chữ hàng li ti làm mờ đi như sương phủ. Tôi mới đọc được một phần của tập sách, nhưng tôi cũng cảm thấy khó lòng mà đọc hết. Những trang sau chữ viết run quá, mà viết bằng bút chì, cho nên khó đọc. Tôi ngả người vào thành ghế ngửa mặt nhìn lên trần nhà. Trong cái trắng nuốt nà của tấm trần, những hàng chữ lại hiện lên, chạy lằng nhằng đuổi nhau chấp nối thành những hình thù quái đản. Kiều Thu vẫn chưa trở lại. Tôi nhìn đồng hồ tay đã gần 9 giờ. Qua khung cửa, bệnh viện chỉ còn lại những khối đen loang lổ của những bức tường nhô ra, thụt vào sau hàng cây phượng vĩ. Những bóng trắng của bệnh nhân biến đi tự lúc nào. Vắng lặng lan tràn trong mùi thuốc hăng hắc khó chịu. Lúc này tôi thấy thêm một ly cà phê. Cốc hòng tôi khô và đầu lưỡi thấy ran rát. Tôi giót nước lạnh vào ly uống một hơi cạn.

Tập sách đau khổ, phơi mình trên mặt bàn trắng toát mà tác giả nó giờ này cũng đang phơi mình trong nhà xác phía dưới kia. Tôi rùng mình, lật thêm mấy trang nữa. Tôi cố đọc xem có nhìn được chút gì không, nhưng những trang sau chỉ viết về sự lên, xuống của cuộc đời sa ngã, và đã có một lần tự tử nhưng không chết, cùng những sự đọa đày của thê xác cho đến khi ốm đau không tiền chạy chữa phải vào nằm nhà thương làm phúc. Những lời lẽ của người

viết bao giờ cũng cảm động và hối hận tới lúc chết. Tôi không được biết mặt kẻ xấu số, vì thế tôi mong Kiều Thu trở lại để hỏi cho biết. Vừa lúc ấy có một người y tá đi qua, tôi vội hỏi thăm tại sao Kiều Thu bận ở phòng mổ lâu thế? Người ấy cho tôi biết, nạn nhân lúc tối bị trúng lựu đạn của một gã si tình, ghen tuông ở quán nước. Bác sĩ đang giải phẫu gấp những mảnh lựu đạn đó ra. Chắc còn lâu.

Tôi thấy ớn xương sống, quên cả cảm ơn người y tá, vội lao mình xuống thêm đi thẳng ra ngoài.

Những hòn sỏi kêu sào sạo dưới bước chân tôi đi không đều trong bóng tối.

TẠ TỰ

Thanh Tâm Tuyền

Những bài thơ của tháng chạp đau buồn

VÀ QUÁCH THOẠI

Còn gì chẳng ?

Tôi bùng mặt khóc bên thềm cửa

Trời đất rung rung

Em không dễ cầm tay

Khi người thi sĩ ấy chết trong bệnh viện

Không một lời trời trăng từ biệt

Mắt khép không đợi vuốt

Nửa đêm

Còn gì chẳng ?

Tôi ngồi khóc bên bờ sông trời mũi

Em bỏ đi

Những người thân nhất đều hắt hủi

Giữa xir sở đau thương tôi chịu đọa đầy

Khi người thi sĩ ấy đã gộp

Người tình ngàn đời là vô cùng

Trong hồn đất

Còn gì chẳng ?

Tôi bé nhỏ và tôi than thở

Em cũng chẳng trở về

Những vì sao rụng bóng đầy lệ nhân gian

Còn người thi sĩ bay vào miền đất lạ

Không nhớ mây may biển gió cát muôn trùng

Ở đây tôi còn mở mắt

Đi tìm hồn lang thang.

HAI NGƯỜI

Người đàn bà rũ tóc thành một cơn bão ỉn ỉn
 Hương nồng chiều giông kinh mùa hè
 Người đàn ông co quắp chân tay
 Hồn đứng không quân quai.

MỘT LẦN NỮ A

Tôi vừa đến
 Vừa trở dậy
 Mưa nhiều bên kia cầu
 Mưa nhiều bên kia hồn
 Sao biệt ly
 Lòng sầu trắc trở
 Còn một chút tự do
 Vừa đồ vỡ
 Thối đau đớn hoàn toàn
 • Thối dưng kêu khóc nữa

NGOÀI

Tôi chẳng thể trở về
 Trên con đường định mệnh
 Mặt trời đỏ máu
 Trông mắt đen chan hòa
 Hấp hối trong buồng kín
 Gió thềm tận biển khơi
 Tên mình không mới gọi
 Không lòng tay đặt lên
 Thân khô như củi cứng
 Cảnh cây sùu vừa rụng
 Tôi chẳng thể trở về

NÓI VỀ TÌNH YÊU

Hỡi Liên những Liên và Liên!

Làm thế nào để quên được nhau. Hạt nưa kia long lanh nổi nhớ
 niềm từ biệt hoàng hôn bàng hoàng màu khói nhạt. Hôm nay quê hương
 từ bỏ anh đau đớn là đứa con hoang đầu xó chợ.

Hỡi Liên những Liên và Liền !

Dù một chút đau thương, từ chối, từ quốc ta chạy dài trên địa ngục, xòe mở hai bàn tay anh khóc đỏ — những ngón tay gầy trơ xương — chọn. Con đường đi buổi chiều hấp hối ôi ! buổi chiều sương mù.

Hỡi Liên những Liên và Liền !

Anh muốn nghe một bài hát buồn — lời anh không thành điệu — muốn nghe một bài hát buồn. Thi dụ. Trưa nắng giữa ngã năm ngã sáu có chợ có ga đường tàu mãi miết. Bóng tối lặng thinh em hát lên, làm sao mà chịu đựng hoa lá chia sầu. Một góc bàn anh gục đầu hôn lằn gỗ trống.

Hỡi Liên những Liên và Liền !

Chẳng là anh ngông cuồng kiếm tìm từ quốc vậy em biết không ? Mà từ quốc ngàn đời nín thở vì trời thì xanh và khổ đau nói sao cho hết. Chẳng là anh chót yêu em vậy em biết không ? Mà khi yêu nhau xa nhau trong những đêm sao hằng hà làm thế nào để quên được nhau ?

Hỡi Liên những Liên và Liền !

HƠI THỜ

Gửi Ng.

Tôi vẫn sống thiết tha dù không còn hình ảnh. Dù không còn âm thanh. Làm sao tôi biết được thế nào là Tự do, thế nào là mây trời xanh như những mối tình thời niên thiếu. Người ta tận nhận dòng cửa không thềm bố thí, tiếng kêu than hoài hoài bóng dáng Hạnh phúc chỉ là kẻ ăn mày khốn nạn.

Hôm nào tôi thường lang thang dưới những dãy cây, không phải là mùa thu hay mùa đông cũng chẳng phải mùa hạ hay mùa xuân. Thời tiết đã trốn mất chỉ còn vầng trăng và trời, bàn tay và mây, mắt với hư vô. Tôi tin rằng tôi sẽ nổi loạn, tôi sẽ làm cách mạng cùng những người anh em của một ngày chưa ước hẹn. Nhưng rồi tôi biết tôi đang chết, tôi đang yêu người đàn bà phụ bạc. Nàng cứu xé thân thể tôi, nàng dạy vỡ linh hồn tôi. Nàng chỉ cho tôi trông thấy màu đen của trông mắt nàng, màu đen xoáy sâu hun hút con đường địa ngục yêu đương. Tôi không nhìn ai hết.

Tôi phải yêu. Tôi niu lấy ngực nàng than khóc, giữa đêm dài chỉ mình tôi nghe tiếng khóc của tôi. Tôi còn nghe dưới lưng tôi cỏ hoang bứt rứt, còn trùng nỉ non, thân xác phá hoại. Và buổi mai không bao giờ thức dậy nữa. Tôi phải yêu, yêu cho hết tủy của người tôi. Và trông mắt nàng quay liti như vũ trụ trở lại ngày khởi đầu. Tăm tối.

Tôi lướt qua những đường mòn như loài bò sát tải thân. Những buổi chiều quanh quẽ không còn là chiều. Tôi nhớ lắm, tôi nhớ tôi phải xé toang thân thể đập vỡ linh hồn để ném vào mặt trời cho sức nóng khiến tôi

hoàn toàn vô tri giác. Tôi nhớ lắm, tôi nhớ tôi phải vượt qua muôn trùng cách trở bằng cánh thần linh đến nơi hò hẹn. Mà tôi tê liệt.

Khi tôi đã nằm giữa nơi sa mạc miệng đầy cát khô thì tôi không còn hình ảnh không còn âm thanh. Tôi vẫn hỏi thế nào là Tự do, tôi đã yêu ai trọn vẹn mỗi linh thơ đại. Trời trắng rất nóng trong đầu, rồi bỏ khoét mắt. Tôi vẫn sống thiết tha dù hôm nay chỉ còn vira đủ một hơi thở. Tôi vẫn sống thiết tha dù hôm nay biết chắc chẳng ai đến hôn vào môi mình cho thêm một hơi thở. Người ta đã phụ nhau rồi, phải không em?

VÀ MỘT BÀI THƠ CỦA THẮNG GIÈNG

Con đường chưa ai tới
Màu hoa nào chưa ai trao nhau
Những nghĩa chữ còn hoang
Câu thề thốt lạ thường
Nơi không gian còn tiết trinh

Anh làm mới tình yêu

Lừa âm cho lời nói
Những đêm sao ở mắt nhìn
Bắt đầu từ một lần trao gửi
Bắt đầu từ một lần hò hẹn
Cách nắm tay nghẹn ngào
Ngón tay âm thầm trò chuyện
Những bước chân của con thỏ rừng
Chạy trên cỏ sắc
Sợi tóc đen như một tiếng cười
Trên chàm môi tha thiết
Những chàm hôn vội vàng
Làm những vì sao đôi ngói

Anh muốn làm mới tình yêu

Thuở nhớ nhung chất ngất
Tưởng thấy khoảng đường liền hành tinh
Giữa phố đông đón đợi
Những ước mơ hiện ra đi cùng mọi người
Trong vòng tay ôm xiết
Đời là nghĩa những ước mơ
Những ảnh hình nghĩ chết

Anh phải làm mới tình yêu

Như sửa sang nhà cửa

Như xây dựng thành phố

Như vun bón ruộng vườn

Như người ta nhìn vào vũ trụ

Khi thế giới vừa dựng

Sẽ mới mọc tình nhân

Khi mặt trời vừa thức

Là đôi gặp mùa xuân

Cho làn mi lá ngủ

Cho khóc mắt biển sâu

Cho trán hoa bất ngát

Bài thơ tình đã bỏ tâm hồn già

Đến với ngôn ngữ thiên nhiên của mỗi tình duyên là một.

Phải làm mới tình yêu

Coi chúng ta là những người thứ nhất

Trên trái đất này biết yêu nhau

Đề những cặp tình nhân khác bất chước

Đề con cái sau này không khổ đau.

THANH TÂM TUYỀN

Lữ Hồ

Bài ca của một cuồng sĩ

TRONG giai-đoạn đau-khổ của lịch-sử dưới triều Nguyễn mạt, văn học Việt-nam đã phản chiếu những sắc thái đặc biệt. Ta tìm gặp ở đây một Nguyễn công Trứ cần cù chạy theo chiếc xe công danh, không quản nhọc nhằn, nhọc nhẽ, bao nhiêu lần thăng trầm vẫn không nản chí; vừa đánh giết, vừa hò hét, chí nam nhi muôn phần hăng hái thì đồng thời ta lại thấy một nho sinh nghèo nàn, rách rưới đang say sưa ôm chiếc nệm khô rượu thở dài nhìn thế nhân với đôi mắt khinh bạc vô ngần. Tuồng như ông ta không muốn nhìn đến ai mà chỉ đặc chí rung đùi ngâm nga mấy lời thơ kỳ lạ :

*Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy,
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười.
Thối công đầu chuốc lấy sự đời,
Tiêu khiển một vài chuồng lếu láo.
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,
Trăm tư bách kể bất như nhàn.
Dưới thiều quang thấp thoáng bóng Nam-san,
Ngoảnh mặt lại cửu hoàn coi cũng nhỏ.
Khoảng trời đất, cồ kim, kim cồ,
Mảnh hình hài không có, có không.
Lộ là thiên tử vạn chung.*

Kẻ cuồng sĩ trên chính là Cao bá Quát, danh sĩ xứ Bắc-Ninh đã từng múa bút oanh liệt một thời tại kinh kỳ Phú Xuân nhưng vì quan trên ghét bỏ nữ lòng đầy ông ra làm chức Giáo thụ tại Quốc-oai, nơi thâm sơn cùng cốc, nên ông mới chán cho thân-thể điều linh, sự-nghiệp thăng trầm mà nhìn đời với đôi mắt chán chường thế ấy.

Quan niệm chán đời của tác giả bàng bạc suốt bài hát nói. Từ tư tưởng chán đời Ba vạn sáu ngàn ngày ngắn ngủi mong manh so với tuổi tác trường miên của vũ trụ mà liên tưởng tới hình ảnh con thiêu thân tìm cái chết trong ánh sáng. Cuộc đời như lò lửa chất chứa đầy dục-vọng kiêu-sa, thế mà loài người cứ tưởng đầy [chính là chán

hạnh phúc, mê lầm u-tối chạy theo đến phải chịu bao nhiêu đau khổ.

Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy

Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười.

Tác giả nhìn đời một cách khinh khi, nhưng nụ cười bỗng héo trên môi vì tác giả chợt thấy thương Đời chỉ là « bề khô » « bến mê ». Cuộc đời chỉ là ảo ảnh không có thực ; việc đời chỉ là kết tinh của dục vọng. Tư tưởng xuất thế của Phật giáo đã mớm cho tác giả những ý tưởng siêu thoát kia. Nhưng điểm mâu thuẫn lớn lao ở đây là tác giả lại không tìm nguồn giải thoát trong màu nâu đạo vị mà lại muốn hòa tan mỗi sâu vào chén rượu :

Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu

(Muốn quên đời không gì bằng rượu)

Nhưng sự thật *rượu* không làm cho tiêu sầu mà lại còn day nghiện, thúc bách tâm hồn người ta mãnh liệt hơn. Do đó một khi tác giả đã muốn xa đời để khỏi phải nhọc thân, mệt trí ; ông không muốn dấn thân vào trần thế :

Trầm tư bách kế bất như nhàn

(Suy nghĩ trăm mưu chẳng bằng ngồi không)

thì men say đã làm cho tác giả thác loạn tâm thần đề rồi phải :

Ngoảnh mặt lại cửu hoàn coi cũng nhỏ.

Nhìn đến, giang sơn đất nước đang chấp chờn trong cơn ly-loạn, tác giả chán nản vô cùng. Những thất bại trên đường công danh lại kéo tác giả về trong thực tế đau xót, buồn sầu đến cực điểm. Xã hội trước mắt chỉ là một trò rối. Cố quên bản thân, quên nước nhà để cho lòng thư thái, nhưng hình ảnh « thiên tử vạn chung » vẫn ám ảnh, kêu gọi và đẩy xô tác giả vào con đường làm giặc. Nói một đằng, làm một nẻo, việc khởi loạn của Cao bá Quát hẳn là một mâu thuẫn lớn đối với tư tưởng ghét đời và chán thân thế của ông ta.

Nhưng ta thử hỏi tại sao tác giả lại chán đời đến thế ?

Cao bá Quát trưởng thành trong giáo lý đạo Nho. Nổi chí thân phụ là một nhà nho hay chữ nhưng thi mãi không đỗ đành ở nhà dạy học làm tròn nhiệm vụ « Tiến vi quan, Đạt vi sư ». Hấp thụ một nho phong, Cao bá Quát đã ấp ủ những nỗi niềm thờ vua cứu nước, nhưng rút cuộc chỉ không thành, danh không đạt ông đành ngã gục ở pháp trường sau một thời gian vẫy vùng phản động.

Cao bá Quát đã sinh nhằm thời đại. Ông ra đời trong lúc giai cấp thống trị nho-sĩ đang chuyển mình đến một giai đoạn tan rã thâm hại. Từ đời Minh-mệnh, nhân dân lưu vong đói khổ, lại thêm chế độ hà khắc, bạo động xảy ra tứ tung : Phan bá Vành, Lê duy Lương, Nông văn Vân, đua nhau tàn sát dân chúng, phụ họa theo bọn

quan lại bất lương, tạo nên một cảnh tơi bời trong xứ sở. Thời loạn là cơ hội của bọn vũ dũng múa gươm chứ đâu phải là nơi cho thi nhân múa bút, thế nên Cao bá Quát thất bại tràn trề.

Vốn là người có tài, là một khách thơ nổi tiếng ở Bắc Hà, ông đã được vị quan đầu tỉnh Bắc-ninh tiến cử vào Phú xuân ngâm vịnh cùng với bọn quý tộc trong Mặc-vân thi xã. Ở đây ông đã nổi tiếng một thời, đến vua Tự-đức cũng phải khen :

Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán.

Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh-Đường.

Lời xưng tán « Thần Siêu thánh Quát » đủ biểu thị cái tâm lý sùng mộ của tao-nhân, mặc-khách đương thời đối với họ Cao. Có người cho rằng ông có tài như thế nên sinh kiêu căng (?) ông thường nói : « Trong thiên hạ có bốn bờ chữ. Một mình ta giữ hai bờ, anh ta Bá Đạt, bạn ta Văn-Siêu giữ một bờ, còn thì phát cho cả thiên hạ » Tùng thiện vương và Tuy-lý vương là hai hoàng-thức vừa là hai thi hào đương thời mời ông xưng họa thi ông ngâm :

Ngân cho cái mũi vô duyên

Câu thơ thi xã con thuyền Nghệ-An

Không những chê tài thơ của hai ông chủ vua là thối không chịu được mà còn công kích cả những ai đã đắc ý với những bài thơ vịnh cảnh thanh bình giả tạo, với những thi văn tán tụng kẻ oai quyền. Nhưng dần dần xã hội Quý tộc Thần kinh cũng nhàm chán con người lập dị ấy. Bị bỏ rơi sinh bất mãn. Bất mãn rồi vì bất lực sinh ra bất đắc chí. Tâm trạng ngông nghênh của bọn cuồng sĩ là hay làm những việc vượt ra ngoài khuôn khổ để gây lấy tiếng vang. Càng bị khinh miệt ông lại càng ngang tàng hơn, chẳng thế mà ông dám trêu từ vua cho tới quan ; từ thầy học cho chí thân thế mình ; đi chấm thi ông lại sửa quyền phạm-húy của sĩ-tử.

Trước hiện trạng cũ nát của chế độ vừa tái lập, Cao bá Quát đã có một tác phong riêng biệt. Ông không chịu ép mình theo thời văn như mọi kẻ khác. Một điểm nữa là cái tâm tình phong phú của ông bị đóng khung trong cảnh nghèo khó. Cao bá Quát đã không tìm thấy lẽ sống của mình ở đó. Muốn tiến thân bị hắt hủi, muốn tự cứu lại vô phương ; thời thì còn một đường là nối chí các vị anh hùng Lương sơn bạc.



Xem đó ta nên có thái độ như thế nào đối với quan niệm sống của nhà thơ đa tài bạc số đó ?

Đứng về phương diện tiêu cực, ta phải khâm phục những nhận

xét phóng khoáng, chân thật của tác giả về tình cách vô thường của cuộc sống. Những tư tưởng cao quý trên đã nở hoa trong nền văn học vĩ ngã của thời đại suy tàn, đã nói lên những cảm nghĩ rất chân thành của những người đã giác ngộ, đã trưởng thành trong đau khổ và thất vọng. Nhưng chỉ tiếc rằng tư tưởng đó đến với ông quá chậm và hơi hợt cho nên vừa bám víu vào thì chính ông lại buông ngay ra để tiếp tục xông vào trần thế mà gánh lấy nợ đời. Sử dĩ ông đã nhìn đời với đôi mắt đen tối trên kia cũng là vì bất mãn mà nói ngang cho vui chứ thật ra ông đã không nhận chân được con đường phải theo là đâu cả ? Tóm lại, nhân sinh quan của Cao bá Quát có ý-tưởng mà không có lý-tưởng.

Về phương diện tích cực thì những xuân-động cũng như quan niệm của Cao bá Quát chỉ là những hiện tượng sa đọa của nền luân lý Nho giáo đã đến lúc suy tàn không đủ sức để cải tạo con người, cũng như xã hội đang xuống dốc đến quá độ. Do đó mà, có ai chủ tri rằng Cao bá Quát chịu ảnh hưởng sâu đậm của đạo Phật, đạo Lão thì thật là lầm lạc vì cả hai Đạo trên không có Đạo nào dạy người ta nên uống rượu tiêu sầu và cải tạo xã hội bằng cách làm giặc cỏ cỏ. Nói thật ra thì ông đã chịu ảnh hưởng của Lý-thái-Bạch thì phải hơn, vì như ta đã thấy, trên ông đã xem đời là mộng, và cố tâm quên lãng trong chén rượu câu thơ.

Rút lại một lời, bài hát trên đã cho ta thấy rõ khía nhìn rất sống động của một con người đã sống tràn trề và cũng đã được đời dạy cho những kinh nghiệm bề bồng vì đau khổ. Sau nữa, quan niệm trên của tác giả không có gì siêu việt mà chỉ là kết quả tất nhiên của một sự va chạm giữa cá nhân với hoàn cảnh, giữa tác giả với cuộc đời mà thôi. Tuy nhiên ta cũng nên thấy rõ tình cách phổ biến của những tư tưởng trên, vì đến bao giờ con người còn đau xót vì cuộc sống thì quan niệm đó vẫn còn là phương thức cảnh giác những tâm hồn mê mờ lạc hướng. Về phương diện hình thức bài hát trên còn đánh dấu sự trưởng thành của thể văn thuần túy dân tộc nữa. Trên những nền đường xây dựng một quan niệm sống vững chắc cho thế-hệ ngày nay, thiết tưởng những nhận xét tinh tế của thi sĩ họ Cao cũng đáng để cho chúng ta suy nghĩ và cảm nhận.



Nhưng nguyên nhân nào mà ông đã thất bại cay đắng trên đường sự nghiệp để đến nỗi phải chịu chết chém ba họ ?

Trả lời câu hỏi này, ông Trúc Khê đã viết trong quyển khảo cứu Cao bá Quát như sau : « Cao chu thần là người có một thiên tài,

điều đó không ai còn chối cãi nữa rồi. Cái thiên tài ấy, đã biểu lộ ra ở văn chương, để lại cho văn học giới chúng ta ngày nay một tập thi ca vừa hân văn vừa việt văn, nhất là hân văn ta phải nhận là một áng văn kiệt xuất. Song người có thiên tài ấy, lại phải cái bệnh là không thêm nghĩ gì đến cái đường kiếm thức. Ông không chịu khắc chế tình tình để cái kiêu ngạo ấy là một tình xấu ở trong người nó được này nở tự do lẫn óp cả những đức tình khác. Cái tình kiêu ngạo ấy dựa vào với cái thiên tài mà mặc sức rông rỡ, kết quả là làm cho hầu hết người trong xã hội ai gần ông cũng không chịu nổi phải sinh lòng ghét gả, muốn xa. »

Họ Cao quả thật có tài. Điều đó lại được học giả Dương quảng Hàm nhắc đến một lần nữa trong Văn học sử yếu : « Ông là một bậc có tài lỗi lạc, nhưng không được trọng dụng nên sinh ra chán nản bực tức : khinh thế ngạo vật, kết cục đến phải làm loạn mà giết chết ».

Nếu đề ý đến lời giải thích vội vàng của hai nhà học giả trên, ta sẽ thấy họ không giải thích gì cả. Vì rằng : Giải-thích một việc, trước tiên phải tìm rõ nguyên nhân, mà ở đây, nguyên nhân sơ khởi đã được gói gọn trong một chữ Kiêu. Mỗi sự gian khổ của họ Cao đều đã được chứng minh quá rõ ràng là vì kiêu ngạo rồi thì không phải giải thích gì nữa.

Và nếu bây giờ ta đặt một câu hỏi đơn sơ là : Thế thì tình Kiêu đó do đâu mà có thì chắc các cụ lại trả lời là vì có tài... Và cứ như thế mà chạy quanh trong vòng lẩn quẩn. !!!

Vậy ta phải đặt lại vấn đề.

A. — Nguồn gốc thiên tài của Cao Bá Quát. Như ta đã biết Cao bá Quát là dòng dõi trâm anh thế phiệt, con của một ông đồ rất hay chữ những vì quá phóng túng trong tư tưởng trong văn từ nên phải thất bại trên đường khoa hoạn. Gia đình ông đời đời lập nghiệp tại Bắc-Ninh... « Xứ này xưa nay vốn có tình là tao nhã phong lưu nhất Bắc Việt mà đến ngày nay trải qua bao nhiêu sự khich động mãnh liệt của bao nhiêu điều kiện sinh hoạt mới ta vẫn thấy ở nhiều nơi còn sót lại nhiều phong tục đầy sinh thú nhẹ nhàng. Những câu hát quan họ ở Hội Lim về tiết xuân, cùng ở tất cả miền xung quanh đó, những đêm trăng sáng, của những đoàn trai gái thanh-tân trao đổi nhau bằng một giọng du dương, tỏ cho ta thấy người xứ ấy có một nguồn tình cảm rất chất phác dồi dào thường rung-dộng nhịp-nhàng với cảnh vật thiên nhiên ».... Có thể nói rằng ông đã thừa thụ được cái tình phong lưu và đa tình của người Kinh Bắc (gái Bắc Ninh, xinh nhất nước — Tục ngữ) Dòng giống ấy, đất nước ấy, tất nhiên con người sinh ở đây cũng phải đa tình và sẵn thiên tài (Nên đề ý đến tác phẩm tình-cảm bất hủ của Cao bá Nhạ, của Ngọc Hàn Công Chúa). Tóm lại là thiên tài Cao bá

Quát đã được những yếu tố thiên-nhiên và huyết-thống đào-tạo nên. Thêm nữa ông vốn lại đa tình, căn cứ-vào những thi văn còn sót lại, ta thấy ông là một nhà thơ tình cảm đời dào một thứ tình cảm mềm yếu, mơ màng. Xa tình nhân thì nhớ thương khóc lóc :

*Giải nhân nan tài đắc
Trót yêu hoa nên đàn diu với tình
Mái lợp hiên nguyệt rủ chênh chênh
Rầu rĩ mấy Xuân về oanh nhớ
Phong lưu tài tử đa xuân tử
Tràng đoạn liễu lang nhất chỉ thư
Nước sông Tương một giải nồng sò
Cho kẻ dấy người đầy mong mỏi
Bứt rứt nhẽ trăm đường nghìn nỗi
Chữ chung tình biết nói cùng ai
Trót vì gần bỏ một hai*

Thế mà, đến lúc được hội ngộ thì lại mong được xa cách để lại được nhớ nhung :

Chẳng biệt ly ai để biết chữ tình

Tuy thế ông vẫn luôn luôn muốn được gần người tài sắc để cùng nhau chia sẻ những nỗi niềm cay đắng trong kiếp sống bẽ bàng của Tài Tử Giai-nhân.

*Tài tử với giai nhân là nợ sẵn,
Giải cứu nan là chữ làm sao ?*

.

*Ừ kia ai ? như mây tuôn, nước chảy, như gió mát,
như trăng thanh :*

Lơ lửng khéo trên người chỉ mãi

Trời đất có san đi mà sẽ lại

Hội tương phùng còn lắm lúc về sau

Yêu nhau xin nhớ lời nhau

Một con người đa tình như vậy tất tâm hồn lúc nào cũng như sợi dây đàn căng thẳng, dễ xúc cảm với ngoại cảnh và giàu tưởng tượng. Thế nên ông tưởng tượng cái triều đình vua Tự Đức là đời vị vua nghệ sĩ Đường Minh Hoàng, mà bọn quan liêu là Cao lực Sĩ và Dương thái Sư, bọn Tùng thiện Vương, Tuy lý Vương là Hạ tri Chương hay Giả Điệp. tiếc rẻ là không có một nàng Dương quý Phi đang mê nhà thơ say Lý thái bạch ; rồi bỗng nhiên ông thấy mình là Trích tiên họ Lý đang say sưa ngất ngheo, mặc cho bọn triều thần nhà Đường xanh mắt cảm phục, cảm thù. Nhưng tiếc thay tất cả những điều ông mơ tưởng, đều nằm cả ở trong một cõi mộng, cho nên sau khi tan mộng thì chính ông lại thấy đời thật quả là một giấc mộng lớn mà đời mình là một

giấc mộng con, chỉ nên uống rượu đề đờ một ngày say sưa, túy lúy sẽ nhảy xuống dòng nước mệnh mang tim một ánh trăng.

B.— Đilem thứ hai cần nói tới là nguyên nhân nào đã cho phép Cao-bá-Quát kiêu căng ? Có thể giải đáp về hai phương-diện :

1-) PHƯƠNG DIỆN TIÊU CỰC

Yếu tố tâm lý.— Có thể nói ngay là Cao-bá-Quát đã phạm một lỗi lầm rất lớn : Ông đã quá thiên về tình cảm mà xêl nhầm tình thế. Do đó, ông tưởng cái đời Tự-Đức là một đời thịnh trị, trên thì có một đáng minh quân, dưới thì có trung thần lương tướng, ai ai cũng đều chăm lo trau dồi đức hạnh, trọng quy điều Khổng giáo. Nhưng ông có biết đâu rằng vị minh quân của ông chỉ là một tay bảo thủ ngu muội và quá kiêu mạn (nên đọc kỹ những công việc của vua Tự-Đức trong việc nội trị, tu thân, và đối ngoại). «Thêm vào đó bọn triều thần chỉ là quân xu phụ quên cả nhiệm vụ của mình là giúp vua đề lo việc nước. Nhưng lúc bấy giờ tình thế đã nguy ngập lắm : vì từ đầu thế kỷ 19 trở đi việc chính trị và học thuật của nước ngoài đã tiến bộ nhiều mà sự cạnh tranh của các nước cũng kịch liệt hơn trước. Thế mà bọn họ chỉ chăm việc văn chương, khéo nghề nghiên bút, việc mấy nghìn năm trước cứ đem làm gương cho thời đại rồi cứ nghe ngẫm tự xưng mình là hơn người, cho thiên hạ là đã man » (Việt Nam sử lược T.T.K). Trong cái cảnh như vậy, ông còn tiếc chi mà lắm le đoạt ấn công hầu đề rồi khi không thỏa lòng mong ước lại sinh ra tức giận, rồi công kích lung tung chẳng biết tiết chế tính khí đề đến nỗi liên lụy đến cả cha mẹ, vợ con. Chính ông đã vô tình đưa con dao cho bọn sát nhân làm thối cả gia đình mình, điều đó do ở cái tâm địa sai lầm nóng nôi của ông mà ra vậy. Sau này dù ông có giác ngộ thì cũng đã muộn và lại tìm lối thoát ly bằng con đường đạo tặc thì lại càng không đáng khen một tí nào nữa. Có thể nói tâm hồn của ông đã mất quân bình giữa lý trí và tình cảm.

Yếu tố khách quan. — Kể từ khi vua Minh-Mệnh củng-cố uy quyền cho bọn quan liêu quý tộc thì xã hội Việt-Nam đắm chìm trong loạn ly đau khổ. Càng ngày bọn phong kiến thống trị càng xa dần quần chúng. Rất đổi là những tay anh hùng áo vải như Nguyễn-công-Trứ mà một khi trèo lên thang danh vọng thì cũng chỉ nghĩ đến việc vui đùa ca hát với bọn cô đầu, rồi vênh váo, nhìn đời bằng con mắt huênh hoang tự đắc. Cho đến đời Tự-Đức thì triều đình, quý tộc là cái quán văn nghệ đề cho các quan ngậm nga, ca xướng. Vua Tự-Đức khóc lóc :

Ơi Thị bằng ơi đã mất rồi,
 Ơi tình, Ơi nghĩa, Ơi duyên Ơi...
 và ...« mê ngựa Hậu bồ, mê nôm Thúy Kiều »

Thế nên, ghét Cao-bá-quát làm sao thì mặc, nhưng vì ông này có khiếu thi văn thì cũng cứ mời vào xướng họa một cái đã. Cho đến khi Quát nhếch mép, bịt mũi :

Ngán thay cái mũi vô duyên.

Câu thơ của thi xã...thối như con thuyền Nghệ An

thì các cụ mới nổi câu lên mà trực xuất tên cuồng nho ra nơi đất trịch.

Chính cái thế giới khách quan lộn xộn đó đã làm cho Cao-bá-Quát lợi dụng đề trêu cợt từ trên chí dưới.

Lỡm Thiên-Tử :

Một chiếc cùm lim chân cỏ đổ

Ba hồi trống đục bước thi vương

Trêu Đại Tướng, Thượng Thư, Văn Võ triều thần :

Ỗ cầm thượng quỳnh, quân tử ố kỳ văn chi Trừ

Bao Tề giữ Tấn, thánh nhân bắt đặc dĩ dụng Quyền (1)

Khinh thầy :

Nhĩ tiểu sinh, hà xữ đặc lai, can thuyết Trình Chu sự nghiệp.

Ngũ quân tử, kiến cơ nhi tác, đục vi Nghiêu Thuấn quân dân. (2)

Chửi đời :

Cảnh phù du trống thấy cũng nực cười.

Và trút tất cả cái ngang tàng trong bài « Uống rượu tiêu sầu » trên kia. Suốt mấy mươi năm sống uất ức, thiếu thốn, Cao-bá-Quát cứ đùa bỡn với đời như trẻ con đùa bong bóng cho đến khi mộng tan vỡ thì đời cũng tan tành. Có thể nói thời loạn là thời của Nguyễn-công-Trừ chứ không phải của Cao-bá-Quát. Tác phong của ông chỉ có thể tồn tại trong một thời bình mà vua là Đường-minh-Hoàng chùi dãi, dăng cháo ; Cao lực sĩ cỡi dầy, Dương-vân-Trung mài mực và Dương-quý-Phi múa hát cho thi sĩ Lý-thái-Bạch, nhà thơ ngông, ngồi ngay trước ngai vàng mà ngâm thơ, uống rượu. Thời loạn là lúc người tài có thể tha hồ đùa bỡn vì vô trật tự, vô kỷ luật mà cũng chính cái vô trật tự, vô kỷ luật đó mà người ta muốn chêm đầu ba họ một nhà thơ cũng là việc rất dễ dàng.

(1) Người quân tử không thể ưa được anh Nguyễn công Trừ, Thánh nhân bắt đặc dĩ phải dùng đến anh Hà tôn Quyền. Cao bá Quát đã gọi tên tặc cả hai ông quan đầu triều ra mà mạt sát.

(2) Giải thoại : Khi đến đình quan đốc học Thăng Long nghe bình văn ông thường bịt mũi. Quan giận ra câu đối : « Gã học trò nhỏ kìa, ở đây tới đây, dám nói sự nghiệp ông Trình ông Chu ? » Ông đối lại : « Ta là quân tử, thừa cơ mà lên, muốn cho vua dân thành đời Nghiêu Thuấn. »

2) PHƯƠNG DIỆN TÍCH CỰC

Ngoài những yếu tố tâm lý và xã hội ta còn cần phải đề ý đến một yếu tố rất quan trọng nữa : *Tính cách liên tục của các phản ứng lịch sử*. Có thể xem trường hợp Cao-bá-Quát là kết quả của một phản ứng mà nguyên nhân đã phát sinh từ đời vua Gia Long và bắt đầu từ năm 1802.

. 1802.— Gia Long thống nhất sơn hà, lên ngôi Hoàng đế và đóng đô tại Phú-Xuân. Tuy thủ đô nhà Nguyễn từ trước vẫn đặt ở đấy nhưng sự kiện biến thiên này cũng đã gieo vào lòng các nho sĩ và bọn cừu thần nhà Lê những trạng huống không kém phần chua chát. Một bọn thì khóc than như nước đã mất thật rồi. Ngay đến bà Huyện Thanh Quan cũng « Nhớ nước đau lòng con quốc quốc » Hồ xuân Hương « khóc cho đèn Trần bắc hành cung ». Hầu hết nhân sĩ Bắc-Hà đều bất hợp tác với nhà Nguyễn ; Nguyễn Du bất đắc dĩ phải ra làm quan thì lại rầu rĩ như cô Kiều mất trính :

Nghĩ mình mình lại thương mình xót xa

Xưa sao phong gấm rủ là ?

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường ?

Tại sao lại có những phản ứng kỳ lạ như thế ? Tại sao người ta lại coi bọn vua tôi nhà Nguyễn như người ngoại quốc ? Ở đây chúng ta đừng theo gót bọn sử gia phong kiến mà cho rằng dân ngu không phân biệt được nước trong cũng là nước ngoài. Không phải thế. Sự thật chỉ do ở sự đối đãi tàn khốc, vô đạo của Nguyễn Ánh với nhà Tây Sơn, với nho sĩ Bắc Hà mà ra cả.

« Khi lấy được Bắc thành, ngài đặt quan Tổng Trấn, triệu Nguyễn văn Thành ở Quy Nhơn ra sung chức ấy » (Việt Nam sử lược T.T.K.) Việc thất sách thứ nhất là không dùng quan lại địa phương trong giai đoạn chuyển tiếp tình hình. Nho sĩ Bắc hà thấy mình bị bỏ rơi so với ngày trước Quang Trung ra Bắc lần đầu giao nước cho Chiêu Thống, cho Nguyễn hữu Chính. Về sau Chính làm bậy thì giao cho Vũ văn Nhậm, nhưng lại có danh sĩ Ngô thời Nhiệm kèm một bên. « Đến tháng bảy, Thế Tổ về kinh đem vua tôi nhà Tây Sơn về làm lễ Hiến phủ ở Thái Miếu, rồi đem ra tận pháp trường xử trị. Lại sai quật mồ vua Thái Đức Nguyễn Nhạc và vua Thái Tổ Nguyễn Huệ lên đem vứt thây đi, còn đầu thì đem bỏ giam trong ngục tối. So với lúc Nguyễn Huệ diệt nhà Lê thì nhân sĩ Bắc hà không khỏi khinh khi những hành động của chúa Nguyễn ». Thêm vào hành động ngu muội này mới thật là hệ trọng. « Những bọn văn thần như Ngô thời Nhiệm, Phan huy Ích ra hàng đều phải đem về kinh, sau giải ra Bắc thành, đem nộp ra dành trước Văn Miếu, rồi tha về ».

Ừ ! thì đánh kẻ thù thì cũng được đi. Nhưng tại sao lại phải mang ra tận Văn-Miếu ở Thăng Long bốn ngàn năm văn hiến mà đánh ? Ý hẩn Gia Long muốn cảnh cáo toàn thể nho sĩ Bắc hà chẳng ? Thảo nào ai cũng than, cũng khóc như là mất nước là phải.

Ta đã biết tinh thần thụ động của dân Việt là một khi cụ đầu tranh rất đặc lực. Rất đổi là khi quốc gia còn trong tình trạng dã man mà một nghìn năm đô hộ của quân Tàu cũng không đồng hóa nổi, huống nữa là cơ đồ nhà Nguyễn không đầy hai trăm năm mà triều cương lại ở xa tít mãi tận phương Nam. Nhờ đó mà tinh thần khinh khi do truyền xuống cho tới đời Tự Đức và bột phát mãnh liệt trong cả tinh độc đảo của Cao bá Quát.

Cũng nhớ rằng : Từ đời Gia Long cho đến Tự Đức miền Bắc không có lúc nào được yên tĩnh, giặc giã liên miên, cho nên dân chúng cũng không khoải nhà Nguyễn mấy... Và sau này khi người Pháp sang thì Bắc hà thất thủ trước thành Phú Xuân. Nếu không quá đáng thì ta có thể xem như nhà Nguyễn đã mất Bắc hà từ năm 1802 rồi vậy.

Như thế thì tình kiêu mạn của Cao bá Quát chỉ là hậu quả của một chính sách ngu muội. Nó đã phát sinh trong giai đoạn quá độ của triều đại, trong tình-trạng thoái nát của một xã hội xuống dốc và tất nhiên, nó không thể nào tồn tại khi nó đã dám biểu hiện tất cả những xấu xa như nhớp của chính thể đương thời.

LỮ HỒ

Doãn quốc Sỹ

Dòng sông định mệnh

I

KHÚC QUÀNH CỦA GIÒNG SÔNG

Ô TÔ từ Hà-nội lên đến quăng đầu tỉnh Bắc Ninh thì có một con đường đá rẽ về tay trái : đường 21. Đi sâu vào con đường đó — đi chân, đi xe đạp, đi xích-lô hay đi xe hàng nhỏ nhỉnh hơn xe tắc-xi một chút — chừng mười hai cây số thì gặp con sông Đuống nước đỏ ửng có bến phà.

Làng Thiệu ở cách bến phà chừng 100 thước, làng An-Lữ.

Năm đó Thiệu lên tám, học lớp tư trường làng, Yến — con gái bà Ba hàng xóm — lên sáu mới xin vào lớp năm. Thiệu được bà Ba giao cho trọng trách trông nom « em Yến » khi đi, khi ở trường và khi về.

Khi đi khi về thì Thiệu làm đầy đủ bốn phận nhưng khi ở trường — nghĩa là trong giờ ra chơi — thì không bao giờ Thiệu nhớ đến Yến. Thiệu ham chơi lắm còn mãi đánh khăng, đánh bi, đánh đáo hay đá bóng.

Con sông Đuống mùa nước cạn trông thật chán phè — Thiệu nghĩ như vậy, nhưng Thiệu cũng không quên rằng nhờ có mùa cạn này mà Thiệu mới dám xuống nước để tập bơi một mình. Năm lên bảy, một hôm Thầy đưa Thiệu ra sông tắm thấy Thiệu bơi mà ngạc nhiên.

Khi về Thầy nói với Mẹ.

— « Nó bơi giỏi như con nhà thuyền chài ấy mẹ nó ạ ».

Vào mùa nước Thiệu thích đi dọc theo con đê làng ngắm cảnh sông nước mênh mông. Mỗi khi ngắm như vậy Thiệu thấy quên hết những thứ mà Thiệu vẫn thích, đánh khăng, đánh bi, đánh đáo, đá bóng. Thiệu thấy hình như mình buồn rầu thì phải nhất là khi ngắm khúc quành của con sông ở tít phía xa trước khi cả giòng sông mất hút sau một lũy tre mờ mờ, có một cây đa vươn lên cũng mờ mờ. Về nhà hỏi mẹ Thiệu mới biết làng đó là làng Thái Lung Thượng. Khi

nghe Mẹ kể truyện *Thạch Sanh* thì Thiệu đồ rằng có lẽ cây đa làng Thái Lung Thượng là cây đa của Thạch Sanh ngày xưa. Đến khi nghe truyện *Phạm Công Cúc Hoa* thì Thiệu lại đồ rằng tại bãi tha ma bên kia bến phà hẳn là đêm đêm vẫn có những cảnh mẹ hiện hồn lên cho con bú như Cúc Hoa đã hiện hồn với hai con.

Thiệu nghĩ bụng : giá sau này Mẹ có chết rồi chôn ở ngoài đồng, đêm đến Thiệu ra ngồi bên mã khóc thì thế nào Mẹ cũng hiện lên Mẹ cũng sẽ ôm Thiệu, vuốt tóc Thiệu và lúc trời sắp sáng thế nào mà Mẹ chẳng đánh lừa : « Con hãy cúi xuống để Mẹ bắt chấy cho con ». Thiệu sẽ không cúi xuống mà nắm chặt lấy vạt áo Mẹ. Không hiểu làm thế Mẹ có sống lại không nhưng nhất định là Mẹ không biến vào mồ được rồi.

Yến đi học cùng Thiệu được hai tháng thì một buổi sáng chủ nhật kia Yến theo Thiệu ra đê ngắm sông.

Thiệu lại nói với Yến :

— Sông mùa cạn trông chán phè !

Khúc quanh đê xa nhỏ hẳn đi. Thiệu chỉ cho Yến thấy lũy tre cùng cây đa và bảo : « Đây là làng Thái Lung Thượng ». Thiệu lồm bồm kể lại cho Yến nghe truyện *Thạch Sanh* và kết luận : « Dưới gốc đa làng Thái Lung Thượng cổ nhiên là ngày xưa có Thạch Sanh ».

Yến hỏi :

— Thế làng mình cũng có cây đa sao ngày xưa Thạch Sanh lại không ở ?

Thiệu gạt đi :

— Mình có phải là người cùng làng với Thạch Sanh đâu. Thạch Sanh ở làng khác chứ, càng xa càng hay, mà làng Thái Lung Thượng thì xa nhất lại cách sông nữa thì Thạch Sanh phải ở đấy chứ.

Lúc bấy giờ Yến mới gật đầu cho là phải. Buổi chiều Thiệu dạy Yến bơi ở gần bến phà. Thiệu buộc túm hai ống quần và cặp quần để khi chìm xuống nước cả cái quần phồng lên như bong bóng. Yến nắm lấy quần, úp mặt xuống và chân đập tằm phồng trên mặt nước. Một tuần sau Yến đã võ vẽ bơi một mình được.

Thiệu, Yến chỉ tắm khỏa thân trong cỏ mùa nước cạn năm đó.

Hai năm sau Thiệu, Yến vẫn cùng đi học trường làng. Thiệu đã học lớp nhì, mà Yến thì theo lớp ba cuối năm thi « Sơ học yếu lược ». Sáng hôm đó Thiệu mặc quần đùi thâm và chiếc áo trúc bầu mới lên đê ngắm dòng sông đang mùa nước. Lẽ ra theo ý Thầy thì Thiệu không được mặc áo mới đi chơi, nhưng Mẹ bảo : « ông cứ để nó mặc cho nhàu hồ đi rồi tôi giặt ».

Khi Thiệu xuống bến phà thì gặp Yến. Yến đang đứng trên cầu nổi tay cầm que tinh nghịch cời những hoa, những quả, những cành củi trôi lướt theo dòng sát bên cầu nổi. Lúc đó phà đã sang bên kia sông và ở bến này chưa có ai tới đợi.

Yến hỏi :

— Thiệu đi đâu đấy ?

Thiệu thò tay vào túi áo trúc bầu mới, vẫy vo :

— Đi lên đê ngắm sông.

Chỉ một thân chuối lớn đương lừng lững từ xa trôi lại Thiệu hỏi :

— Đố Yến biết thân chuối kia có trôi vào khoảng hoắm của bến này không nào ?

Yến nghiêng đầu ngắm rồi đáp :

— Chắc là có, nếu không Yến lấy que cời vào.

Vừa lúc đó có quả gì như quả bưởi lướt gần bên ngoài.

Yến reo :

— Đề Yến cời quả này vào đã :

Yến hơi kiểng chân vươn người về phía trước và khom lưng để gạt quả bưởi, bắt chợt mắt thẳng bằng rồi ngã tòm xuống nước. Yến chỉ kịp kêu lên được một tiếng rồi bị cuốn theo dòng ngược chiều chảy sát bờ, chân đập cuống quít trên mặt nước cố cho thân nổi lên.

Trong một thoáng rất nhanh, Thiệu nhớ ra rằng khi nước lên cao thì khoảng hoắm này nước vẫn chảy thành vòng tròn. Nhưng uả, không thể nghĩ lan man hơn được, Yến đương bơi vụng dại theo dòng sát bờ. Thiệu nhảy phắt, xuống đón ngay cây chuối vừa rạt vào, ãy ngay cây chuối ngược chiều nước men bên dòng chính, phía ngoài cùg.

Phải bơi nhanh, phải ãy mạnh, mình là đàn ông mà — Thiệu nghĩ — đề khi Yến theo dòng bên trong quanh ra tới dòng ngoài thì đã có cái vịu. A lê hấp, veo ! Cây chuối đã được ãy tới lần thứ năm và lao ra trước Yến đúng một sải tay. Khi Yến vịu được cây chuối, Thiệu cũng vừa bơi tới. Thiệu phải bơi sát cây chuối và luôn luôn ãn cây chuối vào để Yến khỏi lạng ra dòng ngoài. Khi cả hai đã leo lên cầu nổi Yến nhìn Thiệu nhoẻn miệng cười, không biết nói cảm ơn.

Thiệu đưa mắt nhìn dòng sông bên ngoài màu nước đỏ hung dữ như mặt người say rượu có chút máu điên, rất nhiều chỗ ngầu bọt trắng như màu nước dãi phôi ở mép bác cu Tý trong làng mỗi khi bác lên cơn ngất, chân tay rẩy đánh đập (mãi về sau này Thiệu mới biết rằng bác Tý mắc bệnh động kinh)

Làm vẻ rất nghiêm trọng Thiệu hất hàm hỏi Yến :

— Yến có trông thấy dòng sông bên ngoài không ? Giá không nhanh

tay lấy cây chuối ra kịp, Yến mà lạng ra ngoài kia thì có thánh cũng không cứu được.

Không thấy Yến trả lời. Thiệu nhìn lại thấy vẻ mặt Yến lo lắng. Yến chỉ vào quần áo ướt sũng của mình :

— Làm thế nào về nhà được ? Mẹ đánh chết !

Lúc bấy giờ Thiệu mới sực nhớ mình cũng sũng nước. Ôi thôi, chiếc áo trúc bầu nay thành màu hồng xỉn, lại thêm mấy khoảng hoen lớn do nhựa chuối quệt vào. Nhưng thôi chuyện mình hãy gác đấy còn tính sao cho yến đã chứ.

Thiệu bảo :

— Yến hãy theo Thiệu lên đê, sắp có người lại đợi phà rồi đó.

Thiệu bước ra khỏi cầu nổi thoăn thoắt leo lên khoảng vệ đê cố mấy cây nhãn cao và mấy cây chuối đại thấp. Yến cũng thoăn thoắt lên theo.

Thiệu hỏi :

— Thế bây giờ Yến bảo phải làm thế nào ?

Yến nói :

— Sáng nay mẹ Yến phơi bộ quần áo thay của Yến ở giây thép ngoài vườn.

Thiệu cam quyết.

— Đê Thiệu về lấy cho.

Thiệu cởi phăng chiếc áo trúc bầu hung hung đỏ treo lên một cành chuối. Thế là Thiệu cởi trần chỉ còn mặc chiếc quần đùi ướt sũng và nói :

— Thiệu sẽ chui vào vườn lấy trộm quần áo mang ra đây cho Yến.

Yến giao hẹn :

— Thiệu nhớ là quần đen, áo tím nhạt kẻ vuông.

Thiệu đã sắp sửa chạy về trở tài. Yến còn hỏi :

— Thế nhưng Thiệu vào vườn nhà Yến bằng lối nào ?

Thiệu đề ngón tay trở lên miệng, bí mật:

— Có một lối Thiệu vẫn chui vào để nhặt những quả mận, quả ổi rơi.

Thiệu nói là « nhặt những quả rơi » cho lịch sự kỳ thực chính Thiệu leo lên, tuốt vôi từng chùm quả, bỏ vôi vào túi rồi tuốt vôi xuống lúi ra.

Cũng may mà đi suốt trên đường từ bến cho tới khi vào vườn Thiệu không gặp Thầy Mẹ hoặc các anh chị. Thiệu vừa chui lọt hàng rào dâm bụt chưa kịp đứng thẳng người đã có tiếng quát, tiếng của bà Ba :

— A... ! a ! ông tướng Thiệu ! Có phải ông chui vào định ăn trộm ổi của nhà tôi để tôi chạy sang nhà mách nào !

Rất nhanh trí — Thiệu cũng không hiểu sao lúc đó mình nhanh trí đến thế — Thiệu đáp :

— Thưa bác cháu tìm con quay của cháu vắng vào đây.

Rồi Thiệu làm vẻ vạch cổ hàng rào chăm chú tìm. Khi bà Ba vào, Thiệu đưa mắt nhận ngay ra chiếc quần và chiếc áo tím kẻ ô của Yến. Chỉ một loáng Thiệu đã lướt tới quơ được cả hai và lủi ra khỏi khe hàng rào. Qua cổng nhà mình, Thiệu thoáng thấy bóng chị Hoa. Thiệu nhảy vội xuống vệ đường khom lưng lại. Chị Hoa không thấy Thiệu. Ra tới bờ sông khi đã đưa quần áo cho Yến thay, Thiệu cũng biết quay đi. Thiệu đã lên mười, Yến lên tám rồi còn gì.

Yến về. Thiệu cởi nốt quần đùi phơi lên bụi dưới rồi nằm lẩn trong một bụi cây chờ cho quần áo khô, thỉnh thoảng nghe vắng tự dưới bên tiếng nói cười của những người vừa ở phà lên hoặc vừa tới bến đò phà. Tới gần trưa quần áo mới khô. Thiệu len lén vào ngõ, chị Hoa trông thấy trước giờ cả hai tay lên giới :

— Thôi thế là tong đời cái áo mới rồi, ông mãnh !

Nhưng nước mắt chị bỗng chạy quanh vì chị thấy Thầy quắc mắt rồi nhìn quanh ý tìm roi. Thiệu không lên nhà trên sợ gần nhà Yến quá. Thiệu lảng thẳng xuống bếp, chỉ vừa kịp đến đứng sau cối xay lúa Thầy đã tới và quát ngang đít Thiệu ba roi cật lực. Thiệu đã nghiêng rãng mà tuy vậy mỗi roi nhận được vẫn còn phải thốt ra câu :

« Con lạy Thầy ! », nhưng rất khẽ.

Anh Tín—anh trưởng — còn hùn thêm :

— Thầy cứ đánh nữa cho từ sau nó chữa. Đùng là ngã xuống bến phà đây.

May sao Mẹ đã xuống, Mẹ vừa thay quần áo khác cho vừa nói :

— Còn ham chơi, còn chết đôn con ạ. Làm sao mà khổ thế, thân lừa ư nặng.

Mọi người đã vào mâm ăn cơm trưa. Thiệu hoàn toàn yên lòng : cha, mẹ, anh, chị mắng thế là xong. May mà Thiệu tính ý xuống ngay bếp. Từ bếp cách một khoảng nhà trên, cách một cái vườn rồi mới đến nhà Yến, chắc Yến không nghe thấy. Thiệu cho việc này giữ kín đáo như thế là phải, không nên để Yến thắc mắc điều gì.

Buổi chiều hôm đó chú Hai ở Hà-nội về chơi mua quà riêng cho Thiệu một bánh sô-cô-la lớn gồm nhiều thỏi nhỏ có bọc giấy thiếc. Thiệu lấy ra một thỏi đi tìm Yến bẻ đưa cho Yến một nửa. Cả hai cùng ăn ngon lành lắm. Khi ăn xong Thiệu thấy bên mép Yến có một vết

sô-cô-la màu nâu xăm. Thiệu thích vệt đó lắm, thành thử cứ mỗi lần lấy ra một thỏi sô-cô-la khác Thiệu phải đi tìm Yến bằng được, bẻ cho Yến một nửa—nhiều khi quá nửa—để được thấy lại vệt sô-cô-la đọng bên mép Yến.

II

CON SÔNG DÀI ĐI TÌM ÁNH TRĂNG MƯỜI SÁU

Năm mười ba tuổi Thiệu đỗ bằng Sơ học bồ túc và phải lên tỉnh Bắc Ninh trọ học. Trưa, chiều, ngày chủ nhật và ngày lễ Thiệu thường cùng các bạn tổ chức những cuộc đi chơi chùa, chơi núi nghĩa là những nơi có tiếng là danh lam thắng cảnh quanh vùng Bắc Ninh. Tuy chưa đỗ như Thiệu, Yến cũng không còn ở làng. Yến theo bác xuôi Hà-nội để tiếp tục học đầu ở trường Hàng Cốt thì phải. Tết năm ấy Thiệu gặp Yến ở làng. Yến bây giờ đã là người Hà-nội. Thoạt tiên Thiệu cũng thấy hơi gờm gờm. Kể ra phép đi đứng, ăn nói của Yến cũng có bạo dạn và kiêu cách hơn xưa nhưng đối với Thiệu, Yến vẫn ngoan ngoãn không có vẻ gì là « làm bộ ta đây ». Rồi những ngày lễ, rồi tết năm sau, mỗi lần gặp lại Yến, Thiệu thấy Yến có lớn hơn nhưng vẫn ngoan như ngày nào cùng cắp sách đến trường làng. Sang đến tết năm sau nữa — năm đó Thiệu mười sáu — gặp Yến, Thiệu thấy không những Yến lớn hẳn Thiệu còn khám phá được thêm một điều mà từ xưa Thiệu không để ý: Yến đẹp, đẹp lắm.

Kể từ năm đó cả hai bắt đầu biết giữ ý.

Nghĩ đến tuổi mười sáu của mình, Thiệu ví với tuổi trăng tròn. Tự nhiên Thiệu thấy kiêu hãnh với tuổi đó. Chiều mười sáu tháng giêng khi vừa tan học Thiệu không về nhà trọ mà đạp thẳng về làng nói dối Thầy-Mẹ là tối nay bài vở không có gì nên về quê cho tĩnh. Sự thực Thiệu cốt về quê để ngắm trăng mười sáu. Thiệu ra ngồi bờ sông từ chập tối để đón trăng ngay từ lúc trăng mới lừng-lững từ chân trời nhỏ dần lên. Bóng tối thẳng thốt hoảng chạy, một lát sau cả dòng sông Đuống gợn sóng vàng. Dưới ánh nắng sông chảy phời phời nhưng dưới ánh trăng tiếng sông bát ngát hơn. Lòng Thiệu tuy triển miên mà cũng thanh thoi vì thấy mình còn nguyên vẹn cả mười hai tuần trăng mười sáu.

Rồi những ngày mười sáu tháng hai, tháng ba, tháng tư... hoặc gặp ngày chủ nhật hoặc không, Thiệu đều về làng để ra ngồi trên bờ để ngắm « trăng của mình ». Đáng tiếc là đêm mười sáu tháng sáu thì mưa lớn và đêm mười sáu tháng tám thì bão lớn nên Thiệu chịu mất trăng. Từ đêm 16 tháng chín trở đi Thiệu bắt đầu lo sợ, lo sợ tuổi đẹp phur trăng tròn của mình sắp vĩnh viễn mất. Trăng mười bảy đã bắt

đầu méo rồi. Trăng mười tám, mười chín càng ngày càng méo xệch. « Hai mươi giắc tốt hăm một nửa đêm », nghĩ đến, cái năm Thiệu hai mươi một tuổi phải chờ đến nửa đêm mới thấy trăng của mình thì thực là buồn, buồn và lạnh và ủ rũ như trăng hai mươi một vậy. Bến như trăng hạ tuần từ hai mươi hai trở đi thì còn thăm đậm biết mấy. Màu trăng thăm đậm nhuộm sâu cả vạn vật như câu ca dao cổ :

Yêu em, yêu đến bao giờ ?

Vạc kêu sườn núi trăng mờ đầu non.

Nhưng xét kỹ : cho đến tuổi hăm chín tuy trăng héo úa mà còn có trăng. Thề thăm thay cho kiếp người — theo sự suy nghĩ của Thiệu lúc đó — là kể từ tuổi ba mươi trở đi — « ba mươi, mừng một giắc tìm thấy trăng ». Từ tuổi ba mươi trở đi là đời người bắt đầu đi vào quãng đường tăm tối vĩnh viễn không trăng. Trời không trăng, đường không trăng, tuổi không trăng. Thà chết quách ! Và ý nghĩ đó càng làm Thiệu quý ba vầng trăng mười sáu còn lại. Đến vầng trăng cuối cùng, trăng mười sáu tháng chạp, Thiệu quyết định thức suốt đêm. Buổi chiều tan học Thiệu mua năm hào lạc rang ở bến ô tô rồi đập ngược gió về làng. Chập tối Thiệu rót trộm một cút rượu của Thầy rồi đi ra bờ đê và âu yếm nhìn vầng trăng vừa lên. Thiệu dự định tợp từng giọt rượu để tưởng như tợp từng giọt trăng : rượu, trăng và lạc. Nhưng rượu đáng quá Thiệu không dám tợp đến lần thứ ba, đành ăn lạc thôi vậy. Trời tháng chạp lạnh lắm, Thiệu chỉ có thể ngồi đến chín giờ là phải về. Thiệu khêu nhỏ ngọn đèn trong buồng và suốt đêm hôm đó Thiệu ngủ phấp phồng, thỉnh thoảng lại tung chăn vùng dậy ra hiên ngàng nhìn trăng và — không hiểu vì một liên tưởng gì — nhớ tới Yển, nhớ đến ngọn ngào. Khoảng nửa đêm Thiệu nhận thấy chòm sao Orion xé đỉnh đầu ngay sát vầng trăng nên ba ngôi sao xếp hàng thẳng hình thất lưng ở giữa bị mờ đi (Một ông Cha ở Bắc Ninh đã dạy Thiệu tìm mấy chòm sao chính trong đó có chòm sao này). Mấy lần sực dậy sau, Thiệu thấy lúc thì trăng tỏ, lúc thì trăng lặn quất sau những đám mây khói vẩn vơ, lúc thì một vài sợi mây quấn lờ lả quanh trăng như chiếc khăn quàng mỏng khiến Thiệu nhớ đến bài sử đời Trần-Anh-Tông vừa học tuần qua và liên tưởng tới khuôn mặt ủ ẻ của Huyền Trân Công Chúa khi dời đất Việt sang Chiêm quốc qua đèo Hải Vân thốt ra lời bất hủ :

Chiều chiều ra đứng Hải Vân

Chim kêu ghềnh đá ngậm thân em buồn.

Thiệu cho rằng Yển sau này không lấy Thiệu mà lại đi lấy người khác thì cũng chẳng khác gì Huyền Trân Công Chúa phải lấy Chế Mân.

Thiệu bèn lấy giấy bút viết một bức thư tỏ tình cùng Yến. Lần cuối cùng khi Thiệu sức dậy ra sân ngắm trăng thì chòm Orion đã lặn, khoảng xế đỉnh đầu giờ đây là chòm Đại Hùng Tinh. Sớm hôm sau người Thiệu một bã phải nghỉ học. Hăm bảy Tết năm đó Yến mới ở Hà Nội về quê và Thiệu mới có dịp trao bức thư tình đầu tiên trong đó những câu lâm ly nhất Thiệu đã kín đáo gạch bút chì đỏ ở dưới. Không biết Yến có chú ý đọc cả bức thư nói chung và những dòng gạch đỏ bên dưới nói riêng không, chỉ biết ngay chiều hôm đó khi Thiệu bất chợt gặp Yến ở bến phà, Yến chỉ vội vã nói với Thiệu một câu : « Đừng, anh Thiệu ạ. » rồi đi về thẳng. Thiệu không bực mình và cũng không thất vọng vì câu nói đó Yến nói bằng giọng bối rối chứ không phải là giọng hắt hủi. Nhưng Thiệu cũng chịu không hiểu sao Yến lại bảo : « Đừng, anh Thiệu ạ ».

Thiệu lên đê nhìn khúc quanh của con sông ở khoảng làng Thái Lung Thượng, nghĩ lại hồi hai đứa còn nhỏ Thiệu đã có lần cùng Yến đứng đây và kể chuyện Thạch Sanh cho Yến nghe. Ngày đó Thiệu nhìn dòng sông sao mà rộng, khúc quanh sao mà cách Thiệu xa xôi. Ngày nay Thiệu đã lớn dòng sông như nhỏ đi, khúc quanh cũng không còn xa tít mù tít như xưa nữa. Con sông cũ hình như chuyển vào hồn Thiệu vì Thiệu thấy lòng mình mệnh mệnh dạt dào.

Mãi đến chiều ngày mừng một tết Thiệu mới gặp Yến. Yến theo mẹ sang bên nhà Thiệu lễ Tết. Hầu như cả hai cùng cố quên hay cố làm như quên chuyện cũ. Có một điều Thiệu không thể nào quên được là : vốn xưa Yến đã đẹp, nhân dịp tết này Yến trang điểm trông càng lộng lẫy lên bội phần. Yến đẹp đến nỗi Thiệu tự nhiên rầu rĩ cả người, rầu rĩ vì Thiệu thấy Yến đẹp như một vì sao. Mà sao với người thì thường cách biệt ! Thiệu linh cảm thấy khó lòng Thiệu lấy được Yến làm vợ sau này. Sớm ngày mừng ba Yến đã đi Hà Nội, Thiệu tưởng như mất Yến vĩnh viễn từ đây. Chín giờ đêm hôm đó Thiệu không sao nhắm mắt ngủ được bèn lên mở cửa ra sông. Trăng thượng tuần đã lặn, trời tối đen như những đêm hạ tuần. Tiếng pháo đã ngớt ngay từ trưa. Ở các làng xa chỉ còn thắp thoảng bóng đèn như những bong ma chơi. Thoảng có mùi hương trầm. Thiệu biết rằng mùi trầm tết đó đã quện vào áo mình tự nhà chừ ở đây thì còn có ai đốt trầm ? Đêm không trăng Thiệu chỉ còn nghe tiếng sóng sông dạt dào khi xa khi gần. Con sông dài như tương tư, như thao thức và đương lần đường đi tìm ánh trăng mười sáu.

III

HAI NGẢ SÔNG ĐI VỀ ĐẤU ?

Năm mười bảy tuổi Thiệu đỗ thành chung. Thầy mừng lắm

nhưng Thầy chẳng vui được bao lâu. Thầy bị cảm nặng rồi mất vào giữa hè năm đó. Mẹ phải cười chạy tang cho anh Tin.

Chú Hai ở Hà Nội về nói với mẹ :

— Chị để em trông nom thằng Thiệu cho, vợ chồng em nay đã khá và vừa tậu được cái nhà ở Hàng Than, thối thì chật rộng cũng là nhà của mình không còn cảnh thuê chung thuê dụng như xưa nữa, cháu nó ra ở được lắm.

Ra Hà nội học Thiệu những vui thăm vì sẽ có dịp gặp Yến. Yến năm đó học năm thứ ba trường Đồng Khánh. Bác Yến nghiêm khắc lắm. Nguyên việc hai đứa trai gái khá lớn gặp nhau đã là điều đáng lung túng rồi, lại thêm cung cách nhìn nghi kỵ của bà Bác nữa khiến bầu không khí càng ngột thở. Thế là cả năm đó Thiệu chỉ đến thăm Yến có một lần. Và một lần nữa vào buổi chiều Thiệu qua trường Đồng Khánh đúng giờ tan học. Thiệu thoáng thấy bóng Yến đạp xe phía trước. Hôm đó Yến mặc toàn đồ lụa trắng. Thiệu đạp xe theo cách Yến chừng hai mươi thước. Cảnh đó y hệt cảnh mà Sinh—anh bạn đồng học của Thiệu—đã trải qua. Sinh là « vua quấy » trong lớp nhưng cũng là một tâm hồn phong phú trữ tình. Hôm đi theo sau người yêu mặc áo trắng trở về, thì từ đật đào Sinh có ghi được mấy vần thơ mà anh em đều cho là tuyệt tác.

Theo Yến đến đầu Bờ Hồ, thấy rằng vượt lên đề đi ngang nói chuyện thì không tiện cho Yến, mà theo sau thế này thì chẳng đi đến đâu, Thiệu dừng lại lên bờ hồ tìm một ghế xi măng vắng dựa xe rồi ngồi xuống. Thiệu đưa mắt nhìn mặt hồ gợn sóng và Tháp Rùa đàng xa trầm lặng. Thốt nhiên Thiệu thở dài và cất tiếng ngâm khẽ sáu câu thơ của Sinh. Chưa bao giờ Thiệu thấy mình ngâm thơ buồn bằng hôm ấy :

*Em nghèo ta có giàu đâu,
Tịch dương đồ xuống đôi đầu ngàn ngo,
Hoe đôi mắt em vơ tả ảo,
Áo trắng bong ảo nảo hồn trinh,
Lòng ta gợn gió ngày tình,
Theo em nào biết chừng mình về đâu.*

Rồi Thiệu nghĩ bụng : Thối cả hai còn ít tuổi cả, mình chịu khó học thi đỗ rồi ngày hết tang Thầy sẽ nói với Mẹ chính thức hỏi Yến.

Nhưng Mẹ chẳng bao giờ hỏi Yến cho Thiệu vì năm sau Mẹ đã theo Thầy trước mùa thi, Mẹ không kịp biết là sau đó hai tháng Thiệu đỗ tú tài phần một. Mùa đông năm đó bà Ba nhận trâu cau ăn hỏi của Yến. Người hỏi Yến nhà giàu lắm, anh chàng vừa mới du học ở Pháp về. Làm sao mà Thiệu địch nổi ? Thiệu thấy chỉ theo học chữ không,

thực nhặt nhẻo vô nghĩa bèn xin vào học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật ban Hội Họa. Vừa học vẽ Thiệu vừa học lấy chương trình thi Tú Tài phần hai. Tất cả năng lực Thiệu như kết tinh lại bèn trong, Thiệu chỉ còn biết học để quên. Cuối năm thấy Thiệu thi đỗ các bà con, các bạn bè ai nấy phục Thiệu thông minh, riêng Thiệu nghĩ thầm : « Thời thế tạo anh hùng ! »

Theo học trường Mỹ Thuật đến năm thứ ba thi vào đầu xuân năm đó chị Hoa về nhà chồng. Vợ chồng anh Tin trông nom ruộng nương cũng khá, mấy năm liền được mùa cả. Chị Tin đã sinh con trai đầu lòng. Thiệu lên vai chủ. Nhưng tới đầu thu Thiệu chịu hai cái tang lòng cùng đau đớn ngang nhau : trường Mỹ Thuật tạm đóng cửa và Yến lên xe hoa. Kể ra từ ngày bà Ba nhận trầu cau của « người kia » mối tình của Thiệu hoàn toàn tan vỡ rồi nhưng dầu sao Yến chưa lên xe hoa thì Thiệu vẫn thấy rằng tuy không thuộc về mình nhưng Yến cũng chưa thuộc hẳn về ai. Đến nay thật là hết, Yến đi vào màu hồng của đêm tân hôn mà màu hồng đó trở thành màu máu loang trong tim Thiệu.

Thiệu đi Bắc Giang thăm chị Hoa cùng anh rể. Thiệu ở Bắc Giang một tuần rồi về làng. Thắng Nghĩa — con anh Tin — đã chấp chững biết đi. Nó đã gọi được « chú... Thiệu » khá sõi.

Thiệu ra bến phà, lên con đê, nhìn dòng sông, nhìn khúc quành xa, nhìn lũy tre xanh cùng cây đa làng Thái Lung Thượng. Rồi một đêm trăng mười sáu kia Thiệu mang giấy vẽ ra ghi bằng bút than một vài nét về con sông, về khúc quành, về vừng trăng... Hôm sau Thiệu nhận được thư của bạn ở Hà Nội gửi lên cho hay ông Giám đốc trường Mỹ Thuật trước khi về Pháp muốn triệu tập tất cả sinh viên hai ban hội họa và điều khác lại đề tổ chức một cuộc triển lãm chung.

Thiệu đã trở lại trường Mỹ Thuật với một tập croquis và làm việc liên miên trong bảy ngày. Thiệu góp phần mình vào cuộc triển lãm chung đó ba bức sơn dầu trong đó có bức nhan đề là : « *Khúc quành của dòng sông* ».

Ông giám đốc trường Mỹ Thuật quả là có con mắt của bậc thầy : Ông đã đứng lại rất lâu trước bức đó và gật gù nhắc đi nhắc lại câu :

— « Mais c'est bien, c'est bien ! » (Được lắm, được lắm !)

Rồi ông gọi Thiệu lại đề cùng Thiệu thảo luận. Ông nói :

— Màu vàng ủa của vừng trăng gọi màu nâu thẫm thẫm lấp lánh sáng của giòng sông. Màu tím xám của từng khối mây « nghẽn thở » hòa hợp rất đúng với màu xám chết của bãi cát bên dưới. Tất cả bức tranh toát ra một vẻ man rợ hoang sơ thuở khai thiên lập địa.

Thiệu chỉ còn biết cúi ơn ông thầy cũ của mình.

Ông lại nói :

— Tình yêu thiên nhiên của anh có những rung cảm khác thường.

Thiệu toan cải chính : « Thừa ông không phải tình yêu thiên nhiên mà là tình yêu của tôi với người tôi yêu, » nhưng chàng lại chỉ gật đầu nói khẽ :

— Vâng, tình yêu thiên nhiên của tôi !

Bức tranh đó của Thiệu bán đúng theo giá ông giám đốc đề nghị, nghĩa là đắt ngoài sức tưởng tượng. Người mua là một nhà tư bản Việt Nam ở ngay Hà Nội. Thiệu xin phép chủ tiệm cho đi thuê nhà riêng. Thiệu nhận vẽ và trình bày cho mấy tờ báo lớn. Thiệu còn nhận dạy học thêm ở một trường tư kia. Tình ham giao du của Thiệu được đà phát triển mạnh vào dịp này. Chẳng tối nào là Thiệu không rủ các bạn đi ăn hoặc đi xi-nê, hoặc đi coi diễn kịch ở nhà Hát Lớn. Chẳng chủ nhật nào là Thiệu không kéo vài bạn hội họa đi về các tỉnh xa: Bắc Giang, Thị Cầu, Bắc Ninh, Hà Nam, Ninh Bình để lấy croquis. Sau này người ta còn thấy Thiệu la cà với các bạn ở các hộp đêm từ hạng sang nhất đến hạng tồi nhất. Có đêm tới 4 giờ sáng Thiệu còn ngồi ở góc phòng để lấy croquis cảnh một vài gái nhảy mệt mỏi ngồi bên mấy người khách quần áo đã xộc xệch trong khi piste nhảy vắng vắng mênh mông như một bãi sa mạc.

Các bạn Thiệu đều tưởng Thiệu sẽ truy lạc to, nhưng không, Thiệu chỉ đi tìm những cảm giác mới, những đường nét mới, những ánh sáng và màu sắc mới để phục vụ nghệ thuật hội họa. Thiệu chỉ thấy chua chát và tưởng như mình truy lạc thật mỗi khi gặp Yến đi với chồng (*Thiệu được biết, tuy đã về nhà chồng Yến vẫn tiếp tục học. Yến học về ngành bảo chế*).

Hè tới, Có một sớm kia Thiệu còn đang ngủ thì chị Hoa hơi hải mở cửa vào. Chị đi chuyến tàu sớm từ Bắc Giang về.

Chị Hoa vừa chấm nước mắt vừa nói :

— Chị không ngờ cậu bây giờ lại dám ra chơi bởi tệ thế. Giới bắt tội cha mẹ mất sớm, cậu đã lớn cậu không tự tu tỉnh, chị chẳng biết làm thế nào.

Thiệu phải hết lời phân giải với chị. Rồi Thiệu vội đi tắm sớm để lấy thêm vẻ tươi mát, tinh táo. Quả nhiên chị Hoa yên lòng. Chị Hoa đòi Thiệu phải về Bắc Giang với chị. Thiệu thu xếp hành trang ngay lập tức. Chín giờ tối hôm đó Thiệu đã đưa với Trang, đưa gái bốn tháng đầu lòng của chị, trong khi chị hí hoáy viết thư rồi bỏ vào bì. Thiệu cũng chẳng hỏi chị viết thư cho ai, nhưng mười ngày sau thì anh Tin ở quê tới. Hai anh em gặp nhau tuy mừng rỡ nhưng Thiệu thấy anh nhìn mình có vẻ nghiêm khắc. Hôm sau anh bảo Thiệu :

— Chú theo tôi về quê.

Thiệu lại thu xếp hành trang theo anh ra bến ô-tô. Ngày hôm đó thấy thái độ Thiệu chơi với cháu, Thiệu lên đê ngắm dòng sông và hôm sau cùng ra thăm đồng chắc là anh yên lòng nên Thiệu thấy anh nhìn mình hoàn toàn thân ái.

Cuối tháng Thiệu nhận được thư của người bạn thân rủ vào Huế mở trường dạy học. Thiệu nói với anh xin đi. Anh ưng thuận nhưng bảo phải chờ, rồi anh đi Bắc Giang, khi trở về có cả chị Hoa. Một bữa tiệc tiễn hành khá lớn được làm ngay hôm đó. Suốt từ đầu bữa đến cuối bữa chị Hoa không ăn mấy, chỉ gắp cho Thiệu và chốc chốc lại căn dặn giọng đầy nước mắt :

— Cậu nhớ là không được chơi bời. Giờ bắt tội cha mẹ mất sớm, mình đã lớn phải biết tu tâm.

Cứ mỗi lần chị Hoa nói câu đó, chị Tín lại gạt đi, tuy là gạt đi nhưng Thiệu thừa biết là chị Cả muốn tỏ đậm thêm lời khuyên :

— Có việc gì phải lo, chú ấy biết thừa những điều ấy rồi. Gớm, non yếu gì !

Ăn cơm xong chị Hoa về Bắc Giang ngay. Thiệu biết chị không muốn ở lại cho tới lúc Thiệu đi vì chắc chắn là chị chỉ biết khóc mà thôi.

Một tuần sau Thiệu đã ngồi cùng bạn trên chuyến xe lửa tốc hành chạy xuyên Bắc — Nam. Chuyến xe chuyển bánh vào hồi 6 giờ hai mươi năm phút. Thiệu đưa mắt nhìn bằng tưởng tượng cả Hà nội qua ga Hàng Cỏ. Tiếng còi tàu thét lên như xé lòng Thiệu. Rồi con tàu chuyển bánh nặng nề, nặng nề như chính hồn Thiệu muốn ngồi sụp xuống đê ở lại gần mảnh đất quê hương. Thiệu nghĩ đến anh chị Tín và đứa cháu. Thiệu nghĩ đến vợ chồng chị Hoa và đứa cháu. Sau cùng Thiệu nghĩ đến Yến... nghĩ đến Yến. Tàu chạy phăng phăng qua ngã tư Khâm Thiên, qua đầm sen Linh Đường, qua Bạch Mai, rồi một bên là đường cái quan với những làng mạc gần một bên là cánh đồng mênh mông, ý nghĩ của Thiệu vẫn đứng lại ở nơi Yến. Thiệu thấy con tàu như con thuyền và đường sắt như một dòng sông. Giờ đây đời Thiệu với đời Yến như một dòng sông tách ra làm hai ngành cách biệt hẳn.

Hai ngành cách biệt hẳn và xa khơi...

Rồi đây hai ngã sông đi về đâu ?

(Còn ba kỳ nữa)

DOÃN QUỐC SỸ

Thái Tuấn

Đường nét và màu sắc

KHI mới bắt đầu, những người đi học vẽ đã được dạy dỗ để vẽ cho thật đúng sự vật. Thỏi than cầm trên tay để vạch nét nhưng đồng thời cũng là cái thước để đo sự vật. Cái giấy chỉ buông theo sức hút của trái đất để chỉ cho kẻ học vẽ khỏi chệch chiều hướng của sự vật. Con người ngồi làm mẫu được mớ xẻ phân chia ra từng ô, từng ngăn trên trang giấy trắng. Thật đúng hệt như một bộ máy mà những bánh răng của phải cài vào nhau không được suy chuyển một ly. Người ta còn cần thận hơn thế nữa và chỉ dẫn rằng : con người là bao nhiêu khúc xương hợp lại, là bao nhiêu thớ thịt phủ lên. Khi đứng ra sao. Khi nằm ra sao. Còn biết bao nhiêu luật lệ và nguyên tắc. Tất cả những thứ ấy để làm gì ? Há chẳng phải mục đích vẽ cho thật đúng sự vật ?

Người thụ giáo cố gắng nhập tâm những điều được dạy dỗ ấy. Và ban đầu để học tập chỉ được sử dụng những đường nét để diễn đạt sự vật.

Nhưng với những nguyên tắc, luật lệ và những điều đã học được, người học vẽ đã sử dụng những đường nét ấy ra sao ?

Thật ra những hình vẽ của người ấy chỉ mới ở trình độ của hình học nghĩa là cân đối, hợp lý đúng theo sự vật ở khía cạnh máy móc tầm thường. Một trăm đường thẳng dùng cây thước để kẻ cũng đều trơ trẽn, khô khan giống nhau. Nhưng một trăm nét vạch thẳng bằng tay, không thể có hai đường giống nhau.

Một đường vẽ ở trình độ hình học không bao giờ có thể đẹp được, vì chỉ có đường mà không có nét.

Đường vẽ diễn tả một sự vật, nhưng nét vẽ diễn tả chính cái người đã vẽ ra sự vật đó. Picasso vẽ một trăm bức chân dung, những đường đều khác nhau, các bộ mặt đều khác nhau, nhưng nét vẽ vẫn là nét vẽ của Picasso. Một hình vẽ không thể đạt tới mức nghệ thuật nếu chỉ ở trình độ hình học. Và cũng không thể đạt tới mức nghệ thuật được nếu chỉ ở trình độ thô kệch man dại ; vì nó chỉ biểu dương cho

sự vụng về, ngây ngốc. Một hình vẽ đẹp phải là sự phối hợp giữa cái phần điều luyện và cái phần hồn nhiên phóng túng. Một hình vẽ đẹp gồm cả đường lẫn nét tự do phóng túng, nhưng có chủ định ; mềm mại nhưng chính xác, sắc bén nhưng không khô khan. Không thể có nghệ thuật trong một bức vẽ nếu hai phần đó tách rời nhau. Một đẳng thì biểu dương một cách nhìn với lý luận, suy tính. Một đẳng thì trình bạch và phóng khoáng. Đó là sự liên kết giữa phần vật chất và phần tinh thần trong một hình vẽ. Đường vẽ diễn tả sự chuyển động một sự thực, nét vẽ diễn tả một tâm trạng, một thứ trừu tượng. Khuyết điểm chung của những kẻ cứ bám chặt lấy những luật lệ và nguyên tắc là đường vẽ thì có đúng, nhưng nét vẽ thì không.

Luật lệ, nguyên tắc buộc người học phải vẽ cho đúng sự vật nhưng khi sáng tác thì người vẽ sẽ nhận thấy rằng : thật là thiếu sót, nếu chỉ dựa vào những luật lệ và nguyên tắc đã học được. Nếu theo đúng những điều mình đã học được thì khi vẽ một cái cây cho đúng sự thực kẻ vẽ phải tả đúng từng cái lá, từng cái cành. Nhưng sự thực đâu có phải là ta cứ phải đếm đủ từng cái lá, từng cái cành mới nhận ra được đó là một cái cây ?

Một người quay mặt nghiêng đi, chúng ta chỉ thấy một con mắt ; nhưng sự thực đâu có phải con người ấy chỉ có một mắt. Và như vậy thì cái luật vẽ đúng với sự vật sẽ phải thay đổi.

Họa sĩ Courbet khi vẽ một đồng gỗ không hề nghĩ rằng đấy là một đồng gỗ mà chỉ coi như đó là một mảng màu sắc. Kinh nghiệm cho biết rằng : Khi ta biết quá rõ sự vật mà ta muốn diễn tả thì chúng ta sẽ vẽ theo lý luận hơn là theo cảm xúc. Song nghĩ cho kỹ thì cái sự vật mà ta trông thấy đó phải đâu hoàn toàn chỉ có riêng một mình thị giác làm cho ta trông thấy được. Đang trong giấc ngủ, bỗng giật mình thức giấc ta trông thấy gì ? Chúng ta chỉ trông thấy khi chúng ta nhận biết được vật đó và chúng ta chỉ nhận biết khi chúng ta có một ý niệm về vật đó. Chúng ta sẽ bảo đây là cánh đồng, đó là hồ nước và đằng xa là lùm cây. Và như vậy thì sự trông thấy sự vật không phải chỉ do ở cái vẽ bề ngoài của nó nữa.

Nghệ thuật hội họa phải chứng kiến sự tranh đấu không ngừng giữa cái hình ảnh bề ngoài của sự vật và cái thực của chính sự vật đó. Những bức tranh không có giá trị nghệ thuật thường là những bức tranh mà người ta thấy trên đó những đường nét bị tô màu hoặc là trên đó có những mảng màu sắc bất thành đường nét, hình khối. Cái thực của mọi vật hoặc là được đường nét công nhận, hoặc là bị màu sắc chối bỏ, không thể chỉ có cái hình ảnh thuần túy và cái vẽ bề ngoài đứng một mình đơn độc. Màu sắc của một ống sơn xanh hay

sơn đỏ khi còn nằm trên bản màu cũng có thể đã là những ý tưởng, nhưng những ý tưởng đó đang còn nằm trong trạng thái của hóa chất. Những màu sắc ấy khi được tô lên bức họa chỉ còn là những tư tưởng vì đã được biến thể bởi nghệ sĩ. Một họa phẩm đạt được tới mức nghệ thuật khi nào họa sĩ đã nắm được nguyên tắc chính yếu này : sự gạn lọc màu sắc, gạt bỏ từ chối mọi ước lệ thông thường và trả lại sự thuần khiết ban đầu của nó.

Màu đỏ không phải chỉ dùng để tượng trưng cho sự vui vẻ. Cũng như màu đen không phải chỉ để tượng trưng cho sự tang tóc. Màu đỏ ở những sắc pháo của ngày Tết có thể nhắc nhở đến một nỗi vui mừng, nhưng cũng màu đỏ ấy sơn trên một cổ áo quan tất nhiên không phải để biểu lộ một sự vui vẻ. Con mắt của họa sĩ là một cái lọc nhưng đồng thời cũng là một cái tam lăng kính phân tích và kéo dài cảm xúc về màu sắc. Chúng ta nhìn màu sắc không chắc gì đã đúng với sự thật của các màu sắc ấy. Chúng ta chỉ nhìn theo sự hiểu biết của chúng ta. Chúng ta đem một tờ giấy trắng từ ngoài sáng vào trong nhà, bao giờ nó cũng vẫn là một tờ giấy trắng. Chúng ta trông thấy nó trắng và nếu chúng ta muốn vẽ nó trong một bức họa ; Cữ chỉ đầu tiên của chúng ta là bôi một mảng sơn trắng lên. Và nhận thấy rằng vẽ màu trắng như thế không có gì giống tờ giấy trắng cả. Sự thật thì cái màu mà ta tưởng là trắng có thể là vàng thật nhạt hay là tím nhạt, tùy theo thời gian và chiều ánh sáng. Có họa sĩ vẽ một bức họa trong đó toàn là những đồ vật có một màu trắng. Một vài quyển sách giấy trắng, đặt trên một cái khăn bàn vải trắng và một ít bông huệ trắng. Họa sĩ cố diễn tả cho mỗi vật có một màu trắng riêng biệt của nó.

Người xem sẽ rất ngạc nhiên khi thấy trong tranh không phải chỉ có toàn một màu trắng và suy nghĩ : sao chỗ này lại hơi tím tím, chỗ kia hơi xanh xanh, và nhất định là cái khăn bàn trắng kia, theo mắt mình trông thấy, không hề có những vết tím nhạt như họa sĩ đã vẽ. Họa sĩ thì lý luận rằng : bóng tối của một vật màu trắng là tím nhạt. Thật ra thì không thể nhìn mọi vật mà không suy luận. Vẽ một bức tranh nếu không phải chỉ là làm công việc chụp ảnh một sự thực thì cũng không phải chỉ là để giải bày cảm xúc của riêng mình. Cái điều chính là làm công việc khám phá những khía cạnh ẩn kín của sự vật và trình bày nó dưới những chiều ánh sáng mới lạ của cảm xúc ; và như vậy họa sĩ chỉ cần xây dựng những nét lớn, nét chính của cái thế giới mới do mình tạo ra. Cái thế giới mới mà họa sĩ trình bày tuy chỉ ở trong khuôn khổ của một bình diện hai chiều nhưng họa sĩ phải gợi cho người xem cảm thấy cái chiều thứ ba của sự vật. Có như vậy thì sự vật do họa sĩ trình bày cho chúng ta thấy

mới được đầy đủ và phong phú.

Sau khi tóm thâu được kỹ thuật về đường nét, nguyên tắc về đường nét, nguyên tắc về màu sắc có người cho rằng như thế là đầy đủ và rất yên trí để làm công việc hội họa. Kề ra thì khi mới bước chân vào nghề những người mới học vẽ thấy rằng: mình cũng vẽ được một bức tranh đẹp: màu sắc điều hòa, đường nét cân đối, và hân hoan sung sướng mà nhận ra: vẽ thật không đến nỗi khó như mình đã tưởng; nhất là khi người ấy lại được một họa sư chỉ bảo cho một ít mảnh khoe, một thứ sảo diệu và nhất là nếu kẻ đó lại dám bắt chước đám mây của một họa sĩ này, cái cây của một họa sĩ khác và hồ nước của một họa sĩ thứ ba. Chắc chắn là sẽ tiến tới một bức tranh coi được. Một ngày kia bức tranh ấy được lồng vào một cái khung lộng lẫy và nằm trong một gian phòng triển lãm. Có người sẽ lầm về giá trị của bức tranh ấy, nhưng không phải tất cả mọi người đều có thể lầm lẫn. Tôi đã gặp rất nhiều người học vẽ, ngồi trước cảnh vật hết sức chú ý để ghi chép, say mê để ghi chép đến nỗi quên cả nhìn cảnh vật. Họ không rời rời để nhìn cảnh vật vì họ bận bịu trong việc ghi chép quá. Những người này nếu lấy sự vẽ làm một thú tiêu khiển, hoặc là một thứ giải trí sau khi đã làm việc mệt nhọc thì những kẻ đó chắc chắn là những con người sung sướng. Nhưng nếu họ muốn thành những kẻ hành nghề hẳn hoi thì thực đáng buồn vì họ sẽ là những con người khổ sở đáng thương hại. Bước đầu, mới bước chân vào địa hạt văn nghệ thực quả là có vẻ dễ dàng. Người ta rất có thể tạo ra một số bản nhạc vui tai sau khi đã chịu khó học tập về những nguyên tắc luật lệ của ký âm pháp. Người ta cũng rất có thể ~~gắn~~ thành một bức tượng coi được, xinh xắn nếu đã học qua về điêu khắc. Còn về văn chương, ai cũng có thể viết được miễn là đã đọc nhiều, và bắt chước lối hành văn cho giỏi. Tất cả những sản phẩm đó: hoặc là một bức tranh vui mắt, hoặc là một bản đàn êm tai, một bức tượng xinh xắn, hay là một cuốn tiểu thuyết đọc để giết thì giờ; thì cũng vẫn chẳng là cái gì cả. Làm công việc hội họa mà chỉ bó tròn thu hẹp ở trong phạm vi kỹ thuật, nguyên tắc là tự hạn chế, kìm hãm mình ở trong vai trò của một người thợ, của một văn công. Muốn tiến tới xa hơn và sâu hơn trong địa hạt nghệ thuật chúng ta cũng không thể chỉ đứng riêng rẽ trong phạm vi hội họa mà tìm được đường lối. Tất cả các bộ môn văn nghệ đều bổ khuyết cho nhau, phải nương tựa vào nhau và tìm hiểu lẫn nhau. Hội họa mà không có âm nhạc là hội họa điếc; Âm nhạc không có hội họa là âm nhạc mù. Công việc về nghệ thuật không thể nào giao phó được cho một người thợ, dù cho đó là một bác thợ giỏi. Một người thợ làm việc nhiều, suy nghĩ ít. Một nghệ sĩ suy nghĩ nhiều hơn làm. Có người hỏi một nhà văn rằng: tác phẩm của ông viết mất bao

lâu mới xong? Nhà văn trả lời: Tôi nghĩ trong sáu năm, viết trong sáu tháng, in trong sáu ngày. Sự suy luận soi sáng cho ta khám phá sự vật, tìm hiểu nguồn gốc tạo vật, nhận thức những liên quan với những cái đẹp. Có người sẽ nghĩ rằng: Có thật sự suy luận là cần thiết hay chỉ gây thêm sự loạn óc? Vì thật ra từ trước đến giờ lý luận về cái đẹp, về nghệ thuật chẳng gây được một tý cảm hứng nào cho những người làm việc nghệ thuật. Tìm hiểu đâu có phải là sáng tạo. Không phải rằng những nghệ sĩ chân chính vẫn thường rất bức mình, vì các thứ triết học được sinh ra để soi bói, phân tách công việc làm của họ. Nếu khoa thẩm mỹ học là một phương pháp hoàn hảo có thể giúp ta thấu triệt và cất nghĩa được bản chất tuyệt đối của cái đẹp, có thể khám phá hết tất cả những bí quyết của nghệ thuật, thì thật là một chuyện nên lo. Vì lúc ấy sáng tác một họa phẩm muốn đạt tới mức của nghệ thuật chỉ theo một vài công thức như một dược sĩ pha thuốc, hay một kỹ sư dựng đồ bản cho một chiếc máy vậy. Cái thắng lợi của các lý thuyết gia mà đến mức ấy không những đáng lo mà còn là một sự tai hại. Nhưng may mắn thay, chúng ta chưa đến nỗi phải nhận cái lo ấy. Vì tất cả những khoa học, những triết học, những sự tìm hiểu về cái đẹp, về nghệ thuật luôn luôn chỉ có thể ở giai đoạn tìm hiểu, mà chắc chắn là không bao giờ có thể ở giai đoạn thấu triệt. Bảo rằng cất nghĩa được cái đẹp không khác gì bảo rằng giải thích được tâm hồn của mình. Trong vấn đề triết học có nhiều lúc sự suy tưởng phải ngừng lại, vì sự suy nghĩ cũng có giới hạn. Khổ óc của chúng ta không phải là tất cả vũ trụ và bí mật của vũ trụ cũng không phải chỉ lý luận mà tạo được. Nhưng chúng ta sẽ mang tiếng là lười biếng nếu chúng ta không suy tưởng cho đến mức không thể suy tưởng hơn được nữa để tìm hiểu những tính chất chính của nghệ thuật đã rút được trong kinh nghiệm. Có như vậy thì những sự học hỏi về kỹ thuật của nhà trường đã dạy ta mới thêm phần giá trị, và có như thế ta mới xứng đáng để lãnh một sự mạng của nghệ thuật.

THÁI TUẤN

Qua các bộ môn văn nghệ

BÀI VIẾT CỦA NGUYỄN DẰNG — MAI THẢO

VŨ NỮ SAIGON của *HOÀNG HẢI THỦY* — Túc giả xuất bản.

Một thiên phóng sự giá trị trước hết phải là một tiếng nói của sự thật, về những sự thật. Tính chất xã hội ở đó. Không thể thêu dệt, không thể tưởng tượng. Ngồi nhà hình dung ra, viết dựa theo chuyện thuật lại, không thể gọi là phóng sự. Bởi yếu tố « sống » và gia nhập hẳn vào đề tài bắt buộc phải có ở người viết mà viết phóng sự còn là làm phóng sự nữa. *Vũ Nữ Saigon* là một số phóng sự ngắn, kết quả của những điều tai nghe mắt thấy, những tiếp xúc của tác giả với một lớp người mà nghề nghiệp, đời sống, và thậm chí kịch nữa, bởi những sắc thái đặc biệt đã trở nên đề tài quen thuộc cho những người viết phóng sự từ trước đến nay. Viết về vũ nữ, tác giả đã sống, đã giao thiệp với họ và nhiều chỗ đã biến thành nhân vật chủ động. Những sự thực sau đó được phơi mở một cách sống sượng, trần trụi, chứng tỏ tác giả có được lối nhìn sắc bén của người làm phóng sự. Điều đáng tiếc — khuyết điểm ở đây — là đáng lẽ chỉ nên chú trọng diễn tả một cách khách quan hơn về những cảnh đời vũ nữ ấy đến được với chúng ta trong tất cả sự thực tàn nhẫn, linh động của nó, tác giả đã đưa cái « tôi » của mình vào phóng sự quá nhiều. Nhiều chỗ ta « thấy » Hoàng Hải Thủy nhiều hơn là những Vũ Nữ Saigon. Tính chất phóng sự mất thuần túy. Nhân vật, hoàn cảnh đã bị tiểu thuyết hóa. Mà tiểu thuyết cũng không thành hình. Lối viết nhiều chỗ bay bướm, nghiêng về cổ gập tạo những đoạn văn hay hơn là cố

gắng nói lên những sự việc thực tế. Thiên phóng sự gây cho chúng ta những cảm tưởng ngộ nghĩnh vui quấy hơn là bắt người đọc suy ngẫm về một hiện tượng xã hội thực ra trầm trọng hơn và đáng được đặt thành vấn đề. Vì chính một phóng sự phải là một vấn đề.

Tuy vậy một vài sự lỏng lẻo kể trên cũng được dễ dàng bỏ qua trước một lối hành văn cởi mở, hồn nhiên. Tác phẩm chưa thành công nhưng người viết đã có cốt cách một phóng sự gia. Do đó *Vũ Nữ Saigon* đáng được chú ý trong loại sáng tác mà hiện nay còn ít người thực sự nghĩ tới là phóng sự.

N. Đ.

TRÊN VĨA HÈ SAIGON của *TRIỆU ĐÀU* — Tán thưởng Lợi xuất bản.

Thêm thiên bút ký ngắn về Đế thiên Đế thích ở cuối sách, tập truyện gồm mười hai sáng tác ngắn là những hoạt họa hoặc châm biếm, hoặc dí dỏm, về nếp sống và con người của thành phố Saigon. Chúng ta bắt gặp một Triều Đầu của những tác phẩm cũ: *Trên Vĩa Hè Hà Nội*, *Tranh Tối*, *Tranh Sáng*, *Lá Thư Hà Nội* v.v... Thế giới Triều Đầu vẫn là những vĩa hè. Vẫn cái nhìn của con người ngoài phố. Vẫn lối chơi chữ một cách tinh nghịch, với những dấu chấm đầy ý nghĩa. Chúng ta vẫn dễ dàng tìm thấy bản chất hồn nhiên và nhất là cái nụ cười tưởng không bao giờ tắt trên môi của tác giả, bền tách cà-phê và điếu thuốc lá cố hữu của ông, từ một chỗ nào đó quan sát đời sống những vĩa hè thành phố. Đối với ông, những vĩa hè đó không chỉ là những vệt thẳng, những tảng

nhựa, mà còn là một sân khấu rộng lớn hàng ngày phổ diễn những phong tục, những nếp sống điển hình của con người Saigon. Có một điều mà chúng ta nhận thấy là trước hết Triều Đầu vẫn nhìn cái nhìn khi ông viết những vĩa hè Hanoi. Không có biến thái như Bùi xuân Uyên đã nói trong bài đề tựa. Triều Đầu không thay đổi cả đến lối nhận xét trước sau vẫn mang cái đáng đáp bở ngỡ của con người dễ dàng ngạc nhiên, dễ dàng thích thú trước những cảnh tượng nhỏ mọn, thoáng qua. Thực chất, cá tính độc đáo và nghệ thuật của Triều Đầu cũng là ở đó. Đọc ông, chúng ta có cảm tưởng đứng trước những bức họa vẽ bằng những nét, những màu sắc linh động và nghe thấy tiếng cười vui tươi của ông cất lên sau những nét và những màu sắc ấy. Gán thêm một triết lý một ý niệm nào khác chỉ làm nặng làm tối cái thế giới hồn nhiên kia thôi. Tác dụng tốt đẹp của những tác phẩm loại « Trên Những Vĩa Hè » của Triều Đầu là: ông đã gây cho người đọc ham thích nhận xét và khám phá những cảnh sống ngoài mặt đường. Và chúng ta thấy: Những điều nhỏ mọn nhất ấy chính là những nét chấm phá lớn nhất của thành phố, chính là sinh hoạt của thành phố chúng ta đang ở.

M. T.

NHẠC KHÚC MÀU XANH thơ TUẤN GIANG.

Bla vẽ xanh đỏ lờ lợt, thủ bút, phụ bản với những vằn lục bát tực cảnh, một cánh thư bốn phương và một trang « cõi mở » giải dòng vô nghĩa, tất cả những

phụ thuộc vô ích và thiếu nghệ thuật ấy đã làm mất cảm tình người đọc trước khi vào thơ. Rồi phần lớn bài thơ nào cũng nặng chịch những lời mừng, gửi, đề tặng. Một tác phẩm văn nghệ có thể trình bày trang trọng hay giản dị nhưng tối kỵ những thứ trang trí lằng nhằng ấy. Tập thơ có một bộ mặt thực xấu. Nội dung lại không thể hiện được một sự kiện mới lạ nào, kể cả kỹ thuật và tâm hồn tác giả. Tuấn Giang vẫn giữ được một nhịp thơ riêng, lúc uyển chuyển, lúc hùng mạnh, nhưng ý tưởng và cảm xúc đều sáo cũ, thiếu chân thực. *Nhạc Khúc Màu Xanh* phải coi là một thất bại. Người ta chờ đợi ở Tuấn Giang một sinh khí mới.

N. D.

THẦN THÁP RỪA của VŨ KHẮC KHOAN — Quan Điểm xuất bản.

Tác phẩm gồm bốn truyện ngắn: Thần Tháp Rùa, Trương Chi, Nhập Thiên Thai, Người Đẹp Trong Tranh. Nhìn toàn thể, điểm đáng cho ta chú ý trước hết là tính chất đồng nhất của nội dung tập sách, mặc dầu mỗi truyện được viết cách nhau hàng năm. Điều này chứng tỏ tác giả trước sau giữ vững một lập trường, một mục đích nhất định. Trong sáng tác, mục đích ấy đã được thể hiện chân thành và trang trọng, nhờ một lối hành văn công phu—tưởng như mỗi chữ, mỗi dấu chấm, phẩy đều được cân nhắc chọn lựa—đến lối bố cục cốt truyện tỉ mỉ—nhiều chỗ phẳng phất kỹ thuật điện ảnh. Tác phẩm đã tạo được cái không khí riêng biệt của nó, vàng son và quý phái. Cái đẹp của Thần Tháp

Rùa là cái đẹp « một đám mây trắng nổi như bóng trời qua như một giấc mơ ». Người ta không nắm lại được gì trong lòng tay vì cái đẹp đó vừa xa xưa vừa trừu tượng.

Đọc Thần Tháp Rùa, ngoài bình diện nghệ thuật chúng ta còn thấy tác giả dụng ý thể hiện một quan điểm chính trị: đó là lập trường và thế đứng người tiểu tư sản. Mục đích này có thành công hay không, lập trường tiểu tư sản trong sáng tác có đứng vững hay không, phải một bài phê bình dài mới sáng tỏ được những nghi vấn. Ở đây tôi chỉ muốn nêu ra một điểm. Điểm này có thể đặt thành vấn đề thảo luận. Đó là lối kể (*version*) mà tác giả đưa vào ba câu chuyện cổ. Tôi không nói tới lối giải thích hay bình luận những truyện cổ ấy của tác giả, vì đi xa hơn, nhằm chứng minh một quan niệm chính trị tác giả đã không ngần ngại thay đổi hẳn lại nội dung, ý nghĩa đã kết đọng, đã đứng im của mấy câu chuyện cũ. Có thể nói là những đổi thay căn bản. Đứng về phương diện khảo cổ, người ta có thể nói tác giả đã xuyên tạc chuyện xưa. Nói thế không có nghĩa là những truyện cổ còn truyền tới ngày nay xưa kia đã thể hiện sát đúng sự thực. Truyện cổ ít nhiều đã có tính cách thần thoại. Khoa học khảo cổ cũng lại chứng minh rằng: kỷ niệm của một biến cố lịch sử hay một nhân vật lớn lao không giữ trọn được trong ký ức bình dân quá ba hay hai thế kỷ. Lại có những trường hợp người bình dân đổi thay tức thì một biến cố thành một thần thoại, mà mục đích vẫn là thay đổi dần dần những nhân vật, những biến cố cho tới khi ăn nhập hẳn

với những mẫu bất di bất dịch của một thần thoại, để có thể dễ dàng lưu lại trong ký ức của tập thể. Như thế có nghĩa là sự đổi thay một câu chuyện không phải là không có. Nhưng tôi nghĩ rằng đó là việc làm, quyền làm của đám đông. Hơn nữa việc làm và quyền làm của đám đông ấy chỉ có thể có trước khi câu chuyện đã trở nên cố định, được chuẩn nhận. Ở Vũ Khắc Khoan sự thay đổi cốt truyện có thể vì một mục đích cách mạng. Nhưng tôi muốn đặt một câu hỏi: Liệu cách mạng có nên và có thể phá bỏ được những pho truyện cũ đã hoàn toàn thuộc vào di sản tinh thần của lịch sử và của toàn thể ấy không? Vì tôi thấy rằng mặc dầu sự táo bạo, lối giải thích thông minh, lối xếp đặt khoa học, mặc dầu tất cả công phu của tác giả — cho là thành công đi nữa — anh Trương Chi, anh Tú Uyên mới vẫn không làm tôi quên được anh Trương Chi, anh Tú Uyên cũ, câu truyện cổ với không khí huyền ảo, những nét đẹp hoang đường của nó. Nên hay không là thế. Nhưng sự kiện vốn đã khác biệt khó tạo được một đất đứng chung. Mục đích chủ yếu của Vũ Khắc Khoan là giải thích, chứng minh trên những khía cạnh cách mạng, con người tiểu tư sản. Sáng tác cần phải sắc thực, trẻ và sống động hơn. Truyện cổ theo tôi là một đất đứng chật hẹp và không thích hợp. Vì tôi vẫn cảm thấy rằng, nếu không bị giới hạn, trong những cái khung cổ kính ấy, tư tưởng và cảm xúc của Vũ Khắc Khoan còn đến với tôi chân thành và mãnh liệt hơn nữa.

M. T.

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

TRONG NHỮNG SỐ TRƯỚC

NGUYỄN SỸ TẾ : Khuynh hướng siêu thoát trong văn học Việt Nam. 1802 –
LÊ VĂN SIÊU : Phong độ văn hóa – NGUYỄN SA : Thơ. Con đường triết
học. Vấn đề thượng đế trong văn chương Việt Nam – DOÃN QUỐC SỸ :
Căn nhà hoang – MẶC ĐỖ : Buổi họp mặt – VŨ KHẮC KHOAN : Khóa
cạnh tâm sự Ôn như Hầu – MAI THẢO : Căn nhà vùng nước mặn – TRẦN
THANH HIỆP : Tìm một xuất lộ cho điện ảnh V.N.

HỘI QUÁN PHÁP VĂN ĐỒNG MINH

22, Gia Long – Saigon

DUY THANH

sơn dầu – bột màu – thuốc nước

lừ 15 lừ 30 tháng 3 năm 1958

TRIỂN LÃM MÙA XUÂN

Tuy đã được giấy phép của Văn hóa Vụ, song cuộc triển lãm mùa
xuân phải hoãn lại vì phòng khánh tiết văn hóa – 15 Lê Lợi – dùng để
triển lãm nguyên tử.

Thành thực xin lỗi các bạn yêu nghệ thuật.

Lê thị Quang – Tôn nữ Thượng Khanh – Đào Sĩ
Chu – Ngọc Dũng – Thái Tuấn – Duy Thanh

Các bạn : Hy Vân, Lan Sinh, Từ Khanh, Nguyễn trường Anh, Nguyễn
hồng Sơn, Huy Trâm, Hoanh huyền Hoành, Tùng Thạch
Quyên, Nguyễn thiếu Văn, Nguyễn vọng Hộ, Viêt Huy,
Lưu mộng Giang, Hoàng Vân :

Đã nhận được thư và sáng tác của các bạn. Xin cứ gửi tiếp. Thân ái.

Ô. Từ Văn : Thư đã nhận được. Cảm tạ về những ý kiến quý báu. Đã chuyển
lời hỏi thăm đến T.T.T

Ô. Vi huyền Hương : Tám bài thơ đã nhận đủ. Đang xem. Thân ái.

Thạch Trân : Đã nhận được thư. Thân ái.

Anh Thế Viên : Sẽ trả lời bằng thư riêng.

Hoàng bình Sơn : Đã gửi đối ngay số khác. Mong anh đã nhận được.

Đông Kang : Lúc nào đến cũng được. Đừng ngần ngại.

Lưu hoàng Hoa : Có dịp sẽ đăng « Từ khúc bình minh xưa » Thân ái.

Trường Dzi : Thư và văn đã nhận được. Thân ái.

Trả lời chung :

Trong dịp Nguyên Đán, tòa soạn và ban biên tập có nhận được rất nhiều
thiệp của bạn hữu và bạn đọc từ các nơi gửi về chúc mừng năm mới. Không thể
trả lời riêng, chúng tôi xin thành thực cảm tạ ở đây, và cũng xin gửi tới các bạn
những cảm tình tốt đẹp nhất vào dịp đầu năm.